

Thế chiến quốc - Hoa Kỳ - 1



Thế chiến quốc

05.10.2023

1. Hoa Kỳ giải mật kế hoạch đối đầu với Trung Quốc
2. Nguồn gốc và ý nghĩa khái niệm 'Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương'
3. Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương: Kỷ nguyên mới của cạnh tranh địa chiến lược
4. Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương yếu ớt của Mỹ
5. Rủi ro đối với châu Á dưới thời của Trump
6. 'VN không tham gia nhưng ủng hộ chiến lược Ấn Độ-TBD'
7. Học thuyết Biden có gì mới?
8. TRANG THÔNG TIN: Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ
9. Mỹ công bố chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương, kêu gọi đồng minh đoàn kết đối phó với Bắc Kinh
10. Chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc : Bảo vệ trật tự quốc tế
11. Xoay trục 2.0: Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương
12. Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương mới của Mỹ: Ý tưởng và khoảng trống
13. Đánh giá Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ
14. Ấn Độ-Thái Bình Dương, liên minh rộng lớn đối phó với Trung Quốc
15. Chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương của Mỹ tiến triển nhờ...Trung Quốc
16. Việt Nam nằm đâu trong Chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương Mỹ mới công bố?
17. Việt Nam trong Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Mở và Tự do
18. Pháp - Đức - Nhật ủng hộ vùng Ấn Độ-Thái Bình Dương "tự do và mở"
19. Chiến lược mới của Mỹ tại Đông Nam Á
20. Tổng thống Biden chọn Trại David lịch sử để họp thượng đỉnh Mỹ-Nhật-Hàn có ý nghĩa gì?
21. Tầm quan trọng của 'Bộ Tứ' trong an ninh châu Á
22. Việt Nam 'giữ vững quan điểm' về 'Bộ tứ' Mỹ, Nhật, Úc, Ấn Độ
23. Việt Nam đứng trước cơ hội tham gia Bộ tứ kim cương mở rộng

Hoa Kỳ giải mật kế hoạch đối đầu với Trung Quốc

Đăng ngày: 13/01/2021 - 14:46

Capture à partir de :[RFI](#)

Chính quyền Mỹ, cho phép giải mật một kế hoạch nhạy cảm, trong đó vạch ra chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ để đối phó với sự bành trướng của Trung Quốc.



Không quân Mỹ và Nhật Bản diễn tập đội hình phối hợp với hàng không mẫu hạm Mỹ USS Ronald Reagan (CVN 76), ngày 01/06/2017 ở biển Nhật Bản. Ảnh tư liệu chụp công bố ngày 02/06/2017.AFP - ARTUR SEDRAKYAR

Tài liệu gồm 10 trang vào tháng 2/2018 được xếp vào loại « *mật* », để đối phó với mối đe dọa ngày càng tăng từ Trung Quốc. Dự định chỉ được công bố vào năm 2043, nhưng tuần rồi đã được chính quyền Donald Trump cho phép giải mật và công khai vào hôm nay, 13/01/2021, với chữ ký của cố vấn an ninh quốc gia Mỹ O'Brien.

Văn bản khẳng định an ninh và thịnh vượng của Hoa Kỳ tùy thuộc vào sự tham gia tại khu vực Ấn Độ-Thái Bình Dương « *tự do và rộng mở* » - sẽ là động cơ cho tăng trưởng của Mỹ, của khu vực và toàn cầu. Hoa Kỳ không thể để cho Trung Quốc thống trị trên không và trên biển tại chuỗi đảo đầu tiên (bao gồm các quần đảo Kuril, Nhật Bản, Lưu Cầu và Đài Loan, Bắc Philippines và Borneo).

Hoa Kỳ cần phải hỗ trợ sự trỗi dậy của Ấn Độ, tăng cường bộ Tứ Ấn-Nhật-Úc-Mỹ. Washington sẽ giúp hiện đại hóa lực lượng phòng vệ Nhật Bản và tăng khả năng tự vệ của Đài Loan. Tại

khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương, Mỹ muốn nâng cao vai trò của ASEAN, thắt chặt mối quan hệ với Việt Nam, Singapore, Malaysia, Indonesia.

Về mặt kinh tế, Hoa Kỳ sẽ tăng cường kết nối với các quốc gia muốn cải cách theo hướng thị trường, xúc tiến mô hình hội nhập phát triển tại Ấn Độ-Thái Bình Dương, như một giải pháp đáng tin cậy thay thế cho « Nhất đới, nhất lộ ». Bên cạnh đó là việc mở rộng vai trò APEC, giúp đỡ hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN qua việc tạo điều kiện thương mại, hiện đại hóa hải quan, hài hòa các tiêu chuẩn. Washington cũng khuyến khích các công ty tư nhân Mỹ hăng hái tham gia vào lãnh vực đầu tư và thương mại tại khu vực Ấn Độ-Thái Bình Dương.

Tờ báo Úc *Sydney Morning Herald* cho rằng sở dĩ tài liệu được giải mật vào lúc này, là do các viên chức đã phác thảo ra chiến lược muốn được nhìn nhận công sức của họ. Đồng thời khuyến khích tổng thống tân cử Joe Biden tiếp tục chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương hiện nay, gửi một thông điệp mạnh mẽ đến các đồng minh của Mỹ.

Nguồn gốc và ý nghĩa khái niệm 'Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương'

28/05/2018

Capture à partir de : nghiencuuquocte



Nguồn: Gurpreet S. Khurana, "[Trump's new Cold War alliance in Asia is dangerous](#)", *Washington Post*, 14/11/2017.

Biên dịch: Lê Như Mai | **Biên tập:** Lê Hồng Hiệp

Trong chuyến thăm gần đây đến châu Á, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã cho thế giới biết cái nhìn đầu tiên về chiến lược địa chính trị đang hình thành của mình. Cả ở Hội nghị Thượng đỉnh Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC) tại Việt Nam lần cuộc gặp trước đó với Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe, ông Trump đã sử dụng cụm từ “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” thay cho “Châu Á – Thái Bình Dương”, thuật ngữ thường xuyên được các chính quyền tiền nhiệm của Mỹ sử dụng.

Thuật ngữ mới này đã làm thay đổi bản đồ nhận thức vốn đã chiếm ưu thế kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc và Trung Quốc tiến hành các chính sách “đổi mới và mở cửa” vào những năm 1980. “Châu Á – Thái Bình Dương” gợi ra hình ảnh về một cộng đồng lợi ích, gắn kết Mỹ và Đông Á. Còn thuật ngữ “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” mà ông Trump sử dụng lại thể hiện một cấu hình mới trong đó Ấn Độ và Mỹ, cùng với các quốc gia dân chủ chủ yếu khác tại châu Á – đặc biệt là Nhật

Bản và Úc – cùng nhau kiềm chế ảnh hưởng đang gia tăng của Trung Quốc, trong hình hài của một cuộc Chiến tranh Lạnh phiên bản mới.

Trong một bài phát biểu vào ngày 18/10, Ngoại trưởng Mỹ Rex Tillerson đã tuyên bố công khai: “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, bao gồm toàn bộ Ấn Độ Dương, phía tây Thái Bình Dương và các quốc gia xung quanh chúng, sẽ là địa bàn quan trọng nhất địa cầu trong thế kỷ 21”. “Mỹ và Ấn Độ đang dần trở thành là những đối tác toàn cầu với mức độ song trùng lợi ích chiến lược ngày càng tăng. Người Ấn Độ và người Mỹ không chỉ có mối quan hệ gần gũi xuất phát từ nền dân chủ của hai nước, mà chúng tôi còn cùng nhau chia sẻ tầm nhìn về tương lai.”

Với tư cách là một đại tá Hải quân Ấn Độ, một chiến lược gia về biển, và là người đầu tiên đặt ra thuật ngữ “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” trong một bài luận năm 2007, tôi nhận thấy rằng sự phát triển của khái niệm này đã đi chệch khỏi lớp nghĩa và ý định ban đầu của nó một cách đáng kể. Ý định của tôi là định hình lại khái niệm về cách các quốc gia châu Á gắn kết với nhau trên thực tế, từ Ấn Độ Dương đến Thái Bình Dương, và tôi muốn nhấn mạnh mục tiêu bao trùm của việc bảo đảm ổn định toàn cầu và khu vực thông qua hợp tác thương mại và chiến lược biển. Khái niệm này không mang ý nghĩa ngược lại – một khuôn khổ địa chiến lược phân loại các nước châu Á thành bạn và thù.

“Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” nghĩa là gì?

Căn nguyên đằng sau thuật ngữ “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” xuất phát từ những phát triển về kinh tế và an ninh ở khu vực bao phủ toàn bộ vùng biển phía dưới châu Á, kéo dài từ ven biển Đông Phi cho đến Đông Bắc Á. Thuật ngữ “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” chủ yếu được lấy cảm hứng từ sự trỗi dậy của Ấn Độ vào thời điểm bước sang thế kỷ 21: tăng trưởng kinh tế ấn tượng của nước này vào những năm 1990,

sau đó là chương trình vũ khí hạt nhân và sự hiện diện quân sự ngày càng tăng của nước này tại Ấn Độ Dương. Trong Đối thoại Shangri La năm 2009, Cựu tư lệnh hải quân Ấn Độ, Đô đốc Arun Prakash, đã nhấn mạnh sự mâu thuẫn về mặt khái niệm của thuật ngữ “Châu Á – Thái Bình Dương”: “Là một người Ấn Độ, mỗi khi nghe thấy thuật ngữ Châu Á – Thái Bình Dương, tôi cảm thấy có sự loại trừ trong đó, bởi dường như thuật ngữ này chỉ bao gồm Đông Bắc Á, Đông Nam Á và các đảo Thái Bình Dương, và dừng lại ở eo biển Malacca. Tuy nhiên, vẫn còn cả một thế giới nằm ở phía tây của eo biển Malacca.”

Thuật ngữ “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” (Indo-Pacific) đã giúp khắc phục sự loại trừ về mặt khái niệm đó bằng cách gộp Ấn Độ vào các vấn đề trên biển của châu Á, mặc dù từ “Indo” đại diện cho Ấn Độ Dương, chứ không phải nước Ấn Độ. Điều này tạo ra khác biệt đáng kể vì khu vực Ấn Độ Dương là tuyến đường vận chuyển dầu khí trên biển chủ chốt, giúp đảm bảo thịnh vượng kinh tế cho các quốc gia ven biển Tây Thái Bình Dương. Trong bối cảnh sự trỗi dậy kinh tế của Trung Quốc, kéo theo đó là sức mạnh quân sự và sự xác quyết ngày càng tăng của nước này, sự kết nối này gây ra một sự dễ bị tổn thương về mặt chiến lược của Bắc Kinh và là một cơ hội để răn đe sự hung hăng của nước này. Xấp xỉ 80% năng lượng nhập khẩu của Trung Quốc phải di chuyển qua Eo biển Malacca.

Trớ trêu là sự dễ bị tổn thương về mặt chiến lược của Trung Quốc đã được cựu Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào thể hiện trong một bài phát biểu vào tháng 11/2003 khi ông nói rằng “một vài cường quốc” muốn kiểm soát eo biển này. Sự ngầm ám chỉ Ấn Độ là rõ ràng. Đối với nhà lãnh đạo Trung Quốc, sự liên kết giữa hai vùng khác biệt Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương là khá rõ ràng.

Nguồn gốc của ý tưởng “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương”

Vào giữa những năm 2000, các nhà phân tích chiến lược Nhật Bản và Ấn Độ đã tăng cường thảo luận về hợp tác chiến lược và hợp tác biển. Có một điều mà cả hai nước đều cho là hiển nhiên: Sự bất an của Trung Quốc trong khu vực có thể được lợi dụng để kiềm chế sự quyết đoán chống lại các nước láng giềng của nước này. Giống như Trung Quốc, Nhật Bản cũng dễ bị tổn thương do lệ thuộc rất lớn vào các nguồn năng lượng vận chuyển trên biển và các mặt hàng thực phẩm nhập khẩu được vận chuyển qua Ấn Độ Dương. Khoảng 90% lượng dầu thô nhập khẩu của Nhật Bản đến từ Tây Á. Tokyo đang tìm cách tăng cường vai trò an ninh biển trong khu vực thông qua hợp tác với Ấn Độ. Cuối cùng, các nhà phân tích của Nhật Bản và Ấn Độ đã đồng tình rằng không thể đối xử với khu vực Ấn Độ Dương và Tây Thái Bình Dương một cách tách biệt, cả ở trong lĩnh vực an ninh biển lẫn các khía cạnh địa chính trị.

Nhận thức về khái niệm “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” bắt đầu có sự tăng tốc. Vài tháng sau khi tôi sử dụng thuật ngữ nói trên lần đầu tiên vào năm 2007, trong nhiệm kỳ thứ nhất làm Thủ tướng Nhật Bản của mình, ông Abe đã phát biểu trước Quốc hội Ấn Độ rằng “Điểm hợp lưu giữa hai đại dương... một sự gắn kết năng động giữa hai đại dương của tự do và thịnh vượng” trong “một châu Á rộng lớn hơn.” Đến năm 2010, chính phủ Mỹ đã sử dụng thuật ngữ này. Ngoại trưởng Mỹ lúc đó là bà Hillary Clinton đã đề nghị “mở rộng hợp tác của chúng ta với Hải quân Ấn Độ ở Thái Bình Dương, bởi vì chúng ta hiểu được tầm quan trọng của lòng chảo Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương đối với thương mại toàn cầu.” Tới năm 2013, thuật ngữ này đã lan sang Úc: Cuốn sách trắng do Bộ Quốc phòng nước này ban hành năm đó có đoạn nhấn mạnh “sự dịch chuyển chiến lược, quân sự và kinh tế về phía Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương đang diễn ra” của Canberra.

Phản ứng của Trung Quốc trước định hướng chiến lược mới này đã không gây bất ngờ. Chẳng hạn, vào tháng 11/2014, một nhà phân tích tại các Viện Nghiên cứu Quốc tế Thượng Hải đã

viết một bài viết cảnh cáo Ấn Độ về khái niệm “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương”, lập luận rằng khái niệm này do Mỹ và các nước đồng minh thiết lập nên để “làm cân bằng lại và thậm chí kiềm chế ảnh hưởng đang gia tăng của Trung Quốc tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.”

Một cuộc Chiến tranh Lạnh mới?

Điều này sẽ diễn ra như thế nào vẫn còn chưa rõ ràng. Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc và chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ sẽ góp phần đáng kể vào sự hội nhập kinh tế của khu vực Ấn Độ Dương và Tây Thái Bình Dương. Đồng thời, sự thịnh vượng kinh tế lớn hơn trong toàn khu vực nhiều khả năng sẽ làm gia tăng lợi ích trong lĩnh vực biển. Các tranh chấp biển vẫn trong trạng thái chưa kích hoạt từ trước đến nay – chủ yếu là tại khu vực giao nhau giữa Tây Ấn Độ Dương với Vịnh Péc-xích và Eo biển Mozambique – có thể trở nên sôi sục hơn.

Hơn nữa, Sáng kiến Vành đai và Con đường cũng có thể đi cùng với những nỗ lực đang được thúc đẩy trở lại của Trung Quốc nhằm tăng cường năng lực triển khai sức mạnh hải quân để hiện thực hóa đầy đủ “chiến lược hai đại dương” của mình. Sự hiện diện hải quân ngày càng nhiều của Trung Quốc tại Ấn Độ Dương sẽ làm gia tăng khả năng thù địch. Điều này cũng có thể khiến cho hải quân Trung Quốc tăng cường các hoạt động của mình tại những vùng biển của các quốc gia Ấn Độ Dương, và có thể dẫn đến những vụ đụng độ không cố ý với các lực lượng hải quân của các cường quốc khác trong khu vực.

Trong một viễn cảnh như vậy, việc sử dụng khái niệm “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” sẽ là cần thiết nhằm quản lý các diễn biến khu vực và đưa Trung Quốc hội nhập vào những chuẩn mực hành vi đã được xây dựng trong một khu vực có sự nổi bật chiến lược ngày càng tăng trong thế kỷ 21. Quả thực, cách tiếp cận toàn diện đối với khái niệm “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” với tư cách là một khu vực kết nối với nhau là một

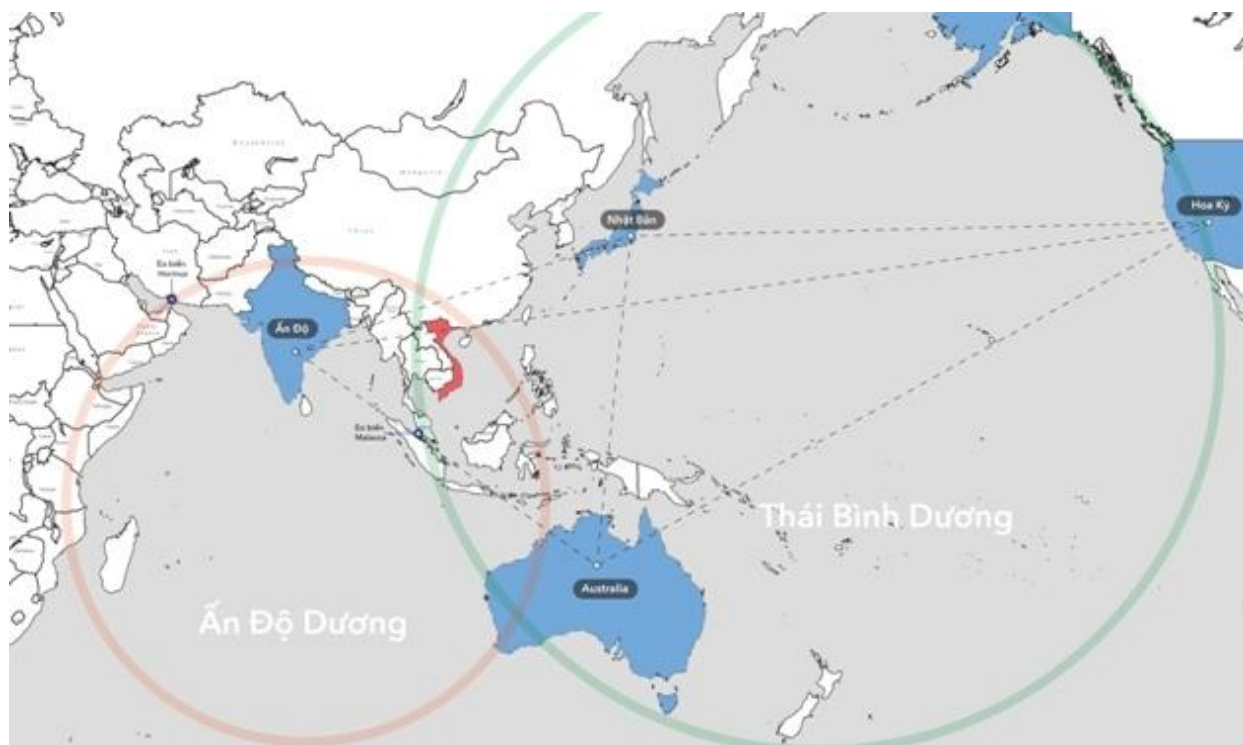
khuôn khổ khái niệm hữu ích nhất để qua đó giải quyết mâu thuẫn giữa các cường quốc. Mục tiêu phải là xây dựng được thịnh vượng chung tại những khu vực được kết nối với nhau này. Nếu không, khu vực này sẽ trở thành địa bàn xảy ra “Bẫy Thucydides”, trong đó các cường quốc đang lên và cường quốc bá chủ tranh đấu với nhau để áp đặt sự thống trị của mình.

Gurpreet S. Khurana, người đã sử dụng thuật ngữ “Ấn Độ Dương–Thái Bình Dương” cách đây một thập kỷ, là một chiến lược gia về biển và là Giám đốc điều hành của Quỹ Biển Quốc gia tại New Delhi.

Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương: Kỳ nguyên mới của cạnh tranh địa chiến lược

07/04/2018

Capture à partir de : nghiencuuquocte



Tác giả: Nguyễn Nhật Huy & Sơ Nguyên

Tháng 3 năm nay, trước thềm Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN – Australia, Bộ trưởng Ngoại giao Australia Julie Bishop tuyên bố “ASEAN là trái tim của chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương”. Sự đề cập nhiều lần khái niệm “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” cùng với những động thái chủ động tiếp cận

ASEAN và các nước ASEAN cho thấy Canberra đang nỗ lực đẩy mạnh gia tăng cam kết của mình lên phía Bắc và nhằm biến tầm nhìn chiến lược này thành hiện thực.

Trong một diễn biến khác cũng trong tháng 3/2018, Tổng thống Indonesia khơi dậy những tranh luận lớn khi cho rằng “sẽ là điều tốt nếu Australia gia nhập ASEAN”.

Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương bắt đầu được chú ý đặc biệt khi Tổng thống Mỹ Donald J. Trump mở đầu bài phát biểu của mình tại Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC) Đà Nẵng tháng 11/2017 bằng việc bày tỏ sự vinh hạnh được “hiện diện tại Việt Nam – trái tim của khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.” Trong suốt chuyến công du Châu Á dài gần hai tuần của mình, Tổng thống Trump đã liên tục sử dụng thuật ngữ này như có hàm ý về chiến lược mới của Mỹ ở khu vực vẫn thường được biết đến là Châu Á – Thái Bình Dương (Asia – Pacific).

Vài ngày sau bài phát biểu ở Việt Nam, Tổng thống Trump đến Philippines và giữa lúc ông gặp gỡ Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe hay Thủ tướng Australia Malcolm Turnbull, các quan chức của “bộ tứ” Ấn Độ – Nhật Bản – Australia – Mỹ đã có cuộc gặp đầu tiên.

Cuối tháng 3/2018, *Economics Times* đưa tin cuộc gặp tiếp theo đang được lên kế hoạch, trong bối cảnh Trung Quốc vừa sửa hiến pháp, mở đường cho ông Tập tiếp tục nắm quyền sau khi kết thúc 2 nhiệm kỳ và Bắc Kinh có thêm động lực để đẩy mạnh định hình tình hình khu vực. Tình hình trên bán đảo Triều Tiên lẫn cuộc khủng hoảng chính trị ở Maldives cũng sẽ có trong chương trình nghị sự.

“Chúng tôi (bộ tứ) đang trông chờ cuộc gặp tiếp theo. Tình hình hiện tại ở Maldives rõ ràng là thứ chúng tôi có thể thảo luận”, một quan chức chính quyền Mỹ nói gần đây ở Washington D.C. Trung Quốc bị cáo buộc muốn can thiệp nội bộ chính trị

Maldives để giữ cho Tổng thống Abdulla Yameen tiếp tục nắm quyền, mở đường xây dựng một căn cứ hải quân ở “sân sau” của Ấn Độ.

Sau chuyến công du Châu Á đó của Tổng thống Trump, Nhà Trắng và Lầu Năm Góc đã công bố lần lượt “Chiến lược An Ninh Quốc Gia” và “Chiến lược Quốc Phòng” trong đó khẳng định sự ưu tiên của Mỹ với khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

Những người thân cận với vấn đề cho biết cuộc gặp thứ hai sẽ diễn ra trong vòng 6 tháng sau cuộc gặp đầu tiên, đã diễn ra hồi tháng 11/2017.

Vậy Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương là gì? Tại sao Mỹ lại đặc biệt chú ý và thậm chí đặt ưu tiên cho khu vực này trên cả Châu Âu và Trung Đông? Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương sẽ có ý nghĩa thế nào với hoà bình và an ninh trên thế giới và trong khu vực?

CHÍNH TRỊ HÓA KHÁI NIỆM

Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương không phải là một thuật ngữ mới, mà được vay mượn từ lĩnh vực địa – sinh học chỉ vùng nước nhiệt đới trải từ bờ tây Ấn Độ Dương tới tây và trung tây Thái Bình Dương. Người được ghi nhận là học giả đầu tiên sử dụng thuật ngữ này với hàm ý về địa chính trị là tiến sĩ Gurpreet S. Khurana, giám đốc Quỹ Hàng Hải Quốc Gia tại New Delhi, Ấn Độ. Trong bài luận năm 2007 tựa đề “An ninh hàng hải: Triển vọng hợp tác Ấn Độ – Nhật Bản,” tiến sĩ Khurana đã lập luận rằng các lợi ích chung và cốt lõi của Ấn Độ và Nhật Bản về hàng hải sẽ khó có thể được bảo đảm nếu Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương bị chia rẽ trong nhận thức chiến lược. Do đó thuật ngữ “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” đã ra đời như là một tầm nhìn chiến lược mới trong khu vực.

Cùng năm 2007, Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe trong nhiệm kỳ đầu của mình đã có bài phát biểu trước Nghị Viện Ấn Độ về

“sự hợp lưu của hai đại dương” như là “sự kết nối năng động của hai vùng biển tự do và thịnh vượng” ở Châu Á. Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương sau đó đã được giới chức và học giả Ấn Độ và Nhật Bản ủng hộ, coi là nền tảng của hợp tác toàn diện vì lợi ích chung của hai nước trong thế kỷ XXI. Thuật ngữ Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương lần đầu tiên được một quan chức cấp cao Mỹ sử dụng khi ngoại trưởng Hillary Clinton bài phát biểu năm 2011 tại Honolulu “chúng ta [Mỹ] hiểu tầm quan trọng của lưu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương đối với giao thương toàn cầu.”

Nếu như Nhật Bản và Ấn Độ là hai nước đầu tiên nói đến Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương thì Australia lại là nước phổ biến thuật ngữ này, bởi cả giới học thuật lẫn chính quyền. Stephen Smith, cựu Ngoại trưởng và Bộ trưởng Quốc Phòng Australia là một trong những người nhận ra và ủng hộ tích cực chiến lược này trong thời gian dài. Việc Sách Trắng Quốc Phòng Australia 2013 đề cập tới Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương như là một khu vực quan trọng trong chiến lược an ninh của nước này khẳng định triển vọng và tính đúng đắn của tư duy mới.

Việc “nâng tầm” đã được giới học giả về chiến lược và quan hệ quốc tế đón nhận một cách sôi nổi với hàng loạt trao đổi và tọa đàm. Và tới cuối năm 2017 khi Mỹ chính thức công nhận thì Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương đã vượt qua một ngưỡng mới và trở thành thuật ngữ và bản đồ chiến lược mới của thế kỷ XXI. Với Mỹ, việc mở rộng khái niệm này nhằm gắn kết sự tham gia của Ấn Độ, đồng thời phần nào thể hiện sự khác biệt so với chính quyền cũ với khái niệm “Tái cân bằng”.

TẠI SAO ẤN ĐỘ DƯƠNG – THÁI BÌNH DƯƠNG?

Tuy đã được nhìn nhận một cách nghiêm túc hơn bao giờ hết so với trước, Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương vẫn là một ý tưởng đang hình thành. Vẫn còn rất nhiều câu hỏi cần phải làm rõ như những nước nào được coi là thuộc khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và những bước phát triển tiếp theo

là gì? Nhưng dù quy mô của khu vực này tới đâu thì có một điều không thể phủ nhận: Ấn Độ Dương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng tới an ninh và thương mại thế giới trong thế kỷ XXI bởi nhiều lý do, trong đó đặc biệt là kinh tế, quân sự và chính trị quốc tế.

Tuyến đường biển ở Ấn Độ Dương đóng vai trò quan trọng cho dòng chảy dầu mỏ, khí đốt, và hàng hoá trên thế giới. Đây cũng là nơi có hai eo biển quan trọng nhất với tuyến vận chuyển dầu mỏ từ Trung Đông tới Australia và Đông Á. Trung bình mỗi ngày có 17 triệu thùng dầu mỏ được vận chuyển qua Eo biển Hormuz và 15.2 triệu thùng qua Eo biển Malacca. Mặt khác, đây cũng là vùng biển nổi tiếng bất ổn định với nạn cướp biển và khủng bố. Trong khi đó năng lực hàng hải của các nước trong khu vực vẫn còn hạn chế. Chính vì vậy, việc đảm bảo an ninh cho tuyến huyết mạch của kinh tế thế giới được các quốc gia đặc biệt quan tâm.

Bên cạnh các yếu tố về chống cướp biển, khủng bố, hỗ trợ cứu hộ cứu nạn thì còn một nguyên nhân không kém phần quan trọng dẫn tới sự ra đời của chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương: Sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Trong những năm trở lại đây, với Sáng Kiến Vành Đai & Con Đường (BRI), Trung Quốc đã đầu tư ồ ạt vào xây dựng cơ sở hạ tầng đường bộ, đường sắt, đường biển ở các nước Trung Á, Nam Á, và Châu Phi để mở rộng ảnh hưởng của mình. Nhiều dự án làm dấy lên hoài nghi và sự lo ngại ở nhiều nước, đặc biệt là các nước có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc như Nhật Bản và Ấn Độ. BRI bị phương Tây chỉ trích là thiếu minh bạch, chất lượng thấp, xâm phạm lãnh thổ và làm nhiều nước nghèo ngập trong nợ nần. Tuy nhiên, sự tham gia ở mức độ khác nhau của đông đảo các nước trong khu vực vào sáng kiến này cho thấy sức ảnh hưởng ngày một gia tăng của Trung Quốc.

Không những chỉ tăng cường mở rộng ảnh hưởng bằng kinh tế, Trung Quốc cũng tăng cường hiện diện quân sự ở Ấn Độ Dương với căn cứ quân sự hải ngoại đầu tiên ở Djibouti phía đông Châu Phi và đang xúc tiến mở thêm các căn cứ không-hải quân khác. Trước nguy cơ lợi ích địa chính trị, kinh tế và các giá trị cốt lõi của mình trong khu vực có thể sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, các cường quốc có liên quan đã nhận thấy cần phải có chiến lược để đối trọng với Trung Quốc. Một khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và cởi mở đã thể hiện rõ tầm nhìn đó.

NHỮNG NHÂN VẬT CHÍNH

Bốn nước và cũng là các cường quốc về kinh tế, quân sự đóng vai trò quan trọng nhất trong việc hình thành chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương là Nhật Bản, Ấn Độ, Australia và Mỹ. Đây là những nước thành viên của nhóm “Đôi thoại an ninh bốn bên” (gọi tắt là nhóm “Bộ tứ,” hay “Tứ giác kim cương”) được hình thành từ năm 2007 do sáng kiến của Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe. Quan điểm của chính quyền bốn nước về Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương mặc dù rất gần với nhau nhưng cũng không hoàn toàn trùng khớp. Trong khi Mỹ cho rằng Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương là khu vực trải từ bờ tây nước này tới bờ tây Ấn Độ thì tầm nhìn của Nhật Bản lại tham vọng hơn khi mở rộng tới tận bờ đông của Châu Phi. Tuy chưa có định nghĩa chính thức của mình nhưng Ấn Độ có quan điểm tương tự Nhật Bản; còn cách nhìn của Australia về cơ bản giống Washington. Một điểm chung nổi bật đó là: dù còn khác biệt về quan điểm nhưng cả bốn nước đều ủng hộ và nhấn mạnh vai trò trung tâm của Ấn Độ với chiến lược mới. Ấn Độ có tiềm năng và sẵn sàng gánh vác trách nhiệm an ninh khu vực.

ẤN ĐỘ

Ngày càng có nhiều nhận định từ giới quan sát quốc tế về Ấn Độ như là một siêu cường tương lai. Nước này đã vượt Trung Quốc để trở thành nền kinh tế chủ đạo có mức độ tăng trưởng

cao nhất thế giới (7.1% năm 2016 so với 6.7% của Trung Quốc). Ấn Độ cũng được dự đoán sẽ vượt Trung Quốc, trở thành quốc gia đông dân nhất thế giới vào năm 2024 và vượt Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới vào năm 2030. Về quân sự, Ấn Độ là một trong chín quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân và có lực lượng quân đội đông thứ hai thế giới. Không như Trung Quốc, sự trỗi dậy của Ấn Độ lại được các nước Phương Tây đón nhận một cách tích cực, vì cho rằng một nước dân chủ Ấn Độ chính là minh chứng rõ nhất rằng chế độ chuyên quyền không phải là hình thức duy nhất có thể quản trị hơn một tỉ người cùng lúc đem lại thịnh vượng và phát triển.

Mặc dù là nước có diện tích lớn nhất ở Nam Á, Ấn Độ khá biệt lập trong giao thương đường bộ do vùng biên giới phía bắc địa hình hiểm trở. Chính vì vậy không quá bất ngờ khi 95% khối lượng, 68% giá trị thương mại của Ấn Độ đến từ Ấn Độ Dương. Do tranh chấp biên giới với hai nước láng giềng là Pakistan và Trung Quốc, Ấn Độ đã tích cực tìm kiếm đối tác an ninh và thương mại ở khu vực Đông Á mà tiêu biểu là Nhật Bản ở phía Bắc và khối ASEAN ở phía Nam. Nhật Bản và Ấn Độ đã âm thầm phát triển mối quan hệ đối tác quân sự gần gũi gần hai thập kỷ với những thoả thuận cụ thể về chia sẻ thông tin, chuyển giao công nghệ và duy trì các cuộc tập trận chung quy mô lớn.

Với khối ASEAN, thương mại hai chiều Ấn Độ – ASEAN đã tăng từ 12 tỉ USD năm 2001 lên 70 tỉ năm 2017. Khối ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ tư của Ấn Độ. Ấn Độ cũng tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng kết nối nước này với Đông Nam Á, đặc biệt là Đông Nam Á lục địa. Các dự án như Đường cao tốc Ấn Độ – Myanmar – Thái Lan cùng với Hành lang kinh tế Đông – Tây và Hành lang kinh tế phía Nam sẽ kết nối Đà Nẵng, TP.HCM, Phnom Penh, Bangkok với Yangon và New Delhi thúc đẩy thương mại, phát triển kinh tế, văn hoá và quốc phòng trong khu vực. Việc lãnh đạo của cả mười nước ASEAN đều có mặt tại Ấn Độ tham dự lễ kỷ niệm Ngày Cộng hoà

26/01/2018 là sự kiện chưa từng có và đánh dấu bước tiến mới trong quan hệ hợp tác xuyên Á và chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

NHẬT BẢN

Là một quốc đảo khan hiếm tài nguyên thiên nhiên, sự phụ thuộc của Nhật Bản vào các tuyến hàng hải ở Ấn Độ Dương là không cần bàn cãi. Chia sẻ sự lo ngại về Trung Quốc với Ấn Độ, trong nhóm “Bộ tứ” Nhật Bản là nước đầu tư mạnh mẽ và toàn diện nhất cho chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương bao phủ hai châu lục (Châu Á & Châu Phi) và hai đại dương (Ấn Độ Dương & Thái Bình Dương). Hai trụ cột cho “Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và cởi mở” của Nhật Bản là duy trì an ninh và tự do hàng hải và cải thiện sự gắn kết khu vực.

Các hoạt động hợp tác quân sự đa phương được đẩy mạnh đặc biệt giữa Nhật Bản với Ấn Độ, Indonesia, Philippines, Malaysia và Việt Nam. Trong chuyến thăm vào tháng 1/2017 tới Hà Nội, Thủ tướng Shinzo Abe đã cam kết sẽ cung cấp 6 tàu tuần tra biển cho Việt Nam. Trước đó, Philippines cũng đã nhận được 10 tàu tuần tra từ Nhật Bản vào năm 2016.

Thông qua Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), nước này đã hỗ trợ tài chính cho hàng loạt các quốc gia trong khu vực để cải thiện cơ sở hạ tầng đường biển như Mozambique, Kenya, Madagascar, Oman, Ấn Độ, Myanmar. Tháng 5/2015, Nhật Bản công bố kế hoạch sử dụng 110 tỉ USD cho “Hành lang tăng trưởng Á – Phi” trong 5 năm để đầu tư vào các dự án hạ tầng kết nối kinh tế giữa hai lục địa. Với chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của mình, Nhật Bản đang nỗ lực cung cấp một phương án hợp tác kinh tế – quân sự khác cho các nước trong khu vực để giảm sự lệ thuộc vào Trung Quốc.

AUSTRALIA

Mặc dù là nước ủng hộ và phổ biến khái niệm Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương từ sớm và là nơi giới học giả có những trao đổi sôi nổi với tần suất cao, Australia dường như vẫn chưa hình thành một chiến lược cụ thể cả về kinh tế và quân sự cho khu vực này. Có bờ biển giáp cả Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, lại được dự báo sẽ trở thành nhà xuất khẩu khí ga hoá lỏng (LNG) lớn nhất thế giới vào năm 2020, Australia có những lợi ích và tiềm năng rõ ràng với khu vực này. Thủ tướng Turnbull đã có những động thái khuyến khích Mỹ quay trở lại tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và cổ vũ giới doanh nghiệp Mỹ – Australia đầu tư nhiều hơn và cơ sở hạ tầng ở Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Tuy nhiên trong khoảng thời gian trước mắt, đóng góp lớn nhất của Australia vào chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương sẽ chỉ dừng lại ở hợp tác quân sự như các cuộc tập trận chung và các chiến dịch “Tự do hàng hải” tiến hành cùng các đồng minh.

MỸ

Mỹ sẽ gần như không thể cạnh tranh Trung Quốc về đầu tư cơ sở hạ tầng ở Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Điều này đặc biệt đúng trong bối cảnh chính trị trong nước khi gói đầu tư cơ sở hạ tầng nội địa vẫn bế tắc và bức tường biên giới “to với một cánh cửa đẹp” của Tổng thống Trump vẫn chỉ đang dừng lại ở mức hàng rào. Tuy nhiên đóng góp quan trọng nhất của Mỹ sẽ ở khía cạnh hợp tác quân sự.

Đầu tháng 2/2018, Tổng thống Donald Trump đã bày tỏ ý định sẽ đề cử Thống đốc Harry Harris, người đứng đầu Bộ tư lệnh Thái Bình Dương làm Đại sứ Mỹ tại Australia. Harris là người có quan điểm cứng rắn với Trung Quốc và ủng hộ mạnh mẽ việc tăng cường hiện diện quân sự ở Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Ngay sau chuyến đi tới Châu Á của Tổng thống Trump, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ James Mattis và Đại sứ Tina Kaidanow, người đứng đầu Vụ các vấn đề Chính trị – Quân sự cũng đã có hai chuyến đi riêng rẽ tới Việt Nam để thảo luận về mở rộng hợp tác quân sự giữa hai nước. Một trong những kết

quả rõ rệt nhất là chuyến thăm khiến Trung Quốc nhú mày của tàu sân bay USS Carl Vinson tới cảng Tiên Sa, Đà Nẵng đầu tháng tháng 3/2018.

Với chính sách “Nước Mỹ trên hết” của mình, chính quyền Trump đã đề xuất ngân sách quốc phòng 2019 ở mức 716 tỉ USD, tăng 7% so với đề xuất cho năm 2018 và 13% so với chi tiêu quốc phòng 2017. Ở thời điểm hiện tại, tiềm lực quân sự của Mỹ trong khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương vẫn có ưu thế lấn át. Việc đầu tư mạnh mẽ vào quốc phòng của nước này có lẽ sẽ tạo điều kiện cho mở rộng hợp tác quân sự và hỗ trợ nhiều hơn cho các đồng minh và đối tác trong khu vực.

CÁC NƯỚC ASEAN

Mặc dù không được biết đến như một người luôn nói thật nhưng Tổng thống Mỹ Donald Trump đã không “ngoa” khi gọi Việt Nam là “trái tim của khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” khi tham dự APEC 2017. ASEAN chính là minh họa chân thực nhất khi Thủ tướng Nhật Bản nhắc tới “sự hợp lưu của hai đại dương.” Đây có thể được coi là khu vực đa dạng nhất về văn hoá, chính trị, tôn giáo và hình thái xã hội với ảnh hưởng sâu rộng từ Ấn Độ, Trung Quốc và phương Tây.

Về kinh tế, ASEAN là một trong những khu vực năng động phát triển năng động nhất thế giới, tốc độ tăng trưởng luôn ở mức cao. Nhiều nhà quan sát cho rằng trọng tâm động lực của kinh tế thế giới không chỉ đang dịch chuyển từ Tây sang Đông (Mỹ & châu Âu sang châu Á) mà còn từ Bắc xuống Nam (Đông Bắc Á xuống Đông Nam Á). Số liệu cho thấy từ năm 2013 – 2016 khu vực ASEAN thu hút nhiều đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hơn Trung Quốc.

Ngoài những tiềm năng về kinh tế, quan trọng hơn, ASEAN còn nắm giữ vị trí địa chính trị quan trọng hàng đầu. Eo biển Malacca kết nối Ấn Độ Dương vào Biển Đông là cửa ngõ để hàng hoá và năng lượng từ Trung Đông, Ấn Độ đi tới Đông Bắc Á và Thái Bình Dương. Tuy nhiên, giống như bản chất của

chính ASEAN, quan điểm của các nước trong khu vực cũng rất đa dạng. Trong khi Việt Nam, Singapore, Indonesia và Thái Lan ngày càng thể hiện rõ sự ủng hộ chiến lược mới thì những nước nằm trong tầm ảnh hưởng lớn của Trung Quốc như Philipines, Malaysia, Campuchia lại giữ im lặng.

NHỮNG ẮN SỐ VỚI CHIẾN LƯỢC ẮN ĐỘ DƯƠNG – THÁI BÌNH DƯƠNG

Để chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương đạt được kết quả và dấu ấn, sẽ còn nhiều ắ số phải giải đáp. Trước hết, cần lưu ý rằng ý tưởng Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương dựa trên bốn trụ cột là Mỹ, Nhật, Ấ, Australia và trùm lên đó là tấm màn tầm nhìn về một khu vực tự do, rộng mở. Bốn nước dường như ở những vai tương đối ngang nhau.

Còn tấm màn tầm nhìn đó lại không phải là một cơ chế ràng buộc thiết thực gì trong thời điểm hiện tại, và nó đặc biệt mơ hồ chưa rõ rằng mục đích chính đằng sau là đem lại lợi ích cho khu vực, cho bốn nước nói riêng hay để kiềm tỏa Trung Quốc. Trong thời kỳ hiện đại, nhìn chung các tập hợp lực lượng của phương Tây đều có một cường quốc dẫn dắt, đó là Mỹ. Bối cảnh nội bộ nước này hiện nay liệu có cho phép chính quyền Tổng thống Trump thực hiện những toan tính đối ngoại của mình hay không là một câu hỏi sẽ còn bỏ ngỏ trong thời gian tới.

Bốn nước trụ cột của Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương đều là cường quốc, phân bố ở 4 vị trí địa lý khá xa nhau. Điều này đồng nghĩa với việc mỗi nước có một đặc điểm tình hình, lợi ích và tầm nhìn khu vực riêng. Việc điều phối, phân vai của nhóm sẽ không đơn giản. Sự khác biệt của nhóm “Bộ tứ” này với NATO, SEATO hay đơn thuần là liên minh Mỹ – Nhật – Hàn đó là khoảng cách địa lý. Muốn phối hợp tốt, ít nhất về mặt quân sự hay đảm bảo an ninh biển sẽ đòi hỏi phải có kinh phí, năng lực quản trị và sự hiểu biết lẫn nhau tương đối sâu sắc. Đây là điều còn thiếu.

Quan trọng hơn nữa, sự hình dung ra một khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương còn mơ hồ và chưa nhận định được vai trò của các nước khác trong khu vực, trong đó bao gồm các nước ASEAN, Hàn Quốc, và cả Pakistan cũng như các nước Châu Phi. Không thể không tính đến vai trò của các nước “ngoài Bộ tứ” này. Họ có thể không tham gia, nhưng nếu một vài nước này không ủng hộ thì sẽ rất khó để tầm nhìn Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương thành hiện thực, bởi lẽ: biển không phải của riêng ai.

Điều đáng lo ngại cũng nằm ở tính khả thi. Tầm nhìn ý tưởng Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương được phác họa đẹp đẽ, nhưng chưa nêu rõ rằng liệu các nước sẽ phải phân bổ nguồn lực kinh tế, chính trị, quân sự như thế nào. Đường như hiện nay mới chỉ nêu nhiều về giá trị, và một vài hướng giải pháp về quân sự, nhưng nội hàm về kinh tế chưa có gì. Việc Mỹ rút khỏi TPP đồng nghĩa với việc quốc gia này rút một chân kinh tế và đẩy mạnh một chân quân sự tại khu vực. Với tình hình thế giới nhìn chung vẫn ưa chuộng hòa bình và hợp tác như hiện nay, thiếu vắng một trụ cột về kinh tế sẽ khiến Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương trở nên kém hấp dẫn, nhất là khi BRI đang được đẩy mạnh.

Ảnh số cuối cùng cần phải nói đến đó là phản ứng và đối sách của Trung Quốc. Hiện nay Trung Quốc vẫn giữ thái độ tương đối kín tiếng về ý tưởng này, trong khi họ tập trung vào củng cố nội bộ và phát triển các ý tưởng và con đường đi ra ngoài của riêng mình. Trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ làm gì là một điều còn bỏ ngỏ.

Nguồn: [Zing News](#)

Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương yếu ớt của Mỹ

13/11/2019

Capture à partir de : [nghienccuquocte](#)



Nguồn: Brahma Chellaney, "[America's Feeble Indo-Pacific Strategy](#)", *Project Syndicate*, 12/11/2019.

Biên dịch: Phan Nguyên

Với việc trung tâm địa chính trị toàn cầu đang dịch chuyển về phía châu Á, một trật tự Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đa nguyên, dựa trên các luật lệ là quan trọng hơn bao giờ hết, nhất là đối với vị thế toàn cầu của Mỹ. Vì vậy, tin tốt là khi hai năm trước, Tổng thống Mỹ Donald Trump bắt đầu đưa ra tầm nhìn về một Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương mở và tự do, đặc trưng bởi dòng chảy thương mại không bị cản trở, tự do hàng hải và tôn trọng luật pháp, chủ quyền quốc gia và biên giới hiện có. Tuy nhiên, không những chưa thực thi được tầm nhìn này, Hoa Kỳ còn cho phép chủ nghĩa bành trướng của Trung Quốc ở châu Á tiếp diễn mà hầu như không bị cản trở. Thất bại này sẽ gây ra hậu quả vô cùng lớn.

Cũng như với chính sách xoay trục của cựu Tổng thống Barack Obama, khái niệm Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương mở và tự do của chính quyền Trump chưa được chuyển thành một cách tiếp cận chính sách rõ ràng với các chiến lược thực sự. Ngược lại, Mỹ vẫn tiếp tục đứng yên trong khi Trung Quốc đã phá vỡ các quy tắc và luật lệ để mở rộng quyền kiểm soát các lãnh thổ chiến lược, đặc biệt là Biển Đông, nơi họ xây dựng và quân sự

hóa các đảo nhân tạo. Trung Quốc đã vẽ lại bản đồ địa chính trị tại hành lang thương mại hàng hải quan trọng này mà không phải chịu bất kỳ phí tổn quốc tế nào.

Chắc chắn là Hoa Kỳ thường xuyên bày tỏ quan ngại về các hoạt động của Trung Quốc, bao gồm cả sự can thiệp liên tục vào các hoạt động dầu khí của Việt Nam trong vùng đặc quyền kinh tế của nước này. Cụ thể hơn, Hoa Kỳ đã tăng cường các chiến dịch tự do hàng hải ở Biển Đông và cùng ba nền dân chủ lớn nhất của khu vực – Úc, Ấn Độ và Nhật Bản – tổ chức các cuộc “tham vấn bốn bên” về việc đạt được một Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương mở, tự do và bao trùm. Mặc dù Bộ Tứ không có ý định thành lập một nhóm quân sự, nhưng nó cung cấp một nền tảng đầy hứa hẹn cho sự hợp tác và phối hợp hàng hải chiến lược, đặc biệt là khi giờ đây các cuộc tham vấn đã được nâng lên cấp bộ trưởng ngoại giao.

Tuy nhiên, không có gì đảm bảo rằng Bộ Tứ sẽ thực hiện hứa hẹn đó. Trong khi nhóm này mới chỉ xác định những mục tiêu mơ hồ – chẳng hạn theo lời Ngoại trưởng Hoa Kỳ Mike Pompeo, rằng sẽ đảm bảo “Trung Quốc chỉ giữ một vị trí thích hợp với mình trên thế giới”, nhóm lại đưa ra rất ít dấu hiệu về cách để thực hiện kế hoạch đó.

Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương nói chung của Mỹ cũng có cùng một vấn đề. Chính quyền Trump muốn xây dựng một trật tự khu vực dựa trên luật lệ và do các nền dân chủ dẫn dắt, nhưng dường như không biết làm cách nào. Và thay vì cố gắng tìm ra giải pháp, Mỹ đã đặt các vấn đề chiến lược lại phía sau – ví dụ như hạ cấp sự tham gia vào Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á gần đây tại Bangkok – và tập trung vào các thỏa thuận thương mại song phương.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi cách tiếp cận này đã không làm được gì để ngăn chặn chủ nghĩa xét lại lãnh thổ của Trung Quốc, chứ đừng nói đến các chính sách gây tổn hại khác của Trung Quốc, bao gồm các hành vi vi phạm nhân quyền khủng

khiếp đối với người Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương. Chính phủ Trung Quốc đã giam giữ hơn một triệu người Hồi giáo, chủ yếu là người Duy Ngô Nhĩ, trong các trại cải tạo – trường hợp giam giữ hàng loạt lớn nhất vì lý do tôn giáo kể từ Thế chiến II.

Mặc dù một ủy ban lưỡng đảng của Hoa Kỳ đã khuyến nghị các biện pháp trừng phạt đối với các trại cải tạo này vào năm ngoái, chính quyền Trump mới chỉ áp đặt hạn chế xuất khẩu và thị thực đối với các thực thể và quan chức liên quan. Trung Quốc bày tỏ sự phẫn nộ trước quyết định này, nhấn mạnh rằng các hành động của họ ở Tân Cương nhằm mục đích “xóa sổ nơi sinh sôi của chủ nghĩa cực đoan và khủng bố Hồi giáo”; nhưng Trung Quốc sẽ khó có thể bị ngăn cản bởi các biện pháp tương đối hạn chế của Hoa Kỳ.

Chính quyền Trump cũng đã thể hiện sự thận trọng trong việc thực thi Đạo luật Du lịch Đài Loan và Đạo luật Tiếp cận Có đi có lại với Tây Tạng của Hoa Kỳ, cả hai đều được ban hành vào năm ngoái. Một đạo luật lưỡng đảng nhằm hỗ trợ người dân Hồng Kông, những người đang phản đối các vi phạm của Trung Quốc đối với quyền lợi của họ ngày một trắng trợn trong khuôn khổ “một đất nước hai chế độ” trong nhiều tháng qua, có khả năng cũng sẽ phải đối mặt với số phận tương tự.

Trung Quốc tuyên bố sẽ trả đũa nếu Mỹ ban hành các luật mới, trong đó có luật yêu cầu Ngoại trưởng Mỹ xác nhận mỗi năm liệu Hồng Kông có “đủ tự trị” để được cấp quy chế thương mại đặc biệt của Hoa Kỳ hay không. Ngoài ra, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã cảnh báo rằng bất cứ ai cố gắng chia rẽ Trung Quốc sẽ gặp phải kết cục “thịt nát xương tan”, và “bất kỳ lực lượng bên ngoài nào ủng hộ những nỗ lực đó” sẽ bị “người dân Trung Quốc coi là ảo tưởng”.

Tâm lý đó – được củng cố bởi nhiều năm phá vỡ các quy tắc mà không bị trừng phạt – sẽ không thể được thay đổi chỉ bằng các biện pháp kinh tế. Tuy nhiên, đòn bẩy kinh tế vẫn là vũ khí mà Trump lựa chọn. Dù các lệnh trừng phạt và thuế quan của

Mỹ đã làm trầm trọng thêm tình trạng suy thoái kinh tế của Trung Quốc, qua đó làm suy yếu khả năng tài trợ cho chiến lược mở rộng ảnh hưởng toàn cầu của nước này, nhưng tiến bộ thực sự vẫn cần đến các bước đi chiến lược. Những bước đi này sẽ gửi một thông điệp rõ ràng đến cả Trung Quốc lẫn các đồng minh khu vực của Mỹ.

Một thông điệp như vậy là rất quan trọng bởi vì ngay cả các thành viên Bộ Tứ được cho là trụ cột của một Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương mở và tự do gần đây cũng phải canh chừng trước các động thái của Mỹ. Nhật Bản – nơi thủ tướng Shinzo Abe là người khởi xướng khái niệm này – đã lạng lẽ loại bỏ từ “chiến lược” ra khỏi tầm nhìn chính sách của mình đối với Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Úc đã tạo dựng một quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc. Và Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi gần đây đã tiếp đón ông Tập tại Chennai.

Mỹ càng kéo dài việc không thể đóng vai trò là một đối trọng đáng tin cậy chống lại Trung Quốc thì ông Tập sẽ càng có không gian chiến lược để theo đuổi chương trình nghị sự tân đế quốc của mình, và ông ta sẽ càng ít có khả năng sẽ khuất phục trước áp lực của Mỹ về kinh tế cũng như các khía cạnh khác. Để ngăn chặn điều đó, Mỹ phải cung cấp sức nặng chiến lược cho chính sách Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của mình, bao gồm bằng cách thiết lập một kế hoạch rõ ràng để chống lại các nỗ lực của Trung Quốc nhằm thay đổi hiện trạng ở Biển Đông. Nếu công ty ExxonMobil của Hoa Kỳ rời khỏi dự án khí đốt lớn nhất Việt Nam, một viễn cảnh có khả năng xảy ra, thì điều này sẽ càng trở nên cấp bách hơn, nếu xét việc Trung Quốc quan tâm đến việc xua đuổi các công ty năng lượng ngoài khu vực ra khỏi Biển Đông như thế nào.

Trump đã từng mô tả chiến lược Biển Đông của Obama là “bất lực”. Nhưng ngày nay, chính cách tiếp cận của Trump đối với chủ nghĩa bành trướng của Trung Quốc cũng trông yếu ớt. Khi sự hung hăng của Trung Quốc tiếp tục gia tăng, thì sự bất lực

đó sẽ chỉ trở nên ngày một rõ ràng hơn – và gây nhiều tổn hại hơn.

Brahma Chellaney, Giáo sư Nghiên cứu Chiến lược tại Trung tâm Nghiên cứu Chính sách (đặt tại New Delhi) và Nghiên cứu viên tại Học viện Robert Bosch tại Berlin, là tác giả của 9 cuốn sách, trong đó có Asian Juggernaut, Water: Asia's New Battleground, and Water, Peace, và War: Confronting the Global Water Crisis.

Rủi ro đối với châu Á dưới thời của Trump

07/07/2017

Capture à partir de : nghiencuuquocte



Nguồn: Brahma Chellaney, "[Asia's American Menace](#)", *Project Syndicate*, 25/04/2017.

Biên dịch: Đỗ Thị Thu Trang | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Cách tiếp cận chính sách đối ngoại của Tổng thống Mỹ Donald Trump – dựa trên các chiến thuật và giao dịch (mang tính ngắn hạn), hơn là theo tầm nhìn chiến lược – đã tạo ra một loạt “giật cục” bất ngờ. Thiếu tầm nhìn định hướng, chứ chưa nói tới những ưu tiên rõ ràng, Trump đã gây bối rối cho các đồng minh và các đối tác chiến lược của Mỹ, đặc biệt là ở Châu Á – qua đó đe dọa an ninh khu vực.

Rõ ràng là, một số những đảo chiều chính sách đột ngột của Trump đã đưa ông tới gần hơn những quan điểm truyền thống của Mỹ. Đặc biệt, Trump tuyên bố NATO “không còn lạc hậu”, ngược với nhận định của chính ông trong chiến dịch tranh cử. Thay đổi đó đã xoa dịu một số căng thẳng trong quan hệ Mỹ – Âu.

Nhưng ở châu Á, nơi đang phải đối mặt với những thách thức an ninh, chính trị, kinh tế nghiêm trọng, những đảo ngược chính sách của Trump chỉ làm trầm trọng thêm sự biến động của khu vực này. Với quá nhiều điểm nóng chính trị đe dọa châm ngòi xung đột bạo lực, điều cuối cùng mà các lãnh đạo châu Á cần là một sự bất định chiến lược mới.

Nhưng, đó chính là điều mà họ nhận được từ Trump – một Tổng thống Mỹ tỏ ra thất thường hơn cả vị Tổng thống hay vua miện Rodrigo Duterte của Philippine hay vị Chủ tịch nước độc đoán Tập Cận Bình của Trung Quốc. Thậm chí nếu đem so sánh thì nhà độc tài nổi tiếng bốc đồng của Bắc Triều Tiên Kim Jong-un dường như còn dễ dự đoán hơn.

Có lẽ điểm nhất quán nhất trong chính sách đối ngoại của Trump chính là nỗ lực đạt được các lợi ích ngắn hạn. Trong một tweet gần đây, ông ta đặt câu hỏi tại sao lại phải coi Trung Quốc là quốc gia thao túng tiền tệ trong khi nước này đang hợp tác với Mỹ để kiềm chế Bắc Triều Tiên. Chỉ vài ngày trước đó, Trump đã gọi Trung Quốc là kẻ thao túng tiền tệ “vô địch thế giới”.

Dòng tweet đó có lẽ đem đến cái nhìn sâu sắc hơn về chính sách của Trump đối với Châu Á. Trước tiên, nó cho thấy sự nổi lên đột ngột của Bắc Triều Tiên trở thành một thử thách đối ngoại chính của Trump, gợi ý rằng chính sách kiên nhẫn chiến lược mà cựu Tổng thống Barack Obama theo đuổi có thể bị thay thế bằng một chính sách chiến lược nóng nảy dễ gây sự cố hơn.

Cách hiểu này được củng cố thêm với tuyên bố của Phó Tổng thống Mike Pence rằng các cuộc tấn công quân sự ít mạo hiểm – ít mục tiêu gần đây của Mỹ tại Syria và Afghanistan thể hiện “quyết tâm” và “sức mạnh” của Mỹ nhằm chống lại Bắc Triều Tiên. Những tuyên bố như vậy chứng tỏ một sự thiếu hiểu biết rằng, đối với vấn đề Bắc Triều Tiên, Mỹ không có lựa chọn quân sự đáng tin nào, bởi bất cứ cuộc tấn công nào của Mỹ cũng sẽ dẫn tới sự tàn phá ngay lập tức những trung tâm dân cư lớn của Nam Hàn.

Chiến lược hiện tại của chính quyền Trump – dựa vào Trung Quốc để xử lý vấn đề Bắc Triều Tiên – cũng sẽ không hiệu quả. Rốt cuộc, gần đây Bắc Triều Tiên đang tìm cách thoát khỏi nanh vuốt của Trung Quốc và theo đuổi sự can dự trực tiếp với Mỹ.

Nếu xét mối quan hệ không suôn sẻ giữa Tập và Kim, có vẻ như cú đặt cược chắc ăn nhất của Trump lại là một phiên bản nào đó của đề xuất ông ta đã đưa ra trong chiến dịch tranh cử: Mời Kim đi ăn hamburger để gặp gỡ. Một khi vị thần hạt nhân của Bắc Triều Tiên đã chui ra khỏi đèn thì việc phi hạt nhân hóa có lẽ không còn là một lựa chọn hợp lý nữa. Nhưng một giải pháp đóng băng chương trình hạt nhân có thể vẫn còn đàm phán được.

Việc Trump dựa vào Trung Quốc để xử lý vấn đề Bắc Triều Tiên không những không hiệu quả mà trên thực tế còn có thể gây ra nhiều bất ổn hơn cho châu Á. Trump, thoát tiên tỏ ra hào hứng trong việc thách thức tham vọng bá quyền của Trung Quốc, giờ đây dường như đã sẵn sàng nhún nhường hơn với quốc gia này, làm nghiêm trọng hơn một sai lầm đối ngoại lớn từ thời chính quyền Obama.

Trong số những sự đảo chiều chính sách của Trump thì thay đổi này có tầm quan trọng địa chiến lược lớn nhất, bởi Trung Quốc chắc chắn sẽ tận dụng tối đa lợi thế đó để thúc đẩy các mục tiêu của mình. Từ sự đàn áp ngày càng lớn đối với bất

đồng chính trị và các nhóm dân tộc thiểu số tới những nỗ lực để đảo lộn hiện trạng lãnh thổ tại châu Á, Trung Quốc liên tục thăm dò xem mình có thể vươn xa đến đâu. Dưới thời Obama, nước này đã tiến khá xa. Dưới thời Trump, họ thậm chí có thể tiến xa hơn nữa.

Trump bây giờ lại gọi Trung Quốc là một người bạn và đối tác của chính phủ mình – và dường như ngày càng yêu mến ông Tập. “Chúng tôi thật sự rất tâm đầu ý hợp,” ông nói. “Chúng tôi quý mến nhau. Tôi rất quý ông ấy.”

Sự yêu mến vượt ra ngoài những lời nói: Các hành động của Trump đã củng cố thêm vị thế cho Tập – nhưng lại hạ thấp vị thế của chính ông – cho dù có lẽ Trump không nhận thức được điều đó. Thoạt tiên, Trump rút lại lời đe dọa không tôn trọng chính sách “một Trung Quốc”. Gần đây hơn, Trump đã tiếp đón Tập tại khu nghỉ dưỡng Florida của ông mà không đòi hỏi Trung Quốc phải gỡ bỏ bất cứ hoạt động đầu tư, thương mại không công bằng nào mà ông đã lên án trong chiến dịch tranh cử.

Cuộc gặp thượng đỉnh với Trump đã nâng cao hình ảnh của Tập tại quê nhà trước thềm Đại hội 19 của Đảng Cộng sản Trung Quốc diễn ra vào cuối năm nay, sự kiện mà Tập muốn phá vỡ quy tắc lãnh đạo tập thể đã được thể chế hóa để tập trung quyền lực một cách độc đoán hơn bất cứ nhà lãnh đạo Trung Quốc nào khác kể từ thời Mao Trạch Đông. Nó cũng cho thấy thái độ đồng ý ngầm của chính quyền Trump đối với những hoạt động chiếm đoạt lãnh thổ của Trung Quốc tại Biển Đông. Điều này sẽ khuyến khích Trung Quốc không chỉ quân sự hóa toàn bộ bảy đảo nhân tạo trên vùng biển này, mà còn theo đuổi chủ nghĩa xét lại lãnh thổ ở những khu vực khác, từ vùng biển Hoa Đông tới vùng tây Himalayas.

Trump tin tưởng rằng “nhiều vấn đề tệ hại tiềm ẩn sẽ biến mất” nhờ có mối quan hệ của ông với một ông Tập “tuyệt vời”. Trên thực tế, lời hứa “Khiến nước Mỹ vĩ đại trở lại” của ông mâu

thuần với chính “Giấc mơ Trung Hoa” của Tập nhằm “làm trẻ hóa dân tộc Trung Quốc”.

Ý tưởng của Tập, mà Trump đang vô tình hưởng ứng, là hai quốc gia nên đoàn kết lại trong một “mô hình quan hệ cường quốc kiểu mới”. Nhưng khó có thể hình dung làm thế nào mà hai quốc gia với thế giới quan đối lập như vậy – chưa nói tới điều mà Giáo sư Graham Allison của Đại học Harvard gọi là “những mặc cảm tự tôn cực đoan” của hai nước – có thể giúp họ giám sát các vấn đề thế giới một cách hiệu quả.

Có thể hiểu rằng Trump vẫn có khả năng đảo ngược chính sách một lần nữa về vấn đề Trung Quốc (hay Bắc Triều Tiên). Quả thực là những thay đổi chính sách đột ngột của Trump hoàn toàn có thể trở nên nguy hiểm hơn những chính sách thực tế của ông ta. Việc cần điều chỉnh chính sách liên tục sẽ chỉ bồi thêm vào những lo lắng của các đồng minh và đối tác của Mỹ, những nước đang gặp rủi ro khi lợi ích cốt lõi của họ sẽ bị sử dụng như những con bài mặc cả. Nếu những lo lắng đó thúc đẩy một số quốc gia phát triển lực lượng quân sự của mình, tình hình chiến lược của châu Á sẽ bị thay đổi một cách cơ bản.

Brahma Chellaney, Giáo sư ngành Nghiên cứu chiến lược tại Trung tâm Nghiên cứu Chính sách tại New Delhi và Nghiên cứu viên tại Viện Robert Bosch tại Berlin, là tác giả của 9 cuốn sách, trong đó có các cuốn Asian Juggernaut; Water: Asia's New Battleground; và cuốn Water, Peace, and War: Confronting the Global Water Crisis.

Copyright: Project Syndicate 2017 – [Asia's American Menace](#).

'VN không tham gia nhưng ủng hộ chiến lược Ấn Độ-TBD'

Capture à partir de : [BBC](#)

9 tháng 8 2018



Nguồn hình ảnh, DigitalGlobe via Getty Images
DigitalGlobe công bố ảnh chụp Đá Chữ Thập ngày 26/5/2018

Một chuyên gia từ Hà Nội nói với BBC rằng Việt Nam "không tham gia" nhưng "sẽ ủng hộ" Chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương" do Mỹ khởi xướng.

Tại buổi họp báo thường kỳ của Bộ Ngoại giao Việt Nam hồi đầu tháng 8/2018, trả lời câu hỏi về việc tham gia sáng kiến Ấn Độ - Thái Bình Dương mà Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo công bố, Người phát ngôn Lê Thị Thu Hằng nói: "Hòa bình, ổn định hợp tác và phát triển trên thế giới là mục tiêu chung của tất cả các quốc gia."

"Việt Nam hoan nghênh các sáng kiến cũng như nỗ lực liên kết và kết nối ở khu vực góp phần vào mục tiêu này."

"Việc tham gia phải đảm bảo độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, cũng như lợi ích quốc gia."

'Có lợi cho Việt Nam'

Hôm 8/8, trả lời BBC, PGS.TS Vũ Thanh Ca, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội bình luận: "Tôi cho rằng với

chính sách quốc phòng "3 không" của Việt Nam, chắc chắn Việt Nam sẽ không tham gia Chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương."

"Tuy nhiên, có thể thấy với đường lối đối ngoại là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước và đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích quốc gia trên biển trên cơ sở luật pháp quốc tế, tất cả các hành động tuân thủ luật pháp quốc tế trên biển, đặc biệt trên Biển Đông, đều phù hợp và rất có lợi cho Việt Nam."

"Chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương là nhằm mục đích tăng cường luật pháp quốc tế, đảm bảo an ninh hàng hải, hàng không và phát triển kinh tế, nhất là nền kinh tế Biển xanh, cho tất cả các quốc gia tham gia. Như vậy, chiến lược này tuân thủ luật pháp quốc tế và tôi tin rằng Việt Nam sẽ ủng hộ nó."

Ông Vũ Thanh Ca cũng cho biết thêm: "Trong cuộc họp báo bên lề Diễn đàn Khu vực Asean gần đây, Ngoại trưởng Trung Quốc Vương Nghị đã nói rằng Trung Quốc quân sự hóa các đảo nhân tạo ở Biển Đông để phòng vệ, chống các mối đe dọa từ ngoài khu vực."



Ngoại trưởng Mỹ thăm VN lần đầu

"Theo tôi, cách nói này của Trung Quốc là rất vô trách nhiệm. Theo nguyên tắc tự do biển cả, tất cả các nước trên thế giới đều có nhiều quyền, đặc biệt là quyền tự do hàng hải, hàng không trong vùng biển đặc quyền kinh tế của các quốc gia ven biển."

"Thậm chí, trong lãnh hải của các quốc gia ven biển, tàu thuyền của tất cả các nước đều có quyền đi qua vô hại. Đây là chưa kể nếu các quốc gia xung quanh Biển Đông phân định biển tuân theo Phán quyết của Tòa trọng tài quốc tế thì ở giữa Biển Đông sẽ có một vùng biển cả mà tất cả các quốc gia trên thế giới đều có các quyền đối với tài nguyên."

[Báo Singapore: Asean sắp thảo luận về COC](#)

[Hoa Kỳ đổi tên Bộ Tư Lệnh Thái Bình Dương](#)

[Trump nói 'Ấn Độ-Thái Bình Dương' có nghĩa gì?](#)

[Phi cơ ném bom TQ hạ cánh xuống Biển Đông](#)

[Việt Nam 'bỏ Cá Rồng Đỏ' ở Biển Đông](#)

[Mua vũ khí: Việt Nam là khách hàng lớn của ai?](#)

"Như vậy, không được phép phân biệt một cách hàm hồ thành "các quốc gia trong khu vực" và "các quốc gia ngoài khu vực". Trung Quốc biết rằng họ không đủ sức mạnh để đương đầu với cả thế giới nên họ tìm cách "chia để trị", tìm cách đẩy các cường quốc ra khỏi khu vực Biển Đông để họ tự do hành động bắt nạt các nước trong khu vực."

"Với hiện trạng hiểu biết luật pháp quốc tế của thế giới ngày nay, Trung Quốc không thể che giấu mưu đồ của họ với những phát biểu hàm hồ như vậy, và chắc chắn rằng những hành động vi phạm luật pháp quốc tế chỉ làm giảm uy tín, gây khó khăn cho việc thừa nhận những nỗ lực trở thành một nước lớn của Trung Quốc," ông Thanh Ca nói với BBC.

Cùng thời điểm, nhà báo độc lập Emanuele Scimia được tờ [South China Morning Post](#) dẫn lời: "Dù đã có những tiến triển trong đàm phán Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) giữa

Trung Quốc và các nước Asean, Mỹ sẽ khó có ảnh hưởng đến khu vực này."

"Tuy nhiên, để đi đến bộ quy tắc cuối cùng còn một chặng đường dài."



Nguồn hình ảnh, Getty Images

Ngoại trưởng Hoa Kỳ Mike Pompeo gặp TBT Nguyễn Phú Trọng tại Hà Nội hôm 8/7

"Do Trung Quốc đang phải chống chọi cuộc chiến thương mại với Hoa Kỳ nên để giảm căng thẳng trên Biển Đông với các nước láng giềng, Bắc Kinh có thể đẩy nhanh việc ký kết hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực, nhằm giảm bớt nguy cơ bị Hoa Kỳ cô lập."

Tháng trước, trong chuyến thăm Hà Nội, Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo tuyên bố, Hoa Kỳ và Việt Nam "cần chung tay duy trì tự do hàng hải, tự do hàng không ở Biển Đông".

Đến nay, Bắc Kinh luôn chỉ trích các hoạt động tuần tra của chiến hạm Mỹ trong khu vực.

Trong một diễn biến khác, dự kiến từ tháng 9/2018, Nhật sẽ điều tàu chở trực thăng tới Biển Đông trong hải trình dài hai tháng.

Động thái của Nhật thể hiện việc Tokyo chia sẻ mối quan ngại với Mỹ về sự hiện diện quân sự của Trung Quốc tại Biển Đông, theo Reuters.

"Đây là một phần nỗ lực của Nhật để thúc đẩy chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương mở và tự do", hãng tin dẫn lời giới chức Nhật.

Hồi tháng 5/2018, Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương Hoa Kỳ được đổi tên là Bộ Tư lệnh Ấn Độ-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ.

Học thuyết Biden có gì mới?

04/07/2021

Capture à partir de : [nghiencuuquoc](https://www.nghiencuuquoc.vn)



Tác giả: Nguyễn Quang Dy

Các tổng thống Mỹ lên cầm quyền đều muốn có dấu ấn riêng của mình bằng một học thuyết nào đó. Joe Biden không phải

ngoại lệ. Với kinh nghiệm hoạt động hơn năm thập kỷ trong chính trường Mỹ, bao gồm tám năm làm phó tổng thống dưới thời Barack Obama, Joe Biden càng hiểu rõ phải làm thế nào. Sau hơn nửa năm cầm quyền, [hoc thuyết Biden](#) đã hình thành.

Bối cảnh mới

Donald Trump lên cầm quyền trong một bối cảnh đặc biệt khi nước Mỹ bị phân hóa. Là một doanh nhân, Trump đã nhạy bén nắm bắt được tâm trạng bất bình của cử tri Mỹ, nên đã đưa ra đúng lúc các khẩu hiệu dân túy: “Tát cạn đầm lầy Washington”, và “Nước Mỹ trên hết” theo xu hướng biệt lập. Nhưng Trump bị đứt gánh giữa đường, phải rời Nhà Trắng sau bốn năm cầm quyền đầy tranh cãi.

Nói cách khác, Trump là một hiện tượng bất thường, và chủ nghĩa Trump là một phong trào hỗn độn mang bản sắc dân túy (về đối nội) và xu thế biệt lập (về đối ngoại). Cú sốc Trump mà đỉnh điểm là đám đông cuồng Trump tấn công vào Nhà Quốc hội ngày 6/1 và hệ quả của đại dịch Covid-19 đã xô đẩy nước Mỹ vào khủng hoảng và phân hóa sâu sắc. Vì vậy, Biden phải dọn dẹp đồng đồ nát mà Trump để lại, với khẩu hiệu Tái thiết (*Build back better*).

Là một chính trị gia với thâm niên hơn 50 năm tại Washington, Biden có nhiều kinh nghiệm không chỉ về đối nội (chủ trương dựa vào tầng lớp trung lưu) mà còn về đối ngoại (chủ trương tăng cường liên kết với các nước đồng minh). Team Biden gồm nhiều chuyên gia có bề dày kinh nghiệm phục vụ trong các chính quyền trước, như cố vấn an ninh quốc gia Jake Sullivan, ngoại trưởng Anthony Blinken, điều phối viên Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương Kurt Campbell.

Chính quyền Biden đã xác định tranh chấp Mỹ-Trung là chủ đề chính của chính sách đối ngoại Mỹ. Đó là một tầm nhìn nhất quán không chỉ của chính quyền Biden, mà còn kế thừa từ chính quyền Trump. Tranh chấp Mỹ-Trung là một phần của tranh chấp giữa hai hệ thống chính trị tại một bước ngoặt như

“điểm gãy khúc” để xác định liệu dân chủ hay độc tài sẽ thắng thế trong thế kỷ 21 có nhiều biến động khó lường.

Nếu mâu thuẫn chính trong thế kỷ 21 là tranh chấp giữa hệ thống dân chủ và hệ thống độc tài thì điều đó có ý nghĩa to lớn đối với chính sách đối ngoại của Mỹ và về địa chính trị. Nó gắn liền tranh chấp nước lớn (Mỹ-Trung) với sự phục hồi của nền dân chủ Mỹ, và cuộc chiến chống lại các tai họa xuyên quốc gia như tham nhũng và đại dịch Covid-19. Thách thức của thế kỷ 21 là làm thế nào để biến tầm nhìn đó thành hiện thực.

Nếu Trump đã lôi Mỹ vào tranh chấp nước lớn thì Biden đặt tranh chấp đó vào một khuôn khổ chiến lược lớn hơn. Đến trước đại dịch Covid-19, Trump coi tranh chấp Mỹ-Trung chủ yếu là cuộc chiến về điều khoản thương mại, còn Biden coi tranh chấp đó là một phần của “cuộc tranh luận cơ bản” giữa những người tin rằng “độc tài là cách tốt nhất” và những người tin rằng “dân chủ sẽ thắng”.

Thách thức mới

Các nước dân chủ đang đứng trước ba thách thức liên quan với nhau.

Một là mối đe dọa từ các nước độc tài (như Trung Quốc và Nga). Thách thức này mang cả tính tự tưởng lẫn địa chính trị. Các mô hình trong nước khác nhau sẽ có tầm nhìn đối ngoại khác nhau. Trung Quốc và Nga muốn làm suy yếu, tan rã, và thay thế trật tự quốc tế hiện hành, vì các nguyên tắc dân chủ cơ bản của trật tự đó ngược với cách hành xử phi dân chủ của họ. Trung Quốc và Nga muốn thuận lợi cho độc tài và khó khăn cho dân chủ.

Trong khi Nga tấn công mạng và thông tin sai lạc làm rối loạn các nước dân chủ và đẩy người dân chống đối lẫn nhau, thì Trung Quốc dùng sức mạnh thị trường để trừng phạt sự chỉ trích tại các nước dân chủ từ Châu Âu sang Châu Úc. Họ cung cấp cho các chế độ độc tài phương tiện trấn áp, và thay đổi luật

chơi của các tổ chức quốc tế để bảo kê cho quyền lợi độc tài. Trung Quốc dùng công nghệ 5G và trí tuệ nhân tạo tăng ảnh hưởng của các nước độc tài để vượt qua các nước dân chủ. Cuối cùng, như Franklin Roosevelt đã nói, thế giới do các chế độ độc tài thống trị sẽ là nơi “tồi tàn và nguy hiểm” (shabby and dangerous).

Hai là mối đe dọa từ các tai họa xuyên quốc gia với gánh nặng do tranh chấp hệ thống gây ra. Covid-19 không chỉ là đại dịch hàng thế kỷ mới có một lần, mà đó là một thách thức về tư tưởng mà phe dân chủ có thể đáp trả lại các nguy cơ cấp bách nhất đối với người dân. Tham nhũng qua biên giới không chỉ đe dọa đối với quản trị quốc gia, mà còn là một tệ nạn mà Trung Quốc và Nga có thể lợi dụng để mở rộng ảnh hưởng của họ và làm suy yếu đối phương. Sự khác biệt giữa tranh chấp nước lớn và các vấn đề xuyên quốc gia là “dân chủ không thể thắng vấn đề thứ nhất nếu không giải quyết tốt vấn đề thứ hai”.

Ba là mối đe dọa do nền dân chủ bị thoái hóa từ bên trong. Vừa qua, nước Mỹ đã chứng kiến sự đắc cử của “một tổng thống phi dân chủ trắng trợn” và những cố gắng dùng bạo lực để lật ngược cuộc bầu cử dân chủ. Trong thế giới tự do, tình cảm phi dân chủ và bất bình với các thể chế đại diện đã đạt đỉnh điểm kể từ sau Thế Chiến II. Xu hướng này đáng báo động, đang làm cho nước Mỹ và các đồng minh ngày càng dễ tổn thương trước nguy cơ độc tài. Khủng hoảng dân chủ trong nước là một phần của khủng hoảng dân chủ trên thế giới.

Học thuyết là một chuyện, nhưng các sự cố rủi ro lại là chuyện khác. Tuy chính quyền Biden cũng như chính quyền Trump đã tuyên bố “xoay trục về Châu Á”, và coi Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chủ yếu trong thế kỷ 21, nhưng nhiều lãnh đạo ASEAN vẫn lo ngại bị Mỹ bỏ rơi. Theo [James Crabtree](#), nếu các nước khu vực này tiếp tục trôi dạt về phía Trung Quốc, thì Washington phải tự trách mình.

Lãnh đạo ASEAN nhiều lần phàn nàn về sự vắng mặt của lãnh đạo Mỹ tại các cuộc họp ở khu vực. Ngày 25/5/2021, khi các ngoại trưởng ASEAN tham dự cuộc họp (online) đầu tiên với Ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken, họ phải chờ gần một giờ, trước khi biết rằng Blinken không thể tham dự cuộc họp đó được. Trong lúc đó, Blinken đang trên đường bay đi Trung Đông nên khó kết nối mạng do “trục trặc kỹ thuật”. Một tuần sau, các ngoại trưởng ASEAN được đón tiếp trọng thể khi dự cuộc họp với ngoại trưởng Trung Quốc Vương Nghị.

Học thuyết mới

Theo giáo sư Hal Brands, ba thách thức nói trên đòi hỏi phản ứng tương xứng, như đã đề cập sơ bộ trong bài [“Cập nhật về chính sách đối ngoại của chính quyền Biden”](#).

Một là Mỹ phải tăng cường sự gắn kết và sức sống của cộng đồng dân chủ để chống lại các thế lực độc tài, làm cho sự đoàn kết dân chủ đó mang tính chất toàn cầu thực sự, bởi vì nhiều mặt của mối đe dọa đó đòi hỏi một phản ứng toàn cầu. Hai là Mỹ phải lãnh đạo các nước dân chủ trên thế giới đối phó với các vấn đề xuyên quốc gia mà không có một nước nào có thể đối phó một mình. Tranh chấp toàn cầu phải được xây dựng “trên thế mạnh” bằng tái đầu tư vào khả năng cạnh tranh để chứng minh rằng các nước dân chủ có thể đem lại lợi ích cho người dân của họ.

Chính sách đối ngoại của Chính quyền Biden dựa trên tiền đề là phải biến học thuyết chiến lược của Mỹ thành hành động, xuất phát từ thực tế hiển nhiên rằng vị thế độc tôn của dân chủ đang bị đe dọa hơn bao giờ hết. Trong khi nhiều mối quan hệ quốc tế tồi tệ nhất dưới thời Trump là với các đồng minh thân cận nhất của Mỹ, thì nay Biden đang ưu tiên hàn gắn các mối quan hệ đồng minh đó như các tấm khiên trong hàng ngũ dân chủ trên toàn cầu.

Ông đã tìm cách tháo gỡ các tranh chấp ngoại giao và thương mại để tạo ra một mặt trận thống nhất mạnh hơn để đối phó với

Trung Quốc, cộng tác với các đồng minh và đối tác ở Châu Âu và Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương để nhấn nhủ Trung Quốc rằng nếu họ xâm lược Đài Loan thì sẽ phải trả giá đắt. Cuộc họp cấp cao nhóm G7 vừa qua đề cập đến sự đe dọa của Trung Quốc và kế hoạch phát triển các dự án hạ tầng chất lượng cao tại các nước đang phát triển, như một giải pháp thay thế cho sáng kiến “Vành đai và Con đường” của Trung Quốc.

Chính quyền Biden còn dỡ đầu các thể chế hợp tác dân chủ để đối phó với các thách thức toàn cầu. Cơ chế “Bộ Tứ” và G7 đã công bố kế hoạch phân phối hai tỷ đô la cho vaccines Covid-19 giúp các nước đang phát triển. Chính quyền còn hỗ trợ kế hoạch chống tham nhũng và các khoản tài trợ bất chính mà Putin và các nhà độc tài khác dùng làm vũ khí. Tuy Biden đề cập đến “hội nghị thượng đỉnh các nước dân chủ toàn cầu” nhằm vào các vấn đề đó, nhưng đến nay Biden mới chỉ dựa vào các nhóm nước có thể đem lại kết quả sớm.

Biden cũng làm tương tự trong cạnh tranh về công nghệ. Chính quyền đã hạ thấp ý tưởng lập ra các nhóm nước dân chủ lớn hơn như D-10 và T-12 để đối phó với ảnh hưởng của các chế độ độc tài về công nghệ. Chính quyền cộng tác với các nhóm nước chọn lọc như với Hàn Quốc về công nghệ bán dẫn, 5G và 6G, với EU về công nghệ làm đẹp trong y tế và thương mại, với Nhật Bản về kế hoạch mở rộng Internet toàn cầu, với NATO về chương trình chống tấn công mạng và làm nhiễu thông tin, để tăng cường hợp tác dân chủ từ dưới lên.

Đồng thời, Chính quyền Biden đang vận động các nước chống lại các hình thức áp bức và cướp đoạt của các chế độ độc tài. Nghe nói Biden đã răn đe Putin là sẽ có hệ quả nghiêm trọng nếu Nga tiếp tục tấn công mạng. Mỹ cùng các nước EU đã trừng phạt Belarus sau khi Chính phủ Alexander Lukashenko buộc một chuyến bay phải hạ cánh vì chở một người bất đồng chính kiến. Đó là một ví dụ về các hành động trấn áp xuyên biên giới mà Nga, Trung Quốc, và các nước độc tài khác áp

dụng để săn lùng những người bất đồng chính kiến nhằm củng cố quyền lực của họ. Chính quyền Biden đã cộng tác với Anh, Canada, và EU để trừng phạt các quan chức Trung Quốc đã tham gia đàn áp ở Tân Cương. Gần đây, Trung Quốc phải ngừng “ngoại giao chiến lang” sau khi một hiệp định đầu tư giữa EU với Trung Quốc bị hoãn.

Trong nước, Biden đang thúc đẩy đầu tư vào nghiên cứu và phát triển khoa học như hạ tầng số và các lĩnh vực khác để tăng cường khả năng cạnh tranh, và tránh phân hóa giữa tầng lớp trung lưu và người lao động. Chủ thuyết “chính sách đối ngoại vì tầng lớp trung lưu” nhằm chứng tỏ rằng kết nối toàn cầu có thể đem lại lợi ích cho người lao động. Chương trình “mức thuế tối thiểu toàn cầu” sẽ giúp các nước dân chủ đầu tư nhiều hơn cho người dân. Theo Biden, các biện pháp này nhằm chi nhiều hơn cho chương trình tái thiết và cải cách trong nước đã từng giúp các nước dân chủ thắng trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh.

Khó khăn phía trước

Trong khi hình thù của một chủ thuyết mới đang hiện rõ, thì các thách thức và yếu kém cũng rõ nét hơn. Rõ nhất là cách đề cập của Biden tuy được lòng một số người này nhưng lại làm mất lòng một số người khác. Chiến lược này dựa trên tiền đề là Mỹ có thể ngăn chặn bước tiến của các chế độ độc tài qua đoàn kết chặt chẽ hơn với các nước dân chủ.

Nhưng chống lại Nga và Trung Quốc về quân sự hay ngoại giao đòi hỏi phải hợp tác với các nước phi dân chủ như Ba Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam, Philippines. Đó không phải là một điểm yếu chết người vì trong Chiến tranh Lạnh, tuy Mỹ liên minh với các nước dân chủ, nhưng cũng hợp tác với các nước “dân chủ nửa vời” hoặc chuyên chế. Điều đó chứng tỏ muốn xây dựng liên minh vẫn đòi hỏi thỏa hiệp thực dụng.

Ngay cả đối với các nước đồng minh dân chủ cốt lõi, thì đoàn kết cũng khó hơn nhiều so với mong đợi của chính quyền. Tuy

Biden có thể nhanh chóng thành công từ việc chấm dứt chiến tranh thương mại với các nước đồng minh hay bỏ qua những lời khen của nhà độc tài Nga, thì tập hợp được các nước dân chủ thân cận vẫn là một thách thức lớn. Đặc biệt là đối với các nước EU, cần phải có khuôn khổ hợp tác rõ ràng như về phân loại đầu tư.

Các hãng nhập khẩu Châu Âu đang chờ phục hồi kinh tế sau đại dịch, nhờ vào sức mua của Trung Quốc. Hiện vẫn còn tình trạng chia rẽ xuyên Đại Tây Dương về quyền riêng tư, và các vấn đề công nghệ khác. Tuy ra tuyên bố chung về khả năng Trung Quốc xâm lược Đài Loan hay gây sức ép về kinh tế đối với Úc là tương đối dễ, nhưng để có hành động đáp trả cụ thể từ nhiều nước sẽ khó hơn. Hành động củng cố thể giới tự do để chống lại mối đe dọa này sẽ làm yếu đi trước mối đe dọa khác. Ví dụ, khi Washington thôi không phản đối dự án đường ống dẫn dầu *Nord Stream 2*, hy vọng Berlin sẽ ủng hộ lập trường chống Bắc Kinh, nhưng làm như vậy sẽ giúp Nga tăng cường đòn bẩy đối với các đồng minh Đông Âu.

Việc tập trung vào đấu tranh về tư tưởng và công nghệ có thể làm Chính quyền Biden sao nhãng các nguy cơ cấp bách về quân sự. Mỹ có thể thua cuộc ganh đua về hệ thống vì không ngăn chặn được các chính quyền độc tài hiếu chiến và bảo vệ các tiền đồn dân chủ tại Đông Âu và Tây Thái Bình Dương. Một ủy ban lưỡng đảng về chiến lược quốc phòng đã cảnh báo năm 2018 rằng Mỹ không đủ lực lượng cần thiết để đáp ứng các cam kết tại khu vực ngoại vi Á-Âu. Mỹ đứng trước một lỗ hổng an ninh tại eo biển Đài Loan, nhưng không tỏ ra cấp bách về mặt quân sự. Ngân sách quốc phòng không tăng, và trước mắt thiếu biện pháp để tăng cường vị thế của Mỹ ở Thái Bình Dương. Tuy tranh chấp bây giờ không chỉ về sức mạnh quân sự, nhưng giá trị dân chủ không cứu được thế giới khi phải đấu súng.

Cuối cùng, mối quan hệ giữa các thành tố đối nội và đối ngoại trong chiến lược của Mỹ thường không suôn sẻ như chính quyền nói. Theo quan điểm Biden, cải thiện giá trị kinh tế của tầng lớp trung lưu là một đảm bảo để ngăn ngừa chủ nghĩa Trump quay lại và là cách tăng cường nền móng bên trong của nền ngoại giao Mỹ. Nhưng trong số các kết quả thực tiễn, khẩu hiệu “Mua hàng Mỹ”, cũng giống như khẩu hiệu “Nước Mỹ trên hết”, với đặc trưng dân chủ và chính sách thương mại mềm mỏng hơn đang làm cho nhiều nước tại Châu Á tự hỏi liệu có đúng là “nước Mỹ quay lại” hay không.

Tóm lại, nếu học thuyết Biden không hỗ trợ được cho ý tưởng thịnh vượng đầy tham vọng và rộng mở thì nó không giúp gì nhiều cho sự gắn kết và sức mạnh của thế giới tự do. Tuy Biden đã xác định đúng thách thức chủ yếu của thế kỷ 21, nhưng bây giờ mới là lúc biến tầm nhìn thành hiện thực, và thực thi chiến lược đó trước mắt còn nhiều khó khăn.

TRANG THÔNG TIN: Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ

vn.usembassy.gov

[Đọc toàn bộ chiến lược ở đây](#)

“Chúng tôi mong muốn một khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương rộng mở, kết nối, thịnh vượng, có sức chống chịu và an ninh—và chúng tôi sẵn sàng hợp tác với mỗi người trong số các bạn để đạt được điều đó.”

Tổng thống Joe Biden

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á

Ngày 27 tháng 10 năm 2021

Chính quyền Tổng thống Biden và Phó Tổng thống Harris đã đạt được những bước tiến lịch sử nhằm khôi phục vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, đồng thời điều chỉnh vai trò của mình cho phù hợp với thế kỷ 21. Năm ngoái, Hoa Kỳ đã tiến hành hiện đại hóa các liên minh lâu đời

của mình, củng cố các mối quan hệ đối tác mới nổi, cũng như tạo dựng các liên kết mang tính sáng tạo cùng với các đồng minh và đối tác nhằm đối phó với những thách thức cấp bách, từ việc cạnh tranh với Trung Quốc cho tới biến đổi khí hậu và ứng phó với đại dịch. Hoa Kỳ đã thực hiện điều này vào thời điểm các đồng minh và đối tác trên toàn thế giới cũng đang ngày càng tăng cường sự kết nối của mình ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương; đồng thời giữa hai đảng trong Nghị viện Hoa Kỳ cũng có một sự nhất trí rộng rãi rằng Hoa Kỳ cũng phải làm điều đó. Sự thống nhất đó trong cam kết đối với khu vực, từ khắp các vùng, các đại dương cũng như không phân biệt đường lối chính trị-đảng phái, phản ánh một thực tế không thể phủ nhận: Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương là khu vực năng động nhất trên thế giới và tương lai của nó ảnh hưởng đến mọi người ở mọi nơi.

Thực tế đó chính là cơ sở của Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ. Chiến lược này đề ra tầm nhìn của Tổng thống Biden nhằm củng cố vững chắc hơn vị trí của Hoa Kỳ ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, đồng thời cũng tăng cường sức mạnh cho cả khu vực trong quá trình đó. Trọng tâm chính của Chiến lược là sự hợp tác bền vững và sáng tạo cùng với các nước đồng minh, đối tác, cũng như các thể chế cả trong và ngoài khu vực.

Hoa Kỳ sẽ theo đuổi mục tiêu xây dựng một khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương:

1. TỰ DO VÀ RỘNG MỞ

Những lợi ích sống còn của chúng tôi cũng như lợi ích của các đối tác thân cận nhất của chúng tôi đòi hỏi phải có một khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do và rộng mở; và một khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do và rộng mở đòi hỏi việc các chính phủ phải có thể đưa ra lựa chọn của riêng cho mình, đồng thời các khu vực chung được quản lý phù hợp theo luật pháp. Chiến lược của chúng tôi bắt đầu bằng việc tăng

cường khả năng chống chịu, cả trong từng quốc gia, giống như chúng tôi đã làm ở Hoa Kỳ, cũng như giữa các quốc gia với nhau. Chúng tôi sẽ thúc đẩy một khu vực tự do và rộng mở, thông qua việc:

- *Đầu tư vào các thể chế dân chủ, báo chí tự do, và một xã hội dân sự năng động*
- *Cải thiện minh bạch tài khóa ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương nhằm phơi bày tham nhũng và thúc đẩy cải cách*
- *Đảm bảo các vùng biển và bầu trời của khu vực được quản lý và sử dụng dựa theo luật pháp quốc tế*
- *Thúc đẩy các phương pháp tiếp cận chung đối với các công nghệ then chốt và mới nổi, internet và không gian mạng*

2. KẾT NỐI

Một khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do và rộng mở chỉ có thể đạt được nếu chúng ta xây dựng được năng lực tập thể cho một kỷ nguyên mới. Các liên minh, tổ chức và quy tắc mà Hoa Kỳ cùng các đối tác đã góp phần xây dựng cần được điều chỉnh. Chúng tôi sẽ xây dựng năng lực tập thể cả trong và ngoài khu vực, thông qua việc:

- *Tăng cường năm liên minh hiệp ước trong khu vực của chúng tôi với Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines và Thái Lan*
- *Tăng cường quan hệ với các đối tác hàng đầu trong khu vực, bao gồm Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Mông Cổ, New Zealand, Singapore, Đài Loan, Việt Nam và các quốc đảo ở Thái Bình Dương*
- *Đóng góp cho một ASEAN ngày càng có tiếng nói mạnh mẽ và thống nhất*

- *Tăng cường Nhóm Bộ tứ và thực hiện các cam kết của Nhóm*
- *Ứng hộ sự tiếp tục trỗi dậy cũng như vai trò lãnh đạo của Ấn Độ trong khu vực*
- *Phối hợp để tăng cường khả năng chống chịu cho các quốc đảo ở Thái Bình Dương*
- *Tạo dựng kết nối giữa khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương với khu vực Châu Âu-Đại Tây Dương*
- *Mở rộng sự hiện diện ngoại giao của Hoa Kỳ tại khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, đặc biệt là ở Đông Nam Á và các quốc đảo ở Thái Bình Dương*

3. THỊNH VƯỢNG

Sự thịnh vượng hàng ngày của người Mỹ gắn liền với khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Thực tế đó đòi hỏi cần có các khoản đầu tư nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo, tăng cường khả năng cạnh tranh kinh tế, tạo ra việc làm có thu nhập cao, xây dựng lại các chuỗi cung ứng, đồng thời mở rộng cơ hội kinh tế cho các gia đình thuộc tầng lớp trung lưu: 1,5 tỷ người ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương sẽ gia nhập tầng lớp trung lưu toàn cầu trong thập kỷ này. Chúng tôi sẽ thúc đẩy sự thịnh vượng của khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, thông qua việc:

- *Đề xuất một khuôn khổ kinh tế của khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, qua đó chúng ta có thể:*
 - *Xây dựng những cách tiếp cận mới đối với thương mại, đáp ứng được các tiêu chuẩn cao về lao động và môi trường*
 - *Quản lý nền kinh tế kỹ thuật số của chúng ta cũng như các dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới theo các nguyên tắc mở, bao gồm thông qua một khuôn khổ mới cho phát triển kinh tế số*

- *Thúc đẩy các chuỗi cung ứng có khả năng chống chịu và an toàn, đa dạng, cởi mở và dễ dự báo*
- *Xúc tiến đầu tư chung vào kinh tế phi các-bon và năng lượng sạch*
- *Thúc đẩy thương mại và đầu tư tự do, công bằng và cởi mở thông qua Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC), đặc biệt trong năm 2023 khi Hoa Kỳ sẽ là chủ nhà của APEC*
- *Thu hẹp khoảng cách về cơ sở hạ tầng trong khu vực thông qua sáng kiến Xây dựng lại thế giới tốt đẹp hơn cùng với các đối tác trong nhóm G7*

4. AN NINH

Trong suốt 75 năm qua, Hoa Kỳ đã duy trì sự hiện diện quốc phòng mạnh mẽ và nhất quán cần thiết nhằm hỗ trợ cho hòa bình, an ninh, ổn định và thịnh vượng trong khu vực. Chúng tôi đang mở rộng và hiện đại hóa vai trò này, đồng thời nâng cao khả năng của mình trong việc bảo vệ lợi ích của chúng tôi, cũng như ngăn chặn bất kỳ hành vi nào đe dọa tới lãnh thổ Hoa Kỳ, hay đe dọa các đồng minh và đối tác của chúng tôi. Chúng tôi sẽ tăng cường an ninh khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, sử dụng tất cả các công cụ sức mạnh của mình để ngăn chặn hành vi gây hấn, chống lại những hành vi cưỡng ép, thông qua việc:

- *Tăng cường khả năng răn đe tổng hợp*
- *Thắt chặt hợp tác và tăng cường khả năng phối hợp cùng với các đồng minh và đối tác*
- *Duy trì hòa bình và ổn định tại khu vực eo biển Đài Loan*
- *Đổi mới để tác nghiệp hiệu quả trong môi trường mới với mối đe dọa thay đổi nhanh chóng, bao gồm không gian, không gian mạng, cũng như các lĩnh vực công nghệ then chốt và mới nổi*

- *Tăng cường khả năng sẵn đề và phối hợp mở rộng với các nước đồng minh gồm Hàn Quốc và Nhật Bản, đồng thời theo đuổi mục tiêu phi hạt nhân hóa hoàn toàn Bán đảo Triều Tiên*
- *Tiếp tục thực hiện các mục tiêu của AUKUS*
- *Mở rộng sự hiện diện của Tuần duyên Hoa Kỳ cũng như hợp tác chống lại các mối đe dọa xuyên quốc gia khác*
- *Vận động Nghị viện để tài trợ cho Sáng kiến sẵn đề Thái Bình Dương và Sáng kiến an ninh biển*

5. CÓ SỨC CHỐNG CHỊU

Khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương phải đối mặt với những thách thức xuyên quốc gia to lớn. Biến đổi khí hậu đang ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn bao giờ hết, trong bối cảnh các sông băng ở khu vực Nam Á đang tan dần, đồng thời các quốc đảo ở Thái Bình Dương đang phải ứng phó với vấn đề mực nước biển dâng cao mang tính chất sống còn. Đại dịch Covid-19 tiếp tục gây ra những thiệt hại to lớn cả về người và kinh tế trên toàn khu vực. Trong lúc đó, các chính phủ tại khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương cũng đang phải vật lộn với thiên tai, khan hiếm tài nguyên, xung đột nội bộ, cũng như những thách thức trong quản trị. Nếu không được kiểm soát, các vấn đề này có nguy cơ gây mất ổn định khu vực. Chúng tôi sẽ tăng cường khả năng chống chịu của khu vực đối với các mối đe dọa xuyên quốc gia trong thế kỷ 21, thông qua việc:

- *Hợp tác với các đồng minh và đối tác nhằm xây dựng các mục tiêu, chiến lược, kế hoạch và chính sách tới năm 2030 và 2050, nhất quán với mục tiêu hạn chế sự ấm lên toàn cầu ở mức 1,5 độ C*
- *Giảm thiểu khả năng dễ bị tổn thương của khu vực trước những tác động của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường*

- *Chăm dứt đại dịch Covid-19, đồng thời củng cố an ninh y tế toàn cầu.*

###

Bản dịch được cung cấp có tính tham khảo và chỉ bản gốc chính thức bằng tiếng Anh mới có giá trị chính xác.

Mỹ công bố chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương, kêu gọi đồng minh đoàn kết đối phó với Bắc Kinh

Đăng ngày: 13/02/2022 - 13:53

Capture à partir de : [RFI](#)

Báo chí Nhật Bản hôm qua, 12/02/2022, giới thiệu Chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương mà chính quyền Mỹ vừa công bố. Chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương của Washington kêu gọi « các quốc gia cùng chí hướng » nỗ lực vượt bậc để xây dựng những hợp tác đủ để ngăn chặn tham vọng của Trung Quốc. An ninh là nội dung xuyên suốt trong chiến lược. Bảo vệ an ninh tại eo biển Đài Loan là một trọng tâm.



Ảnh tư liệu: Ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken diễn thuyết về chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương của chính quyền Biden tại đại học Universitas Indonesia, ở Jakarta, ngày 14/12/2021.AP - Olivier Douliery

Tài liệu chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ (Indo-Pacific Strategy of the United States), dài 19 trang, công

bổ ngày 11/02/2022, tái khẳng định mục tiêu thúc đẩy một « *khu vực tự do và mở* ». Hoa Kỳ nhấn mạnh « *quyết tâm củng cố vị thế lâu dài* » của nước Mỹ tại Ấn Độ - Thái Bình Dương. Trong số các hành động chính sẽ được thực hiện trong vòng từ 12 đến 24 tháng tới, chính quyền Biden cho biết sẽ tăng cường « *khả năng sẵn sàng* » chống lại các hành động quân sự nhắm vào Hoa Kỳ, các đồng minh và đối tác.

Theo Chiến lược vừa được công bố, Trung Quốc, thông qua các hành động « *ép buộc và gây hấn* », đang theo đuổi mục tiêu mở rộng phạm vi ảnh hưởng trong khu vực, và tìm cách trở thành « *cường quốc có ảnh hưởng nhất thế giới* ». « *Các quốc gia cùng chí hướng* » với Hoa Kỳ cần xây dựng được các « *hợp tác chưa từng có* » trong thập niên mang tính quyết định này, để chống lại mưu toan của Bắc Kinh « *làm thay đổi các quy tắc và chuẩn mực* », mà khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và thế giới đang « *được thụ hưởng* ».

Đài Loan, Đông Nam Á và Nam Á là các khu vực trọng tâm. Chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương của Mỹ bày tỏ lo ngại về áp lực gia tăng của Trung Quốc với Đài Loan. Washington khẳng định « *các đối tác trong và ngoài khu vực* » cần nỗ lực đóng góp để « *duy trì hòa bình và ổn định ở eo biển Đài Loan, bao gồm cả việc hỗ trợ khả năng tự vệ của đảo* ». Chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương của chính quyền Mỹ đặc biệt khuyến khích Nhật Bản và Hàn Quốc, vượt qua những bất đồng sâu sắc do nhiều tranh chấp về lịch sử và lãnh thổ, để tăng cường hợp tác, bởi « *gần như mọi thách thức lớn ở Ấn Độ - Thái Bình Dương* » đều đòi hỏi sự hợp tác đặc biệt chặt chẽ Nhật – Hàn, hai đồng minh chủ chốt của Mỹ tại châu Á.

Chính quyền Biden dự kiến tăng cường 5 hiệp ước liên minh với các quốc gia tại khu vực (gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Philippines và Thái Lan). Ngoài 5 hiệp ước liên minh song phương nói trên, Chiến lược của Mỹ nhấn mạnh đến hợp tác với « *các đối tác hàng đầu trong khu vực, bao gồm Ấn Độ,*

Indonesia, Malaysia, Mông Cổ, New Zealand, Singapore, Đài Loan, Việt Nam và các đảo Thái Bình Dương ».

Bộ Tứ (Hoa Kỳ, Úc, Ấn Độ và Nhật Bản) cũng sẽ được củng cố như một nhóm khu vực « hàng đầu » có sứ mạng giải quyết nhiều vấn đề quan trọng đối với Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, như ứng phó với đại dịch Covid, hay hợp tác về chuỗi cung ứng. Chính quyền Biden cũng sẽ mở rộng các hợp tác của Lực lượng Tuần duyên Hoa Kỳ với khu vực Đông Nam Á và Nam Á, đặc biệt trong việc « tư vấn, huấn luyện, triển khai và xây dựng lực lượng ».

Chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc : Bảo vệ trật tự quốc tế

Đăng ngày: 27/05/2022 - 14:13

Capture à partir de : [RFI](#)

Bài phát biểu của ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken tại Đại học George Washington hôm qua, 26/05/2022, đã rất được chờ đợi, bởi vì lần đầu tiên ông công khai nêu rõ chiến lược của tổng thống Joe Biden đối với Trung Quốc, quốc gia mà theo ông Blinken hiện là “mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với trật tự quốc tế”.



Nội dung bài phát biểu của ông Blinken là theo đúng lập trường của tổng thống Biden đối với Trung Quốc. Theo hãng tin AFP, ban đầu Joe Biden dự trù là đích thân ông sẽ đọc bài này.

Trước bài phát biểu của ngoại trưởng Blinken tại Đại học George Washington hôm qua, ông Biden đã mở chuyến công du châu Á đầu tiên của ông với tư cách tổng thống và đã họp thượng đỉnh với các lãnh đạo Đông Nam Á tại Washington vào đầu tháng 5. Mục đích chính là nhằm chứng tỏ Hoa Kỳ vẫn xem châu Á là khu vực ưu tiên trong chính sách đối ngoại.

Kể từ khi lên cầm quyền, tổng thống Biden vẫn xem Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh duy nhất của Hoa Kỳ về lâu dài ở cấp độ toàn cầu. Trong bài phát biểu hôm qua, ngoại trưởng Blinken trước hết cũng muốn khẳng định, mặc dù có cuộc xâm lăng Ukraina của Nga, Trung Quốc vẫn là thách thức lớn nhất đối với Hoa Kỳ và các đồng minh. Theo ông Blinken, Trung Quốc là nước duy nhất *“vừa có mưu đồ sắp đặt lại trật tự quốc tế, vừa ngày càng có đủ thực lực về kinh tế, ngoại giao, quân sự và công nghệ để làm điều đó”*.

Tuy nhiên, ông Blinken nói rõ : *“Chúng tôi không muốn có một cuộc xung đột hay một cuộc chiến tranh lạnh mới. Trái lại, chúng tôi quyết tâm tránh xung đột và chiến tranh lạnh”*. Ngoại trưởng Mỹ cũng nhấn mạnh : *“Chúng tôi không muốn ngăn cản Trung Quốc đóng vai trò cường quốc quan trọng, hoặc ngăn cản Trung Quốc hay bất cứ nước nào khác phát triển kinh tế và bảo vệ các lợi ích của nhân dân nước họ”*.

Nhưng đối với ngoại trưởng Blinken, chỉ có duy trì trật tự thế giới hiện nay, bao gồm việc tôn trọng các luật lệ và hiệp ước quốc tế, thì toàn bộ các quốc gia, kể cả Hoa Kỳ và Trung Quốc, mới có thể chung sống và hợp tác với nhau.

Đã nhiều lần chính quyền Biden nêu lên sự cần thiết của việc gây áp lực với Trung Quốc để buộc nước này tuân thủ các quy

định hiện hành, nhất là trong các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông và trong lĩnh vực thương mại.

Nhưng trong bài phát biểu hôm qua ở Đại học George Washington, ngoại trưởng Blinken nhấn mạnh không thể trông chờ Bắc Kinh tự nguyện thay đổi đường lối, cho nên Hoa Kỳ nhắm đến việc “*định hình một môi trường chiến lược*” chung quanh Trung Quốc, để hạn chế những hành động ngày càng hung hăng của cường quốc châu Á này.

Thật ra thì nhìn xa hơn, theo như ghi nhận của tờ New York Times hôm qua, điều gây lo ngại cho chính quyền Biden cũng như chính quyền Donald Trump trước đây, đó là là nguy cơ Trung Quốc một ngày nào đó sẽ qua mặt Hoa Kỳ để trở thành siêu cường quốc hàng đầu thế giới.

Cụ thể, sự hội nhập của nền kinh tế Trung Quốc với nền kinh tế của Mỹ và các đồng minh mang lại cho Bắc Kinh một đòn bẩy chiến lược to lớn, giúp nước này dần dần phá bỏ thế thống trị của Mỹ đối với nền kinh tế và công nghệ toàn cầu, cũng như làm suy giảm sức mạnh quân sự của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Trong nỗ lực nhằm tập hợp các đồng minh trong cuộc đối đầu với Trung Quốc, tại Tokyo ngày 23/05, tổng thống Biden đã công bố Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ - Thái Bình Dương, một sáng kiến trước mắt quy tụ 13 quốc gia, trong đó có Việt Nam. Nhưng Washington cho rằng vẫn có thể hợp tác với Bắc Kinh trong một số lĩnh vực, như chống biến đổi khí hậu.

Bắc Kinh dĩ nhiên đã bác bỏ nội dung bài phát biểu hôm qua của ngoại trưởng Blinken. Hôm nay, phát ngôn viên bộ Ngoại Giao Trung Quốc Ôn Văn Bân (Wang Wenbin) cho rằng mục tiêu bài phát biểu này chỉ là nhằm “*ngăn chặn sự phát triển của Trung Quốc và duy trì thế bá quyền và sức mạnh của Mỹ*”.

Xoay trục 2.0: Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương

31/05/2022

Capture à partir de : [nghiencuuquocte](https://nghiencuuquocte.org)



Nguồn: Mohammadbagher Forough, "[America's Pivot to Asia 2.0: The Indo-Pacific Economic Framework](https://www.the-diplomat.com/article/americas-pivot-to-asia-2-0-the-indo-pacific-economic-framework)," *The Diplomat*, 26/05/2022

Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Phụng

Chừng nào IPEF còn thiếu lợi ích rõ ràng, sẽ khó có thể biến khuôn khổ này thành hành động có ý nghĩa.

Trong chuyến công du châu Á của mình, hôm thứ Hai vừa rồi, Tổng thống Mỹ Joe Biden thông báo Nhật Bản, Ấn Độ, cùng 10 quốc gia khác đã cam kết tham gia Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương (IPEF) do Mỹ dẫn đầu. Danh sách gồm có Australia, Brunei, Indonesia, Hàn Quốc, Malaysia, New Zealand, Philippines, Singapore, Thái Lan, và Việt Nam. Những nước không phải là thành viên, chí ít là ở thời điểm hiện tại, là Đài Loan, ba quốc gia thành viên ASEAN (Campuchia, Lào, và Myanmar) và Trung Quốc (hiển nhiên). Nhưng cánh cửa để trở thành thành viên trong tương lai của họ (ít nhất là về mặt lý thuyết) vẫn đang được để ngỏ.

Thông qua IPEF, Mỹ hy vọng sẽ gắn kết kinh tế với Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, chống lại ảnh hưởng kinh tế và chính trị ngày càng tăng của Trung Quốc trong khu vực. Với khoảng 60% dân số toàn cầu, khu vực này sẽ là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên thế giới trong vài thập niên sắp tới. Theo Nhà Trắng, khu vực này “hỗ trợ 3 triệu việc làm cho người Mỹ” và là “nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài trị giá gần 900 tỷ đô la vào Mỹ”, trong khi tổng vốn FDI của Mỹ vào khu vực đạt khoảng 969 tỷ đô la trong năm 2020. Hơn nữa, Mỹ là “nước xuất khẩu dịch vụ hàng đầu tại khu vực.”

Tóm lại, giới tinh hoa kinh tế và chính sách của Mỹ (cùng nhiều nước khác trên thế giới) tin rằng quá trình địa chính trị và địa kinh tế của thế kỷ này sẽ được xác định bởi khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

Từ Xoay trục 1.0 đến Xoay trục 2.0

Năm 2011, Tổng thống Mỹ lúc bấy giờ là Barack Obama, trong một chuyến công du tới châu Á, đã giới thiệu chính sách Xoay trục sang châu Á của Mỹ, gồm cả các yếu tố địa chính trị (như tăng cường sự hiện diện quân sự của Mỹ trong khu vực) và các yếu tố địa kinh tế (chẳng hạn như Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, TPP). Thông qua TPP, Obama muốn Mỹ, chứ không phải Trung Quốc, trở thành người viết ra “các quy tắc định hướng trong khu vực” hoặc “các quy tắc của nền kinh tế toàn cầu” trong thế kỷ này. Obama hy vọng TPP sẽ được hiện thực hóa vào tháng 12/2012, thế nhưng đàm phán đã kéo dài đến tận năm 2015.

Trong chiến dịch tranh cử năm 2016, cả Hillary Clinton và Donald Trump đều phản đối TPP do tình cảm chống toàn cầu hóa (tức là chống FTA) ở Mỹ. Tổng thống Trump sau đó đã ‘ném bom hủy diệt’ TPP ngay sau khi nhậm chức vào năm 2017. Kể từ đó, chính sách Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Mỹ ngày càng đi lệch hướng, được xác định bởi các liên

minh địa chính trị (như Bộ tứ và AUKUS) hơn là các sáng kiến (địa) kinh tế và các hiệp ước thương mại.

Trong khi đó, vào năm 2021, sau khoảng 10 năm đàm phán miệt mài, Trung Quốc và các nước Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương khác đã ký Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), hiệp định thương mại tự do lớn nhất thế giới. Tất cả các nước ASEAN và một số đồng minh thân cận của Mỹ (Australia, Nhật Bản, New Zealand và Hàn Quốc) đã tham gia RCEP. Thỏa thuận chính thức có hiệu lực vào ngày 01/01/2022.

Mặt khác, Nhật Bản và các nước khác đã đàm phán và hồi sinh TPP (hay những gì còn lại sau khi Mỹ rời đi), và gọi nó là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), được phê chuẩn vào năm 2018. Tuy nhiên, Mỹ đã loại trừ khả năng tái gia nhập FTA này. Thay vào đó, Washington đã lập luận rằng khu vực cần phải tiến xa hơn nữa và tham gia vào IPEF, lần xoay trục sang châu Á thứ hai của Mỹ.

Trong khi nhánh địa chính trị của xoay trục 2.0 đã phát triển (thông qua các tổ chức như Bộ tứ và AUKUS), thì chính sách Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Mỹ lại bị thiếu sức mạnh địa kinh tế. IPEF hy vọng sẽ lấp đầy khoảng trống này. Theo Nhà Trắng, mục tiêu của IPEF là giải quyết:

Những thách thức kinh tế trong thế kỷ 21, từ việc thiết lập các quy tắc định hướng cho nền kinh tế kỹ thuật số, đảm bảo chuỗi cung ứng an toàn và linh hoạt, giúp thực hiện các loại đầu tư lớn cần thiết vào cơ sở hạ tầng năng lượng sạch và quá trình chuyển đổi năng lượng sạch, đến nâng cao tiêu chuẩn về tính minh bạch, đánh thuế công bằng và chống tham nhũng.

Di sản xoay trục của Obama đã thể hiện rõ trong IPEF. Bài diễn thuyết của ông về mục tiêu của TPP (“viết ra các quy tắc định hướng”) đã được lặp lại ngay trong phần trích dẫn phía trên. Theo nghĩa này, IPEF là nỗ lực thứ hai của Mỹ nhằm xoay trục sang châu Á. Các nhà hoạch định chính sách của Mỹ đã nhận

thấy rằng Mỹ đang bị bỏ lại bên ngoài hai khối thương mại chính tại Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương (RCEP và CPTPP).

Diễn giải IPEF và những thách thức của nó

Sau đây, tôi xin đưa ra bảy nhận định về tầm nhìn đứng sau IPEF và những thách thức đang chờ đợi nó phía trước.

Đầu tiên, điều quan trọng là phải xác định IPEF không phải là gì. Nó chắc chắn không phải là một FTA như RCEP và CPTPP. Nó không bao gồm, và cũng không hứa hẹn sẽ bao gồm, các cuộc đàm phán để dỡ bỏ hàng rào thuế quan hoặc tăng cường tiếp cận thị trường. Hiện tại, IPEF được hiểu theo nghĩa là một tầm nhìn, một tín hiệu, một tuyên bố về mục đích, hoặc một nỗ lực của Mỹ nhằm bắt kịp với lịch sử, địa lý, và (địa) kinh tế đang phát triển của Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.

Thứ hai, tầm nhìn sau cùng của IPEF là khôi phục “vai trò lãnh đạo kinh tế” của Mỹ ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, và cho phép người Mỹ – theo hình dung của cả Obama lẫn Biden – “viết lại các quy tắc định hướng” cho nền kinh tế Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương và toàn cầu.

Thứ ba, một mâu thuẫn lớn ở đây là “quy tắc định hướng” đòi hỏi một khuôn khổ với các cam kết có tính ràng buộc, dựa trên các quy tắc và luật lệ cụ thể. Tính cụ thể này thường được chính thức hóa thông qua các FTA với các quy định và cơ chế giải quyết tranh chấp rõ ràng. IPEF không cung cấp bất kỳ điều nào trong số đó. Thậm chí, trước chuyến đi lần này, đội ngũ của Biden đã phải điều chỉnh IPEF để thu hút nhiều quốc gia hơn đến với nó.

Nhà Trắng đã lập luận rằng khía cạnh này của IPEF là một “đặc điểm”, chứ không phải một “lỗi”, vì nó giúp các thành viên có thể linh hoạt hành động dựa trên các thành phần đã được hoàn thành, mà không cần phải chờ đợi toàn bộ IPEF hoàn thành. Dù đây một quá trình lý tưởng về mặt lý thuyết, chúng ta không có nhiều – thực tế, hoàn toàn không có – tiền lệ lịch sử nào,

rằng một khuôn khổ được xác định lỏng lẻo như vậy lại có thể xác lập các nghĩa vụ và lợi ích đủ để tạo ra động lực thay đổi lịch sử.

Thứ tư, các khái niệm đi kèm của IPEF (thiết lập “quy tắc”, “tiêu chuẩn” và “nguyên tắc”) đã xuất hiện và được thử nghiệm trong cả Mạng lưới Chấm Xanh (BDN) do chính quyền Trump khởi động vào năm 2019, lẫn Sáng kiến Xây dựng lại Thế giới Tốt đẹp hơn (B3W) do chính quyền Biden đưa ra vào năm 2021. BDN được định nghĩa là “một cơ chế thúc đẩy các tiêu chuẩn mạnh mẽ [...] cho các dự án cơ sở hạ tầng chất lượng” và B3W là một sáng kiến để thúc đẩy “các tiêu chuẩn và nguyên tắc cao” trong các lĩnh vực trùng lặp với các lĩnh vực của IPEF. Cả B3W và BDN đều được định nghĩa nhằm chống lại Trung Quốc và Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) của nước này. Cho đến nay, cả hai đều chưa tạo ra nhiều thành quả và động lực hữu hình. Mỹ nên cẩn thận để IPEF không chịu chung số phận với BDN và B3W.

Thứ năm, từ danh sách các quốc gia bị loại trừ (Trung Quốc và các đối tác ASEAN thân cận với họ, như Myanmar, Campuchia, và Lào), khó có thể không suy ra rằng quỹ đạo của IPEF đã – và có khả năng sẽ – được xác định bởi các mục tiêu địa chính trị của Mỹ hơn là động lực kinh tế toàn cầu. Vấn đề càng phức tạp hơn khi ở Mỹ, kể từ năm 2011, chính sách xoay trục sang châu Á đã liên tục bị ngăn trở do các tình huống khẩn cấp về địa chính trị ở những nơi khác, chẳng hạn như ở Trung Đông, hay bây giờ là ở Ukraine.

Thứ sáu, thách thức to lớn nhất đối với Mỹ là thuyết phục các thành viên IPEF tách rời nền kinh tế của họ khỏi Trung Quốc. Cần nhớ rằng ngoài Mỹ, mọi quốc gia tham gia IPEF trước đây đã cùng Trung Quốc ký kết một FTA thực sự có tính ràng buộc, RCEP. Đối với họ, thỏa thuận đó là một cam kết vững chắc hơn nhiều so với IPEF.

Thách thức càng lớn hơn do IPEF, khi cố gắng thiết lập các tiêu chuẩn và nguyên tắc, chắc chắn sẽ tạo ra các nghĩa vụ, nhưng lại “thiếu đi lợi ích”. Vẫn còn phải đánh giá xem, làm thế nào và tại sao các đối tác không “hoài nghi” IPEF, trong khi chấp nhận làm phương hại lợi ích kinh tế của chính họ (ví dụ, loại bỏ các cam kết kinh tế với Trung Quốc) khi mà IPEF không hề mang lại lợi ích (chẳng hạn như tiếp cận thị trường Mỹ).

Thứ bảy và cuối cùng, để IPEF thành công, các nhà hoạch định chính sách của Mỹ nên cố gắng thực hiện đồng thời hai việc: Trước tiên, họ phải cùng hành động trong nước, bằng cách giải quyết tình cảm chống toàn cầu hóa và những lo ngại về kinh tế của người dân Mỹ sao cho hợp lý; và thứ hai, hợp nhất các sáng kiến như IPEF (và B3W và BDN) với các FTA đã có, chẳng hạn như CPTPP do Nhật Bản lãnh đạo, vốn là kết quả của nhiều năm đàm phán miệt mài. Chỉ khi đó, Mỹ mới có thể sử dụng sức mạnh kinh tế, quyền lực mềm, và đòn bẩy địa chính trị của mình để bắt đầu viết – hoặc tốt hơn, cùng viết với các đối tác của họ – những quy tắc định hướng cho nền kinh tế toàn cầu.

Mohammadbagher Forough là Tiến sĩ Quan hệ Quốc tế, hiện đang là nghiên cứu viên tại Viện Nghiên cứu Toàn cầu và Khu vực Đức (GIGA) ở Hamburg, Đức, và là cộng sự tại Clingendael – Viện Quan hệ Quốc tế Hà Lan ở The Hague, Hà Lan.

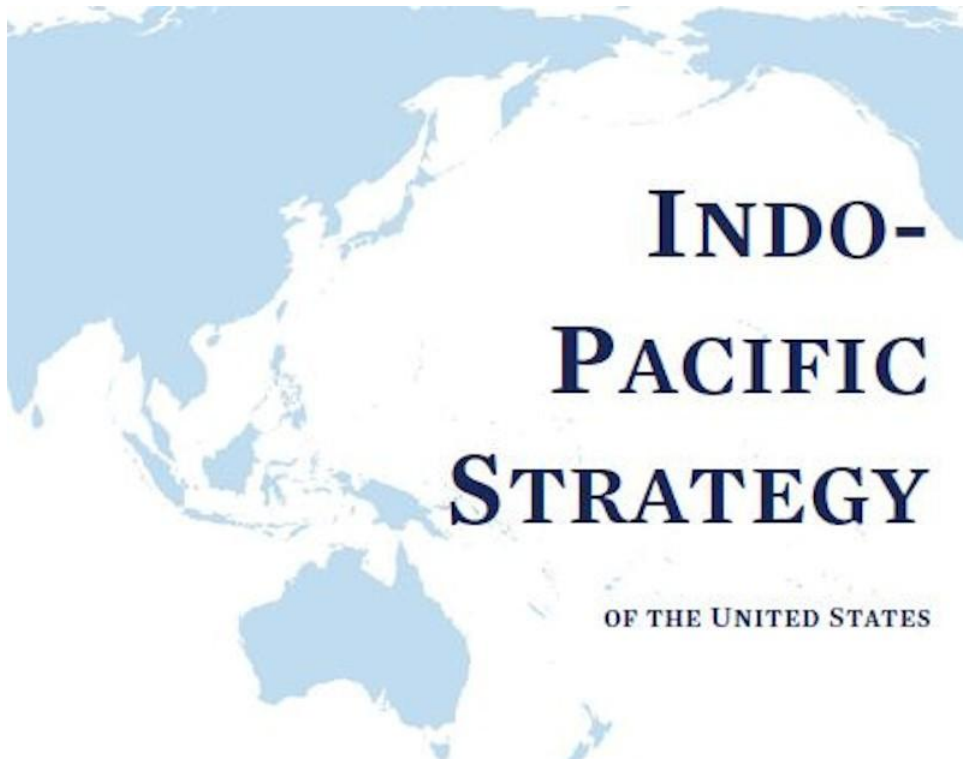
Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương mới của Mỹ: Ý tưởng và khoảng trống

21/03/2022

Capture à partir de : [nghiencuubiendong](https://nghiencuubiendong.com)

Ngày 11/2/2022, Chính quyền Biden công bố Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương mới gồm 5 trụ cột và 10 nhóm hành động. Chiến lược mới có nhiều điểm khác biệt so với văn bản tương tự trước đó của Chính quyền Trump năm 2019, với

nhiều bước triển khai chính sách cụ thể hơn nhưng vẫn còn những khoảng trống cần lấp đầy.



Đỗ Hoàng, Viện Biển Đông

Ngày 11/2/2022, Chính quyền Biden công bố Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương mới^[1] gồm 5 trụ cột và 10 nhóm hành động. Chiến lược mới có nhiều điểm khác biệt so với văn bản tương tự trước đó của Chính quyền Trump năm 2019^[2], với nhiều bước triển khai chính sách cụ thể hơn nhưng vẫn còn những khoảng trống cần lấp đầy.

Bối cảnh mới, thách thức mới

Chiến lược mới công nhận các xu thế mà chiến lược 2019 chưa nhắc tới, bao gồm: i) nhiều đồng minh và đối tác của Mỹ (gồm Châu Âu) ngày càng chú ý tới khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; ii) Mỹ có đồng thuận lưỡng đảng về tầm quan trọng của khu vực.

Trong bối cảnh đó, Mỹ phải đối mặt với nhiều thách thức: i) Trung Quốc; ii) nguy cơ an ninh phi truyền thống, gồm biến đổi khí hậu và COVID; iii) Bắc Triều Tiên; iv) tình trạng thiên tai,

khan hiếm tài nguyên, xung đột nội bộ và quản trị yếu kém tại nhiều nước khu vực.

Chiến lược 2019 cũng công nhận thách thức từ Trung Quốc, Bắc Triều Tiên và nguy cơ phi truyền thống nhưng xác định thêm Nga là “chủ thể xấu đang trỗi dậy” và xếp Nga là thách thức thứ hai. Trong khi đó, chiến lược mới chỉ coi Nga là “chủ thể bên lề”, không phải thách thức chính trong khu vực. Có thể, khi căng thẳng Ukraine – Nga đang diễn biến phức tạp, thách thức từ Nga được Chính quyền Biden coi là vấn đề cần chú ý đặc biệt, liên quan tới Châu Âu nhiều hơn với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nên đặt ra ngoài phạm vi chiến lược.

Điểm mới về cạnh tranh với Trung Quốc

Mỹ vẫn giữ cách tiếp cận “vừa cạnh tranh, vừa hợp tác” từ thời Trump. Tuy nhiên, chiến lược mới khẳng định Mỹ sẽ tìm cách quản lý cạnh tranh với Trung Quốc một cách “có trách nhiệm”.

Dù đây là điểm mới, chiến lược chưa làm rõ nội hàm của “cạnh tranh có trách nhiệm”. Liệu Mỹ sẽ kiềm chế xung đột với Trung Quốc trên thực địa, nhất là khi hiện diện quân sự tại khu vực của cả hai nước ngày một tăng? Liệu Mỹ có vạch ra các “ranh giới đỏ” với Trung Quốc tại các vùng biển khu vực? Mỹ sẽ không hy sinh lợi ích của đồng minh và đối tác trong quá trình cạnh tranh – hợp tác với Trung Quốc? Liệu “có trách nhiệm” là Mỹ sẽ không có các hành động Mỹ thường chỉ trích Trung Quốc như cạnh tranh thương mại không công bằng, sử dụng tin giả hay tấn công an ninh mạng? Đây là những câu hỏi Mỹ cần phải giải đáp.

5 trụ cột và khung kinh tế mới

Nếu như chiến lược cũ đưa ra “tự do và rộng mở” làm khái niệm bao trùm, chiến lược mới chỉ coi “tự do và rộng mở” là 1 trong 5 trụ cột Mỹ sẽ thúc đẩy tại khu vực.

Trong trụ cột “tự do và rộng mở”, Mỹ quan tâm đến vấn đề giá trị và thể chế chính trị của các nước khu vực hơn (chống tham

những, thúc đẩy xã hội dân sự, tự do báo chí hay cải cách dân chủ...). Trong khi đó, chiến lược 2019 chỉ coi “tự do và rộng mở” là đảm bảo chủ quyền và độc lập, giải quyết tranh chấp hòa bình, thương mại công bằng và tuân thủ luật lệ..., ít nhắc đến chính trị nội bộ của các nước khu vực.

Trong trụ cột về mạng lưới, ngoài các đồng minh và đối tác truyền thống, Mỹ nhấn mạnh kết nối thông qua Bộ tứ Quad, coi Ấn Độ là có vai trò lãnh đạo khu vực và coi hợp tác với Châu Âu tại khu vực là quan trọng. Nội hàm này thể hiện bước chuyển trong nhận thức của Mỹ về các đối tác vì chiến lược năm 2019 chỉ nhắc đến Quad với vai trò là cơ chế tham vấn[3], không coi Ấn là “lãnh đạo”, không hề nhắc đến kết nối với Châu Âu trong khu vực. Tuy nhiên, chiến lược mới không nhắc đến phối hợp với Canada như năm 2019.

Trong trụ cột về thịnh vượng, Mỹ cho biết sẽ khởi động Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (EFIP) đầu năm 2022, qua đó thúc đẩy thương mại tiêu chuẩn cao, kinh tế số và chuỗi cung ứng đa dạng và an toàn... Đây là bước tiến so với chính sách khu vực của Mỹ thời Trump (vốn thiếu trụ cột kinh tế sau khi rút khỏi TPP). Tuy nhiên, chiến lược mới không có tiến triển so với phát biểu của Tổng thống Biden tại Cấp cao Đông Á tháng 10/2021 về EFIP[4]. Liệu đây là thỏa thuận, dự án hay chính sách kinh tế, có trùng lặp với CP-TPP không, có được Quốc hội Mỹ ủng hộ không... còn chưa rõ. Dự án đầu tư về cơ sở hạ tầng “Xây dựng Thế giới Tốt đẹp hơn” (B3W) Mỹ muốn thúc đẩy để cạnh tranh với Sáng kiến Vành đai Con đường của Trung Quốc trong khu vực hiện vấp phải rào cản nội bộ Mỹ - rào cản khiến Mỹ không phê chuẩn được TPP thời Obama.

Chiến lược mới cũng đưa ra cách tiếp cận khác về thương mại, không đặt nặng “có đi có lại” như thời Trump mà tôn vinh “tiêu chuẩn cao”, hướng tới các vấn đề về lao động và môi trường (phi các-bon hóa hay năng lượng xanh). Điều này có thể thể hiện ba điều: i) Chính quyền Biden thực sự ưu tiên phát triển

bền vững; ii) Mỹ muốn nhấn mạnh điểm khác biệt giữa các sáng kiến kinh tế Mỹ dẫn dắt và Trung Quốc dẫn dắt; iii) Mỹ đã từ bỏ cách tiếp cận mang tính “giao dịch” của Chính quyền Trump mà đặt lợi ích chiến lược lên trên.

Răn đe tích hợp hay răn đe mơ hồ?

Chiến lược mới khẳng định Mỹ sẽ đảm bảo an ninh khu vực bằng cách nâng cao răn đe tích hợp. Khái niệm này được Chính quyền Biden quảng bá từ chuyến thăm Singapore của Bộ trưởng Austin tháng 7/2021 với nội hàm^[5]: tích hợp năng lực hiện có với năng lực mới; tích hợp công cụ quân sự với phi quân sự, tích hợp răn đe của Mỹ với đồng minh và đối tác. Hoạt động cụ thể gồm chia sẻ thông tin tình báo, củng cố năng lực nhận thức biển để các nước bảo vệ chủ quyền và các quyền lợi, đẩy lùi chiến thuật “vùng xám”...

Chiếu theo định nghĩa trên, có thể thấy Mỹ đã áp dụng răn đe tích hợp trong năm 2021 với các động thái như lần đầu tập trận thành công hệ thống tên lửa pháo binh cơ động cao với Nhật, hỗ trợ Anh triển khai tàu sân bay tại khu vực hay tuyên bố thành lập AUKUS...

Tuy nhiên, việc thúc đẩy “răn đe tích hợp” vẫn còn là một bài toán. Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, “răn đe” chỉ phát huy tác dụng khi chủ thể làm rõ đối tượng “bị” răn đe, đối tượng phải nhận thức rõ mục tiêu, năng lực và hành động đáp trả của chủ thể răn đe. Cho đến thời điểm này, có vẻ nội bộ Mỹ chưa hoàn toàn thống nhất về những tiêu chí trên. Chiến lược mới chưa định nghĩa “tích hợp” gồm những ai và công cụ gì, nhằm “răn đe” hành động nào. Nhiều học giả Mỹ còn tranh luận^[6] về việc có tích hợp năng lực hạt nhân tại khu vực hay không. Mỹ và đồng minh cũng chưa gửi tín hiệu nhất quán về giá trị của hoạt động răn đe: Bộ trưởng Quốc phòng Austin tại Singapore đánh giá hiện diện quân sự Anh có thể “hữu ích” hơn tại các khu vực ngoài Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương^[7] - tuyên bố có phần mâu thuẫn với quan điểm của Anh^{[8][9]}.

ASEAN và Biển Đông nằm ở vị trí nào?

Theo chiến lược mới, Mỹ sẽ hỗ trợ ASEAN bằng cách: tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh đặc biệt ASEAN – Mỹ đầu tiên tại Washington, D.C.; cam kết với EAS và ARF, đồng thời tìm kiếm các cam kết cấp Bộ trưởng mới với ASEAN; đầu tư hơn 100 triệu đô-la vào các sáng kiến mới của hai bên...

Điểm đáng chú ý là chiến lược chỉ nhắc đến “thống nhất” và “mạnh mẽ” (unified & empowered) thay vì nhấn mạnh thông điệp ASEAN “trung tâm” (centrality) – vai trò ASEAN đang theo đuổi trong khu vực. Bên cạnh đó, chiến lược mới khẳng định muốn thúc đẩy Quad là tập hợp hàng nhóm “hàng đầu khu vực” – mục tiêu dễ gây ra quan ngại trong ASEAN – trong khi chưa đưa ra định hướng về hợp tác giữa Quad và ASEAN, chưa giải đáp câu hỏi Quad có cạnh tranh hay hỗ trợ ASEAN hay không.

Về Biển Đông, chiến lược mới không nhắc nhiều. So với năm 2019, số lần nhắc tới Biển Đông giảm từ 10 xuống 2, số lần nhắc tới FONOP giảm từ 3 xuống 0 và số lần nhắc tới tự do hàng hải giảm từ 6 xuống 2. Nội dung về giải quyết tranh chấp lãnh thổ, tuân thủ luật quốc tế hay tôn trọng chủ quyền... không được đưa lên hàng đầu như năm 2019. Trụ cột an ninh khu vực chỉ đích danh điểm nóng Đài Loan và Bắc Triều Tiên nhưng không có Biển Đông. Chiến lược cũng không nhắc đến Phán quyết 2016, UNCLOS, dân binh biển hay chiến thuật “vùng xám”...

Tuy nhiên, các quan chức Mỹ vẫn nhắc đến Biển Đông trong các tuyên bố đơn, song và đa phương khác trong năm 2021. Mỹ cũng vừa ra Báo cáo “Các giới hạn trên biển” số 150 để phủ nhận yêu sách của Trung Quốc tại Biển Đông, đồng thời tiến hành FONOP và các tập trận tại Biển Đông đầu năm nay. Chiến lược mới cũng có phần mô tả “răn đe tích hợp” là nhằm chống lại các nỗ lực làm “thay đổi ranh giới trên biển và tổn hại quyền chủ quyền của các nước trên biển”. Do đó, ta không nên vì câu

chữ trong chiến lược mới mà đánh giá quan tâm của Chính quyền Biden đối với vấn đề Biển Đông đã giảm.

Phản hồi từ Trung Quốc

Sau khi Mỹ công bố chiến lược, Bộ Ngoại giao Trung Quốc đã tuyên bố rằng chiến lược cho thấy mâu thuẫn giữa lời nói và hành động của Mỹ: Mỹ kêu gọi “tự do và rộng mở” nhưng lại tập hợp các nhóm riêng rẽ như AUKUS và Quad; Mỹ muốn củng cố an ninh khu vực nhưng lại châm ngòi nguy cơ phổ biến hạt nhân... Phản ứng tiêu cực của Trung Quốc là lờ mờ trước được. Bộ Ngoại giao Trung Quốc cũng từng đề cập đến các lập luận tương tự trước đây.

Một số phản hồi từ các chuyên gia và truyền thông Trung Quốc cho rằng chiến lược mới mang tính khả thi thấp do: i) chiến lược thể hiện rõ “màu sắc” chống Trung nên sẽ không được khu vực đón nhận^[10]; ii) mục tiêu “thống trị” khu vực (primacy) mà chiến lược khẳng định sẽ mâu thuẫn với các bản chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của các chủ thể khác như Ấn Độ và ASEAN; iii) các quốc đảo Thái Bình Dương đã tham gia vào Sáng kiến Vành đai và Con đường, có lợi ích kinh tế sâu sắc với Trung Quốc nên sẽ không dễ “ngả” theo Mỹ dù chiến lược mới có nhấn mạnh các quốc đảo này^[11]; iv) sáng kiến cơ sở vật chất B3W gần đây gặp trở ngại trong nội bộ Mỹ, khó có thể thúc đẩy chiến lược như đã đề ra^[12].

Nhìn chung, chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương mới của Chính quyền Biden mang tính toàn diện hơn so với chiến lược của Chính quyền tiền nhiệm, đề ra nhiều sáng kiến mới để tăng cường hiện diện của Mỹ tại khu vực và thích ứng với bối cảnh - thách thức mới. Trong thời gian tới, Mỹ cần phải làm rõ nội hàm của một số khái niệm và trả lời những câu hỏi liên quan đến ASEAN nếu như Mỹ muốn khu vực đón nhận chiến lược như mong đợi.

[1]

<https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2022/02/U.S.-Indo-Pacific-Strategy.pdf>

[2]

<https://media.defense.gov/2019/Jul/01/2002152311/-1/-1/1/DEPARTMENT-OF-DEFENSE-INDO-PACIFIC-STRATEGY-REPORT-2019.PDF>

[3] Quad trong năm 2021 đã có những tiến triển về thể chế (nâng cấp lên hợp thượng đỉnh) và chương trình nghị sự (thúc đẩy được các hợp tác thực chất về phân phối vắc-xin COVID-19 và chuỗi cung ứng...

[4]

<https://www.whitehouse.gov/briefing-room/statements-releases/2021/10/27/read-out-of-president-bidens-participation-in-the-east-asia-summit/>

[5]

<https://www.defense.gov/Newsroom/Transcripts/Transcript/Article/2711025/secretary-of-defense-lloyd-j-austin-iii-participates-in-fullerton-lecture-series/>

[6]

<https://nationalinterest.org/blog/buzz/pentagons-integrated-deterrence-combines-nuclear-conventional-strategies-192554>

[7]

<https://www.defense.gov/Newsroom/Transcripts/Transcript/Article/2711025/secretary-of-defense-lloyd-j-austin-iii-participates-in-fullerton-lecture-series/>

[8]

<https://www.telegraph.co.uk/politics/2021/08/04/post-brexit-britain-deepens-ties-southeast-asia>

[9] Có thể, ý của Austin là muốn Anh tập trung hỗ trợ Mỹ ở Châu Âu.

[10] <https://www.globaltimes.cn/page/202202/1252077.shtml>

[11] <https://www.globaltimes.cn/page/202202/1252147.shtml>

[12]

<https://news.cgtn.com/news/2022-02-14/U-S-Indo-Pacific-Strategy-Alliances-infowars-and-trade-ties-17DMPJvamZy/index.html>

Đánh giá Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ

19/03/2023

Capture à partir de : [nghiencuuchienluoc](https://www.nghiencuuchienluoc.com)



Từ khi Mỹ công bố Tầm nhìn Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương vào năm 2017 và công bố Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương vào năm 2018, cũng như việc thực hiện hàng loạt chính sách quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao và công nghệ sau đó, chiến lược của Mỹ đã đưa ra tiến bộ đáng kể ở cấp độ nhận thức, chính sách và chiến lược.

Thứ nhất, Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương không chỉ nâng cao nhận thức của người Mỹ về tầm quan trọng của khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương mà còn thu hút sự chú ý và theo dõi chính sách từ các nước hoặc nhóm nước lớn khác đối với khu vực đó. Nhận thức của cộng đồng chiến lược Mỹ về tầm quan trọng của khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương đã tăng lên đáng kể, và các đảng Cộng hòa và Dân chủ đã đạt được sự đồng thuận cao. Điều này củng cố ý chí và quyết tâm của Mỹ trong việc thúc đẩy chiến lược và giúp duy trì sự ổn định và liên tục của nó. Ngoài ra, chiến lược này đã tập trung hiệu quả sự chú ý của cộng đồng quốc tế vào khu vực.

Mỹ không phải là quốc gia đầu tiên sử dụng khái niệm Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, cũng không phải là quốc gia đầu tiên tập trung vào khu vực ở cấp độ chính sách, nhưng việc thúc đẩy khái niệm Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương ở cấp độ

quốc tế và sự chú ý rộng rãi của cộng đồng quốc tế đối với khu vực có liên quan trực tiếp đến đề xuất cấp cao của Mỹ.

Với sự rõ ràng dần dần và tiến độ ổn định của Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, các quốc gia hoặc tổ chức khu vực đã đưa ra các chiến lược hoặc ý tưởng của riêng họ. Ngược lại, sự chú ý của các quốc gia ngoài Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương thậm chí còn lớn hơn và nổi bật hơn ở cấp độ chính sách. Pháp, Đức, Liên minh châu Âu và Canada đều đã đưa ra các chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của riêng họ. Kết quả là, khu vực này không chỉ là hướng chuyển trọng tâm chiến lược của Mỹ mà thậm chí còn trở thành trung tâm – nơi định hướng tư duy chiến lược lớn của thế giới. Sự chú ý của các quốc gia hoặc nhóm quốc gia trong và ngoài khu vực, ở một mức độ nhất định, đã phối hợp hoặc phản ứng với Mỹ khi nước này thực hiện Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

Thứ hai, cấu trúc chính sách tổng thể trong Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của Mỹ đã được hình thành và không ngừng được bổ sung và hoàn thiện. Điều này thể hiện chủ yếu ở chỗ chiến lược này có mục tiêu chiến lược rõ ràng và hệ thống chính sách tương đối cân bằng. Chính quyền cựu Tổng thống Donald Trump về cơ bản đã xây dựng một khung chính sách toàn chính phủ, toàn xã hội, toàn lĩnh vực cho nó. Chính quyền Tổng thống Joe Biden đã tiếp thu toàn bộ khuôn khổ chính sách này và cải thiện nó hơn nữa, đáng chú ý nhất là về các chính sách mang tính hệ thống và cân bằng.

Từ góc độ chính sách, trong khi duy trì đầu tư chiến lược và tham gia cấp cao vào các khía cạnh an ninh của khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, Mỹ đã chú ý nhiều hơn đến việc thiết kế và thực thi chính sách trong các lĩnh vực khác. Đặc biệt, họ đã đưa ra Khung kinh tế Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương vì sự thịnh vượng và xây dựng một nền tảng kinh tế để thúc đẩy chiến lược của mình.

Từ góc độ chủ đề, Mỹ không chỉ tăng cường tập trung vào các lĩnh vực an ninh truyền thống mà còn lồng ghép các chủ đề an ninh phi truyền thống vào Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, như biến đổi khí hậu, cứu trợ thiên tai và phòng chống dịch bệnh, nhằm ứng phó mối quan tâm của một số nước trong khu vực ở một mức độ nhất định.

Từ góc độ triết lý điều hành, chính quyền Joe Biden đã sửa đổi nguyên tắc “Nước Mỹ trên hết” của chính quyền cựu Tổng thống Donald Trump, khôi phục chủ nghĩa đa phương truyền thống, đồng thời sửa chữa và phát triển các liên minh và quan hệ đối tác – chẳng hạn như nâng cấp Đối thoại An ninh Tứ giác Mỹ-Nhật-Ấn-Australia và xây dựng quan hệ đối tác. Quan hệ đối tác an ninh ba bên AUKUS giữa Australia, Vương quốc Anh và Mỹ – để phục hồi sự thống trị của Mỹ trong các tổ chức quốc tế và nền tảng đa phương.

Thứ ba, Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của Mỹ đặt ra thách thức lớn hơn đối với Trung Quốc. Mỹ xác định Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chiến lược đặt ra thách thức toàn diện đối với nước này. Bộ Quốc phòng Mỹ gọi Trung Quốc là một thách thức về nhịp độ. Điều này có nghĩa là lợi ích tương đối đã trở thành mối quan tâm hàng đầu trong chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc, với kết quả là Mỹ ít có khả năng hợp tác hơn và có xu hướng trì hoãn và kiềm chế sự phát triển của Trung Quốc hơn.

Trong bối cảnh này, Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của Mỹ gây áp lực trực tiếp lên Trung Quốc bằng cách đạt được sự gần gũi về địa lý, và nó gây áp lực gián tiếp lên sự phát triển của Trung Quốc bằng cách định hình môi trường khu vực, với mục tiêu cuối cùng, rõ ràng là phục vụ đại chiến lược của nước này nhằm vượt qua Trung Quốc – tóm lại là để “chiến thắng”.

Không còn nghi ngờ gì nữa, Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương đã gây áp lực đáng kể lên chủ quyền và lợi ích an

ninh của Trung Quốc (vấn đề Đài Loan là biểu hiện tập trung và rõ ràng nhất), mang lại sự phức tạp và bất ổn hơn cho môi trường phát triển của Trung Quốc và buộc Trung Quốc phải tập trung nhiều năng lượng hơn và nguồn lực ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Điều này ở một mức độ nhất định sẽ làm giảm bớt áp lực cạnh tranh mà Mỹ phải đối mặt từ Trung Quốc ở cấp độ toàn cầu. Từ góc độ cạnh tranh chiến lược Trung Quốc-Mỹ, Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương ở một mức độ nào đó đóng vai trò là đối trọng với chiến lược và quá trình phát triển của Trung Quốc.

Có nhiều hạn chế đối với Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, đáng chú ý nhất là trong định vị của nó, vốn có những sai sót nghiêm trọng. Về bản chất, chiến lược này được thiết kế để duy trì sự thống trị của Mỹ dựa trên tiền đề rằng, Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chính của Mỹ. Tuy nhiên, Trung Quốc không có cái gọi là chiến lược bá quyền. Bắc Kinh đã nhiều lần nhấn mạnh rằng, Trung Quốc không mở rộng cũng như không tìm kiếm phạm vi ảnh hưởng, cũng như không tìm kiếm cái gọi là sự thống trị, và do đó, không có vấn đề gì trong việc cạnh tranh vị trí thống trị với Mỹ.

Trên thực tế, làm cho các quan hệ quốc tế ngày càng dân chủ, dựa trên luật pháp và hợp lý hơn là mong đợi chung của cộng đồng quốc tế hiện nay, đồng thời cũng là xu thế phát triển. Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, với tư cách là một chiến lược nhằm duy trì sự thống trị của Mỹ, theo đuổi tư duy có tổng bằng không và áp dụng chính sách quyền lực về chính trị khối, đối đầu, tách rời và quyền tài phán dài hạn. Điều này rõ ràng là trái với mong đợi của cộng đồng quốc tế và xu thế phát triển của thời đại.

Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương được cho là giải quyết các mối quan hệ quốc tế trong thế kỷ 21, nhưng nó sử dụng tư duy của thế kỷ 20 và do đó, chắc chắn sẽ gặp phải các vấn đề khi triển khai thực tế. Cụ thể hơn, chiến lược có những

mục tiêu chiến lược không phù hợp, một đối thủ cạnh tranh tưởng tượng và một cách làm việc không hiệu quả và sai lầm. Lỗ hổng thiết kế chiến lược này đã trở thành gót chân Achilles của nó.

Biên dịch: **Phương Thảo**

Về tác giả: **Chen Jimin** là Nhà nghiên cứu khách mời của Trung tâm Nghiên cứu Hòa bình và Phát triển (CPDS), Hiệp hội Liên lạc Hữu nghị Quốc tế Trung Quốc (CAIFC).

Ấn Độ-Thái Bình Dương, liên minh rộng lớn đối phó với Trung Quốc

Đăng ngày: 16/11/2020 - 15:29

Capture à partir de : [RFI](#)

Sự đối đầu Mỹ-Trung càng mạnh mẽ với sự tham gia của phe « không liên kết » trong đó có cả Pháp. Ấn Độ-Thái Bình Dương nay có dạng một liên minh « cỡ đại » XXL đối mặt với chủ nghĩa thực dân mới Trung Quốc. Trước liên minh ngày càng rộng lớn ấy, Bắc Kinh hoàn toàn cô độc.



Các phi cơ F18 trên hàng không mẫu hạm Mỹ USS Nimitz tham gia cuộc tập trận với Ấn Độ và Nhật Bản tại vịnh Bengale ngày 17/07/2017. © AP Photo/Rishi Lekhi

...

« Bộ Tứ » (Quad) đi vào thực chất và mở rộng

Le Monde dành hai trang địa chính trị cho chủ đề « *Ấn Độ-Thái Bình Dương, một liên minh XXL trước Trung Quốc* ». Bắc Kinh gây lo ngại với các yêu sách lãnh thổ, bộ máy chiến tranh trên biển, chủ nghĩa thực dân mới... Để đối phó, các nhân tố khu vực điều chỉnh lại chiến lược với Đối thoại an ninh trong bộ tứ Mỹ-Ấn-Úc-Nhật.

Trong thời kỳ đại dịch, vào lúc các cuộc họp qua video thay thế nhiều hội nghị thượng đỉnh trên thế giới, việc các ngoại trưởng Hoa Kỳ, Ấn Độ, Úc đích thân đến gặp đồng nhiệm Nhật Bản ở Tokyo ngày 06/10 cho thấy Bộ Tứ (Quad) rõ ràng nhằm gây ấn tượng. Sau cuộc họp này, dù không đầy một tuần nữa là đến bầu cử tổng thống, ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo vẫn làm một vòng công du châu Á. Trước hết là Ấn Độ, Sri Lanka, Maldives rồi đến Indonesia và Việt Nam, với câu thần chú : bảo vệ một « *Ấn Độ-Thái Bình Dương tự do và rộng mở* ».

Khái niệm « *Ấn Độ-Thái Bình Dương* » bắt đầu trở thành hiện thực từ cuối những năm 2010, là chủ đề của nhiều cuộc hội thảo, chủ thuyết, hội nghị thượng đỉnh, và dựa vào một loạt những cuộc tập trận. Đầu tháng 11, các chiến hạm và trực thăng của Hải quân Mỹ, Úc, Nhật, Ấn đã tập trận Malabar ở vịnh Bengale, đánh dấu sự quay lại của nước Úc. Từ 17 đến 20/11, hàng không mẫu hạm Nimitz Mỹ và Vikramaditya của Ấn cũng sẽ đồng hành với các chiến hạm Úc, Nhật tại Ấn Độ Dương.

Vượt ra ngoài những sáng kiến của Quad, khái niệm Ấn Độ-Thái Bình Dương nay còn bao gồm cả công nghệ, môi trường, nguồn lợi hải sản... và các quốc gia khác. Pháp, sở hữu vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) rộng lớn thứ nhì thế giới, liên kết với tư cách láng giềng, còn Đức vào đầu tháng Chín công bố nghiên cứu coi đây là « *chìa khóa của cơ cấu trật tự quốc tế thế kỷ 21* ».

Trong ASEAN, Việt Nam và Indonesia tất nhiên là ứng viên của liên minh không chính thức này. Còn đối với Hoa Kỳ, nếu Joe

Biden lên làm tổng thống cũng sẽ không thay đổi chiến lược : phe Dân Chủ đã nhiều lần thông qua các đạo luật chống lại Bắc Kinh trên mọi phương diện.

Tham vọng bá quyền Trung Quốc khiến các nước liên kết lại

Theo chuyên gia Valérie Niquet, sự lo sợ trước chiến lược thống trị toàn cầu của đảng Cộng Sản Trung Quốc siêu độc tài, dân tộc chủ nghĩa và hung hăng đã giúp nhiều nước liên kết lại với nhau. Quan điểm chung : tự do hàng hải và bác bỏ việc dùng vũ lực để thay đổi nguyên trạng.

Tại Biển Đông, Trung Quốc yêu sách phần lớn lãnh thổ dựa trên cái gọi là « quyền lịch sử », muốn đẩy Hoa Kỳ ra khỏi khu vực và đóng vai ông anh cả châu Á túi rủng rỉnh tiền. Tại Ấn Độ Dương, Trung Quốc dần lên bằng cách chiếm quyền kiểm soát các hải cảng, xây dựng cơ sở hạ tầng « Con đường tơ lụa ».

Bắc Kinh lợi dụng hoạt động chống hải tặc để hải quân vốn thiếu kinh nghiệm được thao dượt ở vịnh Aden : từ 2008 đến 2018 có đến 100 tàu chiến và 26.000 lính thủy tham gia, viện cớ bảo vệ lợi ích ở nước ngoài để mở căn cứ quân sự tại Djibouti. Hải quân Trung Quốc nay sở hữu đến 350 chiến hạm trong khi Mỹ chỉ có 300, khiến phương Tây hết sức lo ngại và quyết định siết chặt mạng lưới đồng minh ở Ấn Độ-Thái Bình Dương.

Sự đối đầu Mỹ-Trung càng mạnh mẽ với sự tham gia của phe « không liên kết » trong đó có Pháp. Ấn Độ-Thái Bình Dương nay có dạng một liên minh « cỡ đại » XXL đối mặt với thực dân mới Trung Quốc tại châu Á và châu Phi. Sáng kiến này được đẩy nhanh cùng với đại dịch corona. Bị chỉ trích là nguyên nhân gây ra thảm họa, Trung Quốc chuyển sang thế tiến công : liên tục tập trận gần Đài Loan, eo biển Miyako, tấn công quân Ấn ở Himalaya. Trận đánh đẫm máu ở Ladakh làm thay đổi hẳn thái độ của Ấn Độ, còn nước Úc sau một thập niên cũng đã nhận ra bộ mặt bành trướng của Bắc Kinh.

Trung Quốc cô độc

Về phía Mỹ, sau chủ trương xoay trục của Obama, dưới thời Donald Trump Ấn Độ-Thái Bình Dương chính thức trở thành « trục chính của chiến lược quốc gia Mỹ ». Bộ chỉ huy quân sự Thái Bình Dương (US-Pacom) được đổi tên thành US-Indopacom, nhiều tỉ đô la ngân sách được tăng cường cho khu vực này. Các chiến hạm Mỹ thực hiện khoảng 20 hoạt động bảo vệ tự do hàng hải, đi vào bên trong khu vực 12 hải lý của các đảo nhỏ bị Trung Quốc chiếm đóng ; Hải quân Mỹ 17 lần đi vào eo biển Đài Loan.

Theo chuyên gia Úc Rory Medcalf, do ý tưởng Ấn Độ-Thái Bình Dương cạnh tranh với « Con đường tơ lụa », Bắc Kinh nhẩy dựng lên tố cáo « chiến tranh lạnh », gọi cuộc tập trận Malabar và Quad tạo thành một « *NATO châu Á phục vụ cho tham vọng đế quốc của Mỹ* ». Ông Medcalf cũng ghi nhận rằng một sự phối hợp Nhật-Ấn-Úc-Indonesia sẽ đạt được tầm vóc kinh tế, dân số và quân sự đủ để làm đối trọng với Trung Quốc.

Trong mục tiêu ấy, Nhật Bản đưa ra nhiều sáng kiến với Úc, Ấn Độ và cả Việt Nam, Indonesia vì « *Nếu Biển Đông trở thành ao nhà của Trung Quốc, thì Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan sẽ không còn lối vào* » tuyến đường hàng hải này. Trước liên minh ngày càng rộng lớn ấy, Trung Quốc hoàn toàn cô độc.

Pháp muốn làm láng giềng với không gian Ấn Độ-Thái Bình Dương

Về phía nước Pháp có chủ trương « hội nhập » vào không gian Ấn Độ-Thái Bình Dương. Trước thách thức bá quyền từ Bắc Kinh, tổng thống Pháp Emmanuel Macron năm 2018 khi thăm Úc đã kêu gọi « *một trật tự địa chính trị thật sự mới mẻ* ».

Trong không gian này, Pháp đóng vai hàng xóm thay vì người ngoài, là điểm quan trọng để có thể đối thoại với các đối tác. Paris muốn có vị trí thăng bằng giữa Washington và Bắc Kinh,

không muốn trực tiếp tham gia Quad và nhấn mạnh chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương không chỉ đơn giản là về quân sự.

Sự phối hợp Pháp-Ấn-Úc trở nên dễ dàng với hai hợp đồng vũ khí lớn : Canberra cam kết hợp tác trong 50 năm, mua 12 tàu ngầm hiện đại của Pháp, tàu ngầm nguyên tử Pháp Emeraude đã thăm Úc, còn Ấn Độ mua 36 chiến đấu cơ Rafale.

Năm 2019 đánh dấu một bước ngoặt : hàng không mẫu hạm Pháp Charles de Gaulle tham gia cuộc tập trận Pháp-Ấn lớn nhất từ trước tới nay tại Ấn Độ Dương, trước khi tập trận chung lần đầu ở vịnh Bengale với khu trục hạm Izumo của Nhật và chiến hạm Úc, Mỹ. Một chiến hạm Pháp cũng đã đi qua Biển Đông, có ghé thăm thành phố Hồ Chí Minh. Thách thức lớn của Paris là thuyết phục cho được các nước châu Âu khác cùng tham gia hoạt động an ninh hàng hải.

...

Chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương của Mỹ tiến triển nhờ...Trung Quốc

Đăng ngày: 17/09/2020 - 13:24

Capture à partir de :[RFI](#)

Theo chuyên gia Derek Grossman (*) trên Nikkei Asia Review ngày 12/09/2020, chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương của chính quyền Donald Trump đã tăng tiến mạnh trong những tháng gần đây, nhằm đạt mục tiêu duy trì một khu vực tự do và rộng mở trước sự hung hăng của Trung Quốc. Thật là trớ trêu khi chính Trung Quốc đã thúc đẩy tiến trình này.



Người biểu tình ở Manila ngày 21/06/2019 dẫm lên cờ Trung Quốc để phản đối sự kiện một tàu Trung Quốc tấn công tàu Philippines. © AP Photo/Aaron Favila, File

Sự quyết đoán ngày càng tăng của Bắc Kinh trong vấn đề Hồng Kông, Đài Loan cũng như các bên tranh chấp ở Biển Hoa Đông và Biển Đông, rồi nay thậm chí còn gây hấn với Ấn Độ dọc theo dãy Himalaya, đã dẫn đến một sự đồng thuận tại Ấn Độ-Thái Bình Dương và xa hơn nữa, rằng việc giương oai diễu võ của Trung Quốc là một hành động không được hoan nghênh trong khu vực.

Nhiều quốc gia liên quan đã tăng cường sâu sắc quan hệ an ninh với nhau và với Hoa Kỳ, nhằm giảm thiểu mối đe dọa. Nếu Bắc Kinh tiếp tục tỏ ra hiếu chiến, sẽ có thêm những nước khác có thể đi theo, khiến Trung Quốc càng bị cô lập hơn.

Tạm lấy ví dụ Đối thoại An ninh Tứ giác, hay còn gọi là Bộ Tứ (Quad) gồm Úc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hoa Kỳ. Bốn quốc gia này đã nhiều lần khẳng định tầm quan trọng của việc duy trì trật tự và các chuẩn mực hành vi quốc tế trên cơ sở luật lệ. Sự hợp tác an ninh của Bộ Tứ ngày càng sâu hơn.

Hôm 01/07/2020, bộ Quốc Phòng Úc đưa ra chiến lược cập nhật và kế hoạch bố trí lực lượng nhằm đối phó với Trung Quốc. Vài ngày sau đó, Trung Quốc và Ấn Độ đồng ý kết thúc việc đối đầu quân sự dọc theo vùng biên giới tranh chấp,

nhưng hậu quả thì đã rõ. Giờ đây ngay cả những người ủng hộ Trung Quốc nhiệt thành nhất tại Ấn Độ cũng trở nên cứng rắn hơn.

Rồi đến ngày 14/07, Tokyo công bố Sách Trắng quốc phòng thường niên, tố cáo các mưu toan đơn phương không ngừng nghỉ của Trung Quốc nhằm « *thay đổi nguyên trạng bằng cách cưỡng bức ở vùng biển xung quanh quần đảo Senkaku* ».

Thái độ hung hăng của Trung Quốc cũng có nghĩa là Washington đang có quan hệ khá tốt ở Đông Nam Á – vùng cạnh tranh ảnh hưởng chủ yếu.

Việt Nam là một đối tác an ninh đang lên của Mỹ, và là chủ tịch luân phiên ASEAN năm nay. Tại hội nghị các ngoại trưởng ASEAN hôm 09/09, ngoại trưởng Việt Nam Phạm Bình Minh khẳng định : « *Chúng tôi hoan nghênh những đóng góp nhanh nhạy, mang tính xây dựng của Hoa Kỳ trước nỗ lực của ASEAN nhằm duy trì hòa bình, ổn định và phát triển tại Biển Đông* ».

Tuyên bố này được đưa ra sau khi Việt Nam cập nhật chính sách quốc phòng « Ba Không » tháng 11 năm ngoái, nêu rõ Hà Nội sẽ không bao giờ khơi mào chiến tranh, nhưng nếu bị gây chiến, Việt Nam có thể tăng cường quan hệ với các đối tác của mình – có thể hiểu là Mỹ. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang củng cố quan hệ an ninh với một loạt các quốc gia khác, trong đó có Úc, Nhật Bản, Ấn Độ.

Còn tại những nước khác trong khu vực, Malaysia đã đệ trình lên Liên Hiệp Quốc công hàm ngày 29/07, bác bỏ « toàn bộ » những yêu sách lâu nay của Trung Quốc về chủ quyền Biển Đông.

Trước đó ngày 02/06, tổng thống thân Trung Quốc và chống Mỹ của Philippines, Rodrigo Duterte, đã hoãn lại quyết định về việc có chấm dứt thỏa ước VFA (Visiting Forces Agreement) hay không, chủ yếu do Bắc Kinh tiếp tục tỏ ra hiếu chiến trên Biển Đông. Thỏa thuận này cho phép Mỹ đưa quân đến và tập trận

tại Philippines để đối phó với những tình huống bất ngờ từ phía Trung Quốc.

Indonesia hôm 22/07 đã tổ chức một cuộc tập trận lớn trong khu vực, rõ ràng nhằm ngăn chặn việc Trung Quốc xâm nhập vùng đặc quyền kinh tế của nước này.

Ngay cả Brunei, vốn lặng lẽ nhất trong các bên yếu sách, ngày 20/07, đã gây ngạc nhiên khi nhấn mạnh đến sự cần thiết phải tuân thủ các quy định của UNCLOS (Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển) để giải quyết tranh chấp.

Đài Loan cũng cam kết duy trì một Ấn Độ-Thái Bình Dương tự do và rộng mở. Hòn đảo này phải đối mặt với áp lực không ngừng tăng lên của Trung Quốc trên mọi mặt, và như vậy Bắc Kinh đã góp phần vào những tiến triển gần đây trong quan hệ giữa Mỹ và Đài Loan. Cách hành xử tồi tệ của Bắc Kinh cũng đã thúc đẩy các quốc gia bên ngoài khu vực ủng hộ chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương của Mỹ. Đáng chú ý nhất là Anh và Pháp trong năm 2018 đã tham gia các hoạt động tuần tra vì tự do hàng hải, hiện diện trên Biển Đông để thách thức các yêu sách của Trung Quốc. Hôm 17/06, Anh, Pháp cùng với các nước khác trong nhóm G7, đã bày tỏ quan ngại sâu sắc về luật an ninh quốc gia mới của Bắc Kinh áp đặt lên Hồng Kông.

Tất nhiên không phải tất cả các nước trong khu vực đều cảm thấy thoải mái khi ủng hộ chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương, và Washington không nên chờ đợi nhiều từ Cam Bốt, Lào, Miến Điện ; hoặc đáng ngại hơn là Thái Lan, nước vẫn là đồng minh của Mỹ. Cảnh báo của thủ tướng Singapore Lý Hiển Long hôm 29/07 rằng Hoa Kỳ nên ngưng « coi Trung Quốc là kẻ thù », cũng khiến Washington tạm lơ tay. Singapore trên thực tế là đồng minh về an ninh, vốn là cầu nối giữa Mỹ và Trung Quốc, là trái tim của khu vực.

Và việc nhiều nước ủng hộ mục tiêu của Hoa Kỳ, không nhất thiết có nghĩa là họ đã chọn lựa Washington thay vì Bắc Kinh.

Hầu hết, nếu không phải là tất cả các quốc gia Đông Nam Á đều muốn giữ thế trung lập, để tránh đối kháng với bên này hoặc bên kia.

Nhưng điều đó cũng đồng nghĩa với việc các quốc gia Ấn Độ-Thái Bình Dương ngày càng lo lắng trước những hành vi của Trung Quốc, và nếu khuynh hướng này tiếp tục duy trì, Bắc Kinh có thể xa rời họ hoặc các nước khác nữa. Rất có thể những quốc gia này sẽ ủng hộ tích cực hơn các mục tiêu của Mỹ.

Thế nên không phải là ngẫu nhiên khi bộ trưởng Quốc Phòng Trung Quốc Ngụy Phượng Hòa (Wei Fenghe) tuần trước đã bắt đầu đi thăm Malaysia, Indonesia, Brunei và Philippines để vận động.

Nếu quan hệ không được thúc đẩy trở lại, Bắc Kinh có thể sẽ phải dựa vào những người bạn ít ỏi tại khu vực Ấn Độ-Thái Bình Dương như Bắc Triều Tiên, Pakistan, Cam Bốt, Nga. Đó sẽ là một thảm họa.

() Chuyên gia Derek Grossman từng là cố vấn Lầu Năm Góc, hiện là nhà phân tích của tổ chức phi lợi nhuận RAND Corporation.*

Việt Nam nằm đâu trong Chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương Mỹ mới công bố?

Phân tích của Trần Tái Phùng

2022.02.16

Capture à partir de :[RFA](#)



Ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken phát biểu về Chiến lược Ấn Độ Thái Bình Dương của Mỹ ở Jakarta hôm 14/12/2021. AP

Ngày 12/2/2022, Nhà Trắng đã ban hành Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPS) của Hoa Kỳ (1). Đây là Báo cáo đầu tiên được ban hành liên quan đến chiến lược của Mỹ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương kể từ khi Tổng thống Joe Biden nhậm chức vào tháng 1 năm ngoái.

Thời điểm ban hành

Bản chiến lược này đã được công bố trong một thời điểm khá đặc biệt:

Thứ nhất, Chiến lược này được Mỹ công bố ngay giữa lúc Ngoại trưởng Antony Blinken đang có mặt tại khu vực Thái Bình Dương để gặp gỡ các nhà ngoại giao của Nhật Bản, Hàn Quốc, các quốc đảo Thái Bình Dương và một số chính phủ khác nhằm thu hút sự chú ý của dư luận quốc tế khi mà Thế vận hội Mùa Đông đang diễn ra tại Bắc Kinh đang diễn ra.

Thứ hai, việc tuyên bố Chiến lược này diễn ra sau khi Trung Quốc và Nga tuyên bố vào ngày 4/2 về quan hệ đối tác chiến lược "không có giới hạn", tuyên bố chi tiết và quyết đoán nhất

của họ để cùng nhau hợp tác - và chống lại Hoa Kỳ - để xây dựng một trật tự quốc tế mới dựa trên cách hiểu của riêng họ về nhân quyền và dân chủ [\(2\)](#).

Thứ ba, việc tuyên bố Chiến lược cũng diễn ra vào thời điểm cuộc khủng hoảng Ukraina đang lên lúc cao trào, Mỹ và phương Tây lo ngại rằng Nga sẽ tấn công Ukraina, còn nhiều quốc gia khác thì lo ngại trước các cam kết của Mỹ có đủ mạnh mẽ cũng như sức mạnh của Mỹ và đồng minh, sau khi Mỹ đã bỏ rơi Afghanistan và bây giờ là Ukraina.

Mặc dù trong phát biểu của một quan chức cấp cao trong chính quyền Biden (giấu tên), khẳng định: “Tôi muốn dành một phút để nói về lý do tại sao chúng tôi phát hành chiến lược này và chiến lược này khác biệt như thế nào so với những chiến lược khác trong quá khứ.

Trong một thời gian, các nhà lãnh đạo của cả hai đảng chính trị, và chắc chắn ở Đồi Capitol, đã nhận ra tầm quan trọng ngày càng tăng của Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Chiến lược này là một phần của truyền thống đó và được xây dựng dựa trên công việc của các chính quyền trước đây và theo tôi, sự đồng thuận rộng rãi hơn đã xuất hiện về tầm quan trọng của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.” [\(3\)](#)

Quan chức chính quyền cấp cao này cũng nói với các phóng viên rằng các chuyến đi của Ngoại trưởng Antony Blinken tới Úc, Fiji và Hawaii trong tuần này cho thấy Hoa Kỳ nhận ra tầm quan trọng của "sự gắn bó lâu dài" với khu vực - ngay cả khi nước này phải đối mặt với cuộc khủng hoảng trầm trọng hơn, đó là Nga có thể xâm lược Ukraine.

Quan chức này nhấn mạnh: “Hoa Kỳ không có đủ điều kiện nên chỉ tập trung vào một khu vực hoặc một vấn đề tại một thời điểm. Những lời đe dọa xâm lược Ukraine của Nga - và sự phụ thuộc liên tục của châu Âu vào Mỹ với tư cách là người bảo đảm an ninh - đã làm gián đoạn nỗ lực của chính quyền Biden

nhằm tập trung nhiều hơn sự chú ý và nguồn lực vào Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.” (4)

Như vậy, với việc ban hành IPS sau ba sự kiện trên, cho thấy Mỹ dường như muốn trấn an và khẳng định với các đồng minh và đối tác rằng, Mỹ sẽ tập trung vào khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, chứ không phân tâm bởi các sự kiện khác, và Trung Quốc sẽ là đối thủ chủ chốt của Mỹ trên thế giới.



Tàu chiến USS Decatur của Hải quân Mỹ đi qua Biển Đông hôm 13/10/2016. Reuters

Các nội dung chính của IPS

IPS bắt đầu với trích dẫn bài phát biểu của Tổng thống Mỹ Joe Biden tại Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) năm 2021: “Chúng tôi hình dung một khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương rộng mở, kết nối, thịnh vượng, có khả năng phục hồi và an toàn - và chúng tôi sẵn sàng làm việc với các bạn để đạt được mục tiêu này”. Trong khi lưu ý những thách thức từ cạnh tranh với Trung Quốc cho đến các vấn đề biến đổi khí hậu, đại dịch COVID-19, chiến lược này cũng nhấn mạnh đến kế hoạch mở rộng can dự và thúc đẩy các liên kết sáng tạo với các quốc gia trong khu vực: “Trọng tâm của nó là sự hợp tác bền vững và sáng tạo với các đồng minh, đối tác và các thể chế trong khu vực và xa hơn nữa”.

IPS gồm năm nội dung quan trọng:

Đầu tiên, IPS làm rõ những gì được mong đợi từ các quốc gia khác: “một Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do và rộng mở yêu cầu các chính phủ có thể đưa ra lựa chọn của riêng họ và các lĩnh vực chung phải được quản lý một cách hợp pháp”. Nó nhấn mạnh tính minh bạch về tài khóa; đảm bảo luật pháp quốc tế trong việc quản lý bầu trời và biển cả; và thúc đẩy các phương pháp tiếp cận chung đối với các công nghệ quan trọng và mới nổi, internet và không gian mạng.

Thứ hai, IPS tuyên bố rằng các mục tiêu chỉ có thể đạt được bằng cách xây dựng năng lực tập thể trong một thời đại mới và vì điều này, nó nhấn mạnh đến sự cần thiết phải làm sâu sắc hơn với năm liên minh hiệp ước khu vực gồm Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines và Thái Lan; và tăng cường quan hệ với các đối tác hàng đầu trong khu vực, bao gồm Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Mông Cổ, New Zealand, Singapore, Đài Loan, Việt Nam và các quốc đảo Thái Bình Dương. Ngoài ra, chiến lược cũng chỉ ra quyết tâm trao quyền cho ASEAN thống nhất, củng cố Nhóm “Bộ tứ” để thực hiện các cam kết của mình và tiếp tục ủng hộ sự trỗi dậy và vai trò lãnh đạo của Ấn Độ.

Thứ ba, liên kết sự thịnh vượng của Mỹ với khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, nó nhấn mạnh nhu cầu về các chuỗi cung ứng linh hoạt, an toàn, đa dạng, cởi mở và có thể dự báo cũng như xây dựng cơ sở hạ tầng thông qua sáng kiến “Xây dựng thế giới tốt đẹp hơn” với các đối tác trong Nhóm các nước có nền kinh tế phát triển nhất thế giới (G7).

Thứ tư, để củng cố an ninh của Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, IPS nhấn mạnh sự cần thiết phải sử dụng tất cả các công cụ quyền lực để ngăn chặn sự xâm lược và chống lại sự ép buộc. Điều này bao gồm tăng cường hợp tác và thúc đẩy khả năng tương tác với các đồng minh và đối tác, duy trì hòa bình và ổn định ở eo biển Đài Loan, tăng cường khả năng răn đe và phối hợp mở rộng với Hàn Quốc và Nhật Bản, theo đuổi

phi hạt nhân hóa hoàn toàn trên Bán đảo Triều Tiên và tiếp tục thực hiện cam kết của AUKUS.

Thứ năm, IPS nhấn mạnh việc xây dựng khả năng phục hồi của khu vực để đối phó với thiên tai, khan hiếm nguồn tài nguyên, xung đột nội bộ và các thách thức về quản trị.

Về bản chất, có hai khía cạnh đáng chú ý:

Một là, IPS nhấn mạnh đến việc xây dựng các liên minh và tăng cường quan hệ đối tác để củng cố các nỗ lực của Mỹ trong việc tăng cường hợp tác an ninh nhằm đối phó với những thách thức ngày càng tăng ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.

Hai là, mục tiêu chính của chiến lược không phải là thay đổi chính thể của Trung Quốc mà là định hình môi trường mà nó hoạt động. Chiến lược tìm kiếm sự hợp tác với các quốc gia trong khu vực, chứ không phải bắt buộc lựa chọn giữa Mỹ và Trung Quốc. Điều này có thể khiến các quốc gia nhỏ hơn miễn cưỡng đứng về phía nào trong cuộc xung đột Mỹ-Trung. Mỹ mong muốn duy trì sự cân bằng chiến lược trong khu vực nhằm chống lại các nỗ lực bá quyền của bất kỳ quốc gia nào và quản lý các cuộc tranh giành chiến lược một cách có trách nhiệm. Điều quan trọng, IPS nhấn mạnh “đối tác và đồng minh” hơn là “Trung Quốc và nền dân chủ”. IPS cũng nhắc lại cam kết thúc đẩy pháp quyền trong khu vực.

Giống như khuôn khổ Ấn Độ - Thái Bình Dương thời Trump, chiến lược của Biden nhấn mạnh mẽ đến việc hợp tác cùng với các đồng minh và đối tác của Hoa Kỳ trong khu vực, đặc biệt là Bộ tứ - bao gồm Hoa Kỳ, Ấn Độ, Nhật Bản và Úc. "Những nỗ lực tập thể của chúng tôi trong thập kỷ tới sẽ quyết định liệu CHND Trung Hoa có thành công trong việc chuyển đổi các quy tắc và chuẩn mực mang lại lợi ích cho Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và thế giới hay không?"

Việt Nam cần làm gì?

Đây là thời điểm để Việt Nam có thể thể hiện một vai trò tích cực hơn trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Một số lo lắng của Việt Nam đã được IPS đưa ra quan điểm rõ ràng. Thứ nhất, Việt Nam e ngại việc buộc phải chọn bên giữa Mỹ và Trung Quốc thì quan điểm của Mỹ thể hiện rõ trong IPS là không buộc các quốc gia phải chọn bên. Thứ hai, Việt Nam cũng chọn chiến lược “Bốn không” để tránh bị vướng vào các căng thẳng khi có các liên minh quân sự. Nhưng Nhà Trắng đã cho thấy IPS không chỉ là các liên minh quân sự mà còn là sự thúc đẩy phát triển thịnh vượng chung giữa các quốc gia ở đây. IPS nhắc lại việc Hoa Kỳ có kế hoạch khởi động Khung kinh tế Ấn Độ - Thái Bình Dương vào đầu năm 2022, một sáng kiến mà chính quyền Biden hy vọng ít nhất sẽ lấp đầy một phần khoảng cách lớn trong cam kết với khu vực kể từ khi cựu Tổng thống Donald Trump từ bỏ khuôn khổ thương mại đa phương vào năm 2017.

Chính phủ Hoa Kỳ cho biết trong IPS rằng họ sẽ mở rộng sự hiện diện và hợp tác của Lực lượng Cảnh sát biển ở Đông Nam và Nam Á, cũng như tại các quần đảo Thái Bình Dương, và tập trung vào “tư vấn, đào tạo, triển khai và xây dựng năng lực” cho các lực lượng này. Đây cũng là cơ hội cho Việt Nam có thể hiện đại hoá và nâng cao năng lực của Lực lượng Cảnh sát biển của mình, nhằm chống lại các đe dọa từ chiến thuật “vùng xám” của Trung Quốc.

Chính vì vậy, đây chính là cơ hội để Việt Nam thay đổi và bứt phá nếu biết tận dụng các thời cơ mang lại từ IPS này.

Tham khảo:

1.

<https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2022/02/U.S.-Indo-Pacific-Strategy.pdf>

2. <http://en.kremlin.ru/supplement/5770>

3.

<https://www.whitehouse.gov/briefing-room/statements-releases/2022/02/11/back>

[ground-press-call-by-senior-administration-officials-previewing-the-u-s-s-indo-pacific-strategy/](https://www.whitehouse.gov/briefing-room/statements-releases/2022/02/11/background-press-call-by-senior-administration-officials-previewing-the-u-s-s-indo-pacific-strategy/)

4.

<https://www.whitehouse.gov/briefing-room/statements-releases/2022/02/11/background-press-call-by-senior-administration-officials-previewing-the-u-s-s-indo-pacific-strategy/>

Việt Nam trong Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Mở và Tự do

2023.04.14

Capture à partir de : [RFA](#)



Ngoại trưởng Hoa Kỳ Antony Blinken lên máy bay rời Hà Nội hôm 16/4/2023. AFP

Nhật Bản được coi là người tạo ra khái niệm chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” hiện do Hoa Kỳ và các đồng minh lớn dẫn đầu. Theo [Reuters](#), khi đến thăm Ấn Độ vào ngày 20 tháng 3 năm 2023, như một sáng kiến chuẩn bị cho Hội nghị thượng đỉnh G-7, Thủ tướng Nhật Bản Fumio Kishida đã công bố một kế hoạch mới cho một Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Mở và Tự do. Nhân dịp Ngoại trưởng Hoa Kỳ Antony Blinken đến thăm Việt Nam từ ngày 14 đến 16 tháng 4, 2023, trước khi đến Nhật Bản dự Hội nghị Thượng đỉnh Ngoại trưởng G-7 ngày

16 đến 18/4/2023, RFA phỏng vấn Giáo sư Carlyle Thayer ở Đại học New South Wales, Australia, về vị trí của Việt Nam trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Mở và Tự do.

RFA. Ngoại trưởng Hoa Kỳ Antony Blinken thăm Việt Nam từ ngày 14-16/4, trước khi dự Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao Nhóm G7 tổ chức tại Nhật Bản từ ngày 16-18/4/2023. Liệu có mối liên hệ nào giữa hai sự kiện này ?

Carlyle A. Thayer: Nếu “chiến lược” được định nghĩa là mục đích, cách thức và ý nghĩa, thì các chuyến đi của Bộ trưởng Blinken tới Nhật Bản và Việt Nam là phương tiện để đạt được mục tiêu chiến lược trong các chiến lược An ninh Quốc gia và chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Chính quyền Biden. Hoa Kỳ đang cố gắng huy động và duy trì một liên minh quốc tế để phản đối cuộc chiến của Nga ở Ukraine và ngăn chặn Trung Quốc sử dụng vũ lực chống lại Đài Loan và đe dọa các quốc gia ven Biển Đông.

RFA. Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Mở và Tự do đặt ra hai vấn đề liên quan đến lợi ích quốc gia của Việt Nam: vấn đề Tự do và Mở trên các vùng biển, trong đó có Biển Đông, và chương trình “Đối tác Mekong - Hoa Kỳ”. Xin cho biết lập trường của G-7 về hai vấn đề này tại Hội nghị thượng đỉnh G-7 ở Nhật Bản năm 2023? Vị trí của Việt Nam trong chiến lược này là gì?

Carlyle A. Thayer: Tất cả các thành viên của Nhóm 7 hoặc đã ban hành tài liệu về chính sách chiến lược quốc gia về khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, hoặc thuộc về một thực thể đa phương đã phê chuẩn chính sách chiến lược về Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, chẳng hạn như QUAD, Liên minh châu Âu và NATO .

Nhật Bản, Canada và Mỹ cũng như các nước châu Âu nhận thức sâu sắc rằng an ninh tương lai của họ phụ thuộc sống còn vào hòa bình ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương vì sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế của họ với khu vực.

Họ có chung quan điểm rằng Trung Quốc là thách thức lớn đối với trật tự dựa trên luật lệ hiện nay, ngay cả khi cuộc chiến ở Ukraine vẫn tiếp diễn.

Tất cả các thành viên của G-7 đều chia sẻ mối quan tâm về một quan hệ đối tác Nga-Trung “không có giới hạn”. Đó là lý do tại sao tất cả họ đều ủng hộ một Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Mở và Tự do. Ngoại trừ Ý, tất cả các thành viên khác của G-7 đều triển khai tàu chiến đến Biển Đông trong những năm gần đây.

Bởi vì G-7 là các nước công nghiệp tiên tiến, họ sẽ xem xét cách tốt nhất để sử dụng sức mạnh kinh tế của mình nhằm củng cố khả năng phục hồi của khu vực trước thách thức của các vấn đề phi truyền thống, ảnh hưởng đến an ninh lương thực và con người.

Chính trong bối cảnh này, việc hỗ trợ phát triển bền vững ở Tiểu vùng sông Mekong trở nên quan trọng. Hỗ trợ cho các quốc gia ven sông Mekong cung cấp các giải pháp thay thế cho việc phụ thuộc vào Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc. Phát triển bền vững của Tiểu vùng sông Mekong có ý nghĩa sống còn đối với nền kinh tế của Việt Nam, Thái Lan, Campuchia và Lào.

Việt Nam luôn ủng hộ sự hiện diện của cái gọi là các quốc gia “ngoài khu vực” với tư cách là đối tác chiến lược hoặc toàn diện. Điều này bao gồm hỗ trợ cho một khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Mở và Tự do, cũng như sự phát triển bền vững của tiểu vùng Mekong.



Giáo sư Carlyle Thayer, Đại học New South Wales, Australia. (Ảnh: Đại học New South Wales.)

RFA Trong chuyến thăm Ấn Độ vào ngày 20 tháng 3, Thủ tướng Nhật Bản Kishida Fumio nói muốn cải thiện [năng lực giám sát và cảnh báo hàng hải](#) của ASEAN. Tại sao vấn đề này lại quan trọng?

Carlyle A. Thayer: ASEAN với tư cách là một nhóm đại diện cho một trong những động lực tăng trưởng chính ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. ASEAN đại diện cho một thị trường có 634 triệu dân với tổng GDP là 33,5 nghìn tỷ USD, ASEAN đã thông qua một tài liệu chính sách, “Tầm nhìn ASEAN về Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương (AOIP),” trong đó nhấn mạnh vai trò trung tâm của khối trong các vấn đề khu vực, bao gồm cả cấu trúc an ninh của khu vực. AOIP cũng nhấn mạnh rằng ASEAN sẽ không đứng về phía nào trong cuộc cạnh tranh giữa các cường quốc.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc tác động đến an ninh ở Đông Nam Á, nhất là ở Biển Đông. Chính sách của Nhật Bản hỗ trợ năng lực cảnh báo và giám sát hàng hải của ASEAN phù hợp với chính sách của Ấn Độ, Hoa Kỳ và Úc được gọi chung là QUAD. Sự hỗ trợ này rất quan trọng trong việc xây dựng năng lực phát hiện và ngăn chặn các hoạt động đánh cá, khai thác và khảo sát của Trung Quốc trong Vùng đặc quyền kinh tế của các quốc gia ven biển.

RFA. Theo ông, việc Việt Nam chấp nhận nâng cấp quan hệ với Hoa Kỳ lên tầm đối tác chiến lược có khả thi trong năm nay?

Carlyle A. Thayer: Có. Tổng thống Joe Biden và Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhất trí trong cuộc điện đàm vào cuối tháng 3 về “tầm quan trọng của việc củng cố và mở rộng quan hệ song phương”. Ngoại trưởng Anthony Blinken hiện đang ở Hà Nội để thảo luận về thể thức cho các chuyến thăm trao đổi của Tổng thống Biden và Tổng bí thư Trọng lần lượt vào tháng 5 và tháng 7, theo các báo cáo chưa được xác nhận.

Hai nhà lãnh đạo cũng đã nhất trí chỉ định “các cơ quan hữu quan của hai bên để thảo luận chi tiết nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ hai nước”.

Đàm phán về quan hệ đối tác chiến lược là khả thi trong năm nay vì hai lý do. Thứ nhất, Tổng Bí thư Trọng đã đặt nền móng bằng chuyến thăm Trung Quốc vào tháng 10-11 năm 2022 để gặp Tổng Bí thư Tập Cận Bình. Thứ hai, năm tới sẽ đánh dấu thời điểm bắt đầu vận động cho cuộc bầu cử năm 2024 ở Mỹ. Khi các chuyến thăm cấp cao diễn ra, sẽ có nhiều thời gian để hai bên đi đến thống nhất về nội dung của quan hệ Đối tác chiến lược.

RFA. Tại sao năm 1991, Việt Nam nhanh chóng đề nghị bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc trong khi Trung Quốc vừa tấn công chiếm đảo Gạc Ma thuộc Trường Sa năm 1988 giết chết 64 bộ đội Việt Nam, nhưng Việt Nam lại chậm trễ đáp ứng đề nghị của Mỹ nâng cấp quan hệ Việt - Mỹ? Mỹ đề nghị nâng cấp quan hệ

với Việt Nam từ năm 2011, đến nay đã 12 năm, nhưng vì sao Việt Nam từ chối?

Carlyle A. Thayer: Tháng 10 năm 1991, cộng đồng quốc tế đã đạt được một giải pháp chính trị toàn diện cho cuộc xung đột ở Campuchia. Đây là điều kiện tiên quyết để bình thường hóa quan hệ Trung-Việt. Vào thời điểm đó, Việt Nam đang bị Hoa Kỳ cấm vận, và trong các tài liệu nội bộ của đảng, được coi là “kẻ thù nguy hiểm và trực tiếp nhất của Việt Nam.” Việt Nam lo ngại trước sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, sự sụp đổ của Bức tường Berlin và sự bất ổn chính trị ở Liên Xô.

Việt Nam đã tìm cách tạo ra một liên minh gồm các quốc gia xã hội chủ nghĩa bao gồm cả Trung Quốc. Nhưng Trung Quốc không muốn xa lánh Hoa Kỳ vì họ cần sự hỗ trợ của Hoa Kỳ để chống lại Liên Xô. Người ta nói rằng Trung Quốc đã từ chối sáng kiến của Việt Nam bằng lời tuyên bố hai bên là “đồng chí, không đồng minh”.

Hoa Kỳ và Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ vào tháng 7 năm 1995 sau khi giải quyết những bất đồng của họ về việc giải trình đầy đủ đối với những người mất tích và tù binh Hoa Kỳ cũng như những đóng góp của Hoa Kỳ trong việc “hàn gắn vết thương chiến tranh” (bom đạn chưa nổ còn sót lại và chất độc da cam điôxin).

Ngoại trưởng Hillary Clinton thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược nhưng cuối cùng cả hai bên đều đồng ý rằng thời điểm chưa chín muồi. Đây là trường hợp “đồng sàng dị mộng”. Hà Nội và Washington đều có những ý kiến khác nhau về “quan hệ đối tác chiến lược”. Hoa Kỳ nhấn mạnh đến khía cạnh quân sự, trong khi Việt Nam nhìn nhận quan hệ đối tác trên các khía cạnh toàn diện hơn (kinh tế, chính trị, giáo dục, khoa học và công nghệ, v.v.). Năm 2013, Việt Nam và Hoa Kỳ đã thiết lập quan hệ đối tác toàn diện.

RFA. Vậy trong tương lai, Việt Nam sẽ ưu tiên những lĩnh vực nào trong quan hệ với Hoa Kỳ?

Carlyle A. Thayer: Theo truyền thống Việt Nam, Tổng Bí thư Trọng đã kêu gọi quan hệ kinh tế và khoa học công nghệ là “động lực” trong quan hệ song phương. Dưới sự bảo trợ của quan hệ kinh tế, ông Trọng ưu tiên thương mại cân bằng và phát triển bền vững, chuỗi cung ứng và hậu cần mới, chống biến đổi khí hậu và chuyển đổi xanh, tặng học bổng cho người Việt Nam du học tại Hoa Kỳ, chăm sóc sức khỏe, đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, các vấn đề di sản chiến tranh, hỗ trợ với hoạt động gìn giữ hòa bình, quốc phòng và an ninh của Liên hợp quốc, trao đổi thông tin và phòng chống tội phạm.

RFA. Nếu quan hệ Việt - Mỹ được nâng cấp trong năm nay, Mỹ sẽ được lợi gì? Việt Nam nhận được lợi ích gì?

Carlyle A. Thayer: Hoa Kỳ sẽ ưu tiên cho vấn đề thương mại cân bằng hơn, mở những cơ hội lớn hơn cho các doanh nghiệp Hoa Kỳ đầu tư và hoạt động tại Việt Nam, ưu tiên cho sự tham gia của Việt Nam vào Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, cũng như xây dựng một chuỗi cung ứng linh hoạt và an toàn.

Ngoài ra, Hoa Kỳ sẽ được hưởng lợi từ sự hợp tác chính trị-ngoại giao chặt chẽ hơn với Việt Nam trong các thể chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và các hiệp hội liên quan đến ASEAN.

Bên cạnh đó, Hoa Kỳ sẽ được hưởng lợi gián tiếp bằng cách hỗ trợ Việt Nam xây dựng năng lực để giải quyết các vấn đề an ninh hàng hải ở Biển Đông nhằm củng cố một Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Mở và Tự do.

Việt Nam nhắm tới những lợi ích trên diện rộng, từ sự hỗ trợ của Hoa Kỳ trong việc tiếp cận nhiều hơn vào thị trường Hoa Kỳ; những hỗ trợ trong việc phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hợp tác giáo dục; môi trường (chống biến đổi khí hậu và chuyển đổi xanh), và vấn đề y tế cũng như việc trao đổi thông tin; và giải quyết các di sản chiến tranh.

RFA xin cảm ơn Giáo sư Carlyle A. Thayer đã dành cho độc giả của chúng tôi cuộc phỏng vấn này.

Pháp - Đức - Nhật ủng hộ vùng Ấn Độ-Thái Bình Dương "tự do và mở"

Đăng ngày: 02/10/2020 - 12:26

Capture à partir de :[RFI](#)

Ngoại trưởng Nhật Bản Motegi Toshimitsu công du châu Âu và đã hội đàm với đồng nhiệm Pháp Jean-Yves Le Drian ngày 01/10/2020. Biển Đông và biển Hoa Đông nằm trong số các chủ đề thảo luận trong bối cảnh Pháp, Đức và Anh (nhóm E3) đã gửi công hàm chung lên Liên Hiệp Quốc ngày 16/09 phản bác những yêu sách phi lý của Trung Quốc tại Biển Đông.



Tuần duyên Nhật Bản đối mặt với tàu Hải Cảnh Trung Quốc gần quần đảo Senkaku/Điếu Ngư. Ảnh chụp ngày 04/02/2013. AFP - JAPAN COAST GUARD

Theo NHK, trong bữa ăn tối làm việc kéo dài 3 tiếng, hai ngoại trưởng đã nhất trí cùng hợp tác trên nhiều hồ sơ, đặc biệt là tăng cường các hợp tác song phương tại vùng Ấn Độ-Thái Bình Dương, trong đó có việc thiết lập một "*khu vực tự do và rộng mở*" dựa trên "*Nhà nước pháp quyền*".

Một chủ đề khác được hai ngoại trưởng đề cập là thúc đẩy hợp tác an ninh, trong đó có các cuộc tập trận chung giữa Lực

lượng Phòng vệ Nhật Bản và Quân Đội Pháp, cũng như vấn đề hạt nhân Bắc Triều Tiên.

Cuối cùng, ngoại trưởng Jean-Yves Le Drian và đồng nhiệm Nhật Bản cùng nhất trí phối hợp hành động để đối phó với khủng hoảng virus corona và chuẩn bị cho thế giới thời hậu Covid. Đây cũng là chủ đề được ngoại trưởng Nhật Bản đề cập với đồng nhiệm Đức Heiko Maas qua cuộc họp trực tuyến ngày 01/10 từ Paris. Hình thành một vùng Ấn Độ-Thái Bình Dương "tự do và rộng mở" cũng là điểm được hai ngoại trưởng Nhật và Đức nhấn mạnh.

Ông Motegi Toshimitsu đã hủy chuyến công du Berlin, vì ngoại trưởng Đức đang phải cách ly do tiếp xúc với một người nhiễm Covid-19.

Chiến lược mới của Mỹ tại Đông Nam Á

11/07/2021

Capture à partir de : [nghiencuuquocte](https://nghiencuuquocte.com)



Tác giả: Nguyễn Quang Dy

Trong bài [Hoc thuyết Biden có gì mới?](#) tôi đã đề cập đến Học thuyết Biden đang định hình. Trong bài này, tôi đề cập đến chiến lược mới của Mỹ tại Đông Nam Á, qua diễn ngôn của Kurt Campbell (điều phối viên chính sách Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương), và quan hệ Mỹ – Việt, qua báo cáo mới của Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS).

Quan điểm của Kurt Campbell

Kurt Campbell từng làm trợ lý ngoại trưởng phụ trách Đông Á-Thái Bình Dương dưới thời Obama. Ông chính là kiến trúc sư của chủ trương “Chuyển trục sang Châu Á”. Nay trong team Biden, ông là điều phối viên chính sách Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tại Hội đồng An ninh Quốc gia. Phát biểu tại *Asia Society* (ngày 6/7/2021), Campbell nói rằng Chính quyền Biden đã nhận thấy “muốn có một chính sách Châu Á hiệu quả, và muốn chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương hiệu quả, chúng ta phải làm việc nhiều hơn nữa tại Đông Nam Á”.

Theo Campbell, kế hoạch của Chính quyền Biden bị cản trở bởi việc hoãn Đối thoại Shangri-La năm nay, cũng như các hội nghị cấp cao khu vực được tổ chức trực tuyến vào cuối năm. Ông nói “qua kế hoạch tài trợ vaccine và tài trợ hạ tầng, Mỹ muốn kết nối lâu bền hơn. Chúng ta triển khai chương trình vaccine của Mỹ và phối hợp với “Bộ Tứ” để đảm bảo cung cấp vaccine năm 2022 cho Đông Nam Á và Thái Bình Dương, như một đóng góp quan trọng”.

Campbell nói rằng vào cuối năm nay khi Tổng thống Biden chủ tọa hội nghị cấp cao “Bộ Tứ” gồm nguyên thủ các nước Mỹ, Nhật, Ấn Độ, Úc tại Washington, “hy vọng chúng ta sẽ thấy một số cam kết đầy phấn khích và quyết đoán mang tính quyết định không chỉ liên quan đến việc tiếp tục “ngoại giao vaccine” mà còn về “phát triển hạ tầng”. Có thể nói, đó là hai mặt trận có ý nghĩa chiến lược đang được Mỹ và đồng minh triển khai.

Về hạ tầng, [Campbell nói](#) “Chúng ta sẽ xem xét thận trọng việc áp dụng các yếu tố của một thế giới được “Tái thiết Tốt hơn”

(Build Back Better) gồm các cam kết vào tháng trước”. Đó là sáng kiến phát triển hạ tầng mà Tổng thống Biden và lãnh đạo nhóm G7 đã công bố tại hội nghị cấp cao Cornwall (Anh), với đòn bẩy tài chính được dàn xếp qua cơ chế Công ty Tài chính Phát triển Quốc tế (IDFC).

Về mối đe dọa của Trung Quốc, Campbell nói “Khi trở lại làm việc, tôi rất kinh ngạc trước một số sự việc mà tôi đã đọc, đã thấy, và trải nghiệm qua các hoạt động ngoại giao gần đây. Trong đó có một thực tế không thể nào bác bỏ. Đó là một nước Trung Quốc quyết đoán và quyết tâm muốn có vai trò dẫn đầu trên thế giới, nhìn nhận về nước Mỹ một cách rất thiếu thiện cảm, và họ thực sự muốn thay đổi toàn bộ hệ điều hành ở Châu Á”.

Theo Campbell, để đối phó với thách thức đó, Chính quyền Biden coi Châu Á là trọng tâm khi đề cập đến khu vực. “Xu thế chuyển dịch khỏi Trung Đông có thể đầy trở ngại. Chúng ta thấy những thách thức thực sự tại Afghanistan, nhưng trọng tâm lớn hơn nhiều là Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Ông cho rằng thách thức đối với Mỹ là phải có một chiến lược đưa ra cho Trung Quốc cả cơ hội lẫn sự trừng phạt, nếu họ có những bước đi ngược với hòa bình và ổn định.

Về Đài Loan, Campbell nói rõ là Chính quyền Biden không có ý định thay đổi nguyên trạng. “Chúng ta ủng hộ quan hệ không chính thức mạnh mẽ với Đài Loan, nhưng không ủng hộ Đài Loan độc lập. Chúng ta nhận thấy và hiểu rõ sự nhạy cảm đó. Chúng ta tin rằng Đài Loan có quyền sống trong hòa bình. Chúng ta muốn thấy vai trò quốc tế của Đài Loan, nhất là trong vấn đề vaccine và đại dịch, không được tách họ ra khỏi cộng đồng quốc tế”.

Báo cáo mới của CSIS

CSIS là một viện nghiên cứu chính sách tại Washington, có quan hệ tốt với chính quyền Dân chủ thời Biden hiện nay cũng như thời Obama trước đây. Trong [một báo cáo vừa ra](#) của

CSIS về quan hệ Mỹ – Việt, Greg Polling và các tác giả đề cập đến các vấn đề: (1) Tranh chấp thương mại; (2) Thu hút đầu tư; (3) Hợp tác năng lượng; 4) Khắc phục hậu quả chiến tranh; (5) Việt Nam và “Bộ Tứ”; (6) Đối tác tại Biển Đông; (7) Thách thức về chính trị; (8) Đối tác chiến lược; và (9) Các khuyến nghị.

Trong khi Việt Nam xử lý khá tốt đại dịch Covid-19, thì những vấn đề tranh chấp từ thời Trump về thâm hụt thương mại và cáo buộc Việt Nam thao túng tiền tệ đang được tháo gỡ. Trong khi quan hệ kinh tế và chiến lược với Mỹ phát triển theo chiều hướng tốt, thì Chính phủ Việt Nam muốn kiểm soát chặt hệ sinh thái số làm trì trệ đầu tư, và Chính quyền Biden không muốn đàm phán về thương mại tự do với khu vực, bao gồm hiệp định CPTPP.

Việt Nam là một trong hai nước Đông Nam Á được nhắc đến trong “Hướng dẫn tạm thời về Chiến lược An ninh Quốc gia” của Chính quyền Biden. Xu thế tích cực trong quan hệ hiện nay là do những nỗ lực của hai phía nhằm hợp tác giải quyết hậu quả chiến tranh và nhận thức chung về mối đe dọa từ Trung Quốc. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều rào cản phía trước, như quan ngại của Mỹ về nhân quyền và nguy cơ Mỹ trừng phạt Việt Nam vì mua nhiều vũ khí Nga. Nhưng quan hệ Mỹ-Việt rất quan trọng đối với tầm nhìn của Chính quyền Biden về khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương “tự do, rộng mở, dẻo dai, và bao trùm”.

Tranh chấp thương mại

Trong cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung (thời Trump), tranh chấp thương mại Mỹ-Việt đã nổi lên thành một vấn đề song phương. Đến tháng 9/2020, thâm hụt thương mại Mỹ-Việt là 49,5 tỷ đô la (chỉ sau Trung Quốc và Mexico). Tháng 10/2020, Đại diện Thương mại Hoa Kỳ đã tiến hành điều tra Việt Nam (theo điều 301) về phá giá đồng tiền, và đánh thuế lốp xe khách và xe tải nhập từ Việt Nam. Trước đó, Bộ Tài chính Mỹ đã cáo buộc Việt Nam phá giá đồng tiền.

Tuy cuối thời Trump, Đại diện Thương mại Hoa Kỳ nói rằng cách hành xử của Việt Nam là “vô lý”, nhưng Mỹ đã không trả đũa. Sau đó, Chính quyền Biden cũng không đã động đến vấn đề này, mà lặng lẽ làm việc với Việt Nam để giảm thâm hụt thương mại và gia tăng hội nhập kinh tế. Trong những tháng qua, Việt Nam đã tăng cường nhập hàng hóa của Mỹ, đặc biệt là nông sản và dịch vụ. Vào tháng 4/2021, Bộ Tài Chính Mỹ đã đưa Việt Nam ra khỏi danh sách thao túng tiền tệ, tuy để ngỏ khả năng điều tra (theo Điều 301) như một quả mìn tiềm ẩn trong quan hệ song phương. Đại diện Thương mại Hoa Kỳ sẽ thông báo kết luận mới vào tháng 7/2021.

Một điểm gây tranh cãi khác là vào đầu năm 2017, Tổng thống Trump đã rút khỏi Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (nay là CPTPP). Team Biden không muốn theo đuổi các hiệp định tự do thương mại vì lý do chính trị trong đảng Dân chủ. Vì vậy, chính quyền Biden không sẵn sàng tham gia CPTPP hoặc đàm phán các hiệp định thương mại tự do mới. Nhưng Mỹ cần làm gì đó để chứng tỏ có một chương trình nghị sự về khu vực. Mỹ có thể lựa chọn đàm phán một hiệp định đa phương về thương mại số với các nước khu vực, bao gồm Việt Nam, dựa trên những quy định được ghi nhận trong CPTPP, hiệp định Mỹ-Mexico-Canada, và hiệp định Mỹ – Nhật.

Lãnh đạo Việt Nam vẫn hy vọng Chính quyền Biden cuối cùng sẽ tham gia CPTPP. Nếu Mỹ tham gia CPTPP thì Việt Nam sẽ có lợi nhiều hơn về kinh tế, còn nếu không thì Hà Nội sẵn sàng đàm phán với Mỹ về một hiệp định thương mại tự do song phương, tuy điều đó cũng khó khăn về chính trị không kém việc Mỹ tham gia CPTPP. Gần đây, Việt Nam đã kết thúc đàm phán với Anh và EU, tạo thêm động lực cho Mỹ tham gia, hoặc song phương hoặc đa phương.

Thu hút đầu tư

Sau khi hai nước bình thường hóa quan hệ năm 1995, Việt Nam ngày càng hấp dẫn các nhà đầu tư Mỹ. Đầu tư trực tiếp

tăng từ 1 tỷ đô la năm 2011 lên 2,6 tỷ đô la năm 2019. Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung từ 2017 đã làm nhiều doanh nghiệp Mỹ phải rời Trung Quốc và chuyển sang Việt Nam để đa dạng hóa chuỗi cung ứng. Việt Nam gần Trung Quốc, với môi trường kinh doanh được cải thiện, lực lượng lao động trẻ được đào tạo tốt, có tinh thần khởi nghiệp, đã giúp Việt Nam hưởng lợi nhiều hơn từ chiến tranh thương mại Mỹ-Trung.

Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều trở ngại cho đầu tư của Mỹ, bao gồm vấn nạn tham nhũng đã ăn sâu bám rễ, một hệ thống pháp lý yếu kém, không sẵn sàng bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thiếu một lực lượng lao động lành nghề, các quy định lạc hậu về lao động, các trở ngại cho đầu tư vào hạ tầng, và quy trình quyết sách chậm chạp của chính phủ. Nói chung, Việt Nam đã có những biện pháp tích cực và cụ thể để thúc đẩy đầu tư của Mỹ. Tuyên bố của Bộ Ngoại Giao Mỹ (năm 2020) về môi trường đầu tư ở Việt Nam, có đoạn viết:

Đặc biệt, chính phủ Việt Nam đã có Nghị quyết 55 nhằm thu hút 50 tỷ đô la đầu tư nước ngoài vào năm 2030 bằng cách sửa đổi các quy định cản trở đầu tư nước ngoài, và luật hóa các tiêu chí về chất lượng, hiệu quả, công nghệ tiên tiến, và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Việt Nam đã thông qua Luật Chứng khoán 2019, làm rõ ý định của chính phủ sẽ bỏ hạn chế về sở hữu của nước ngoài (tuy chưa cụ thể), và bộ Luật Lao động 2019, linh hoạt hơn cho các hợp đồng lao động.

Việt Nam đã sớm kiểm soát được đại dịch Covid-19, một thành tích đáng kể vì là một nước đang phát triển, lại ở gần Trung Quốc. Chiến lược của Việt Nam rất đơn giản: rửa sạch tay, đeo khẩu trang, ở trong nhà. Lãnh đạo Việt Nam coi “chống dịch như chống giặc”, đã nhanh chóng đưa ra cho công chúng một thông điệp rõ ràng. Chính phủ huy động nhân viên y tế và xã hội dân sự tham gia cuộc chiến. Tuy kinh tế bị ảnh hưởng, nhưng Việt Nam là một trong vài nước trên thế giới tránh được suy thoái năm 2020 (tăng trưởng GDP 2,9%). Kết quả chống

dịch chứng tỏ sức bật của nền kinh tế, làm gia tăng sự hấp dẫn của thị trường đầu tư.

Một lĩnh vực mà các nhà đầu tư tiềm năng của Mỹ rất quan tâm là luật an ninh mạng được thông qua năm 2019, cho phép nhà cầm quyền theo dõi các hoạt động trực tuyến, khoanh vùng dữ liệu, và xóa các nội dung không mong muốn. Luật mới này sẽ làm ảnh hưởng không chỉ các công ty công nghệ, mà còn tất cả các doanh nghiệp dựa vào việc tiếp cận và sử dụng không hạn chế internet. Hơn 2/3 dân số Việt Nam dùng Facebook. Kết nối trực tuyến sẽ dẫn đến đổi mới và sáng tạo. Luật này nếu được áp dụng sẽ làm trì trệ đầu tư nước ngoài.

Hợp tác về năng lượng

Tháng 10/2019, Mỹ và Việt Nam đã ký bản ghi nhớ thiết lập quan hệ hợp tác toàn diện về năng lượng. Tuy Việt Nam vẫn có kế hoạch tăng cường dùng than để chạy các nhà máy nhiệt điện, nhưng các quan chức Việt Nam đã bày tỏ nguyện vọng muốn sử dụng các loại năng lượng sạch và có thể tái tạo, bao gồm gió và mặt trời, mà Việt Nam được thiên nhiên ưu đãi. Trong khi chờ đợi, Việt Nam sẽ nhập khẩu khí hóa lỏng (LNG) từ Mỹ. Với mục tiêu đó, gần đây Việt Nam đã xây dựng một kho nhập khẩu khí hóa lỏng đầu tiên tại Vũng Tàu, để có thể nhập khẩu LNG từ năm 2022. Các nhà đầu tư nước ngoài đang lên kế hoạch xây dựng các kho chứa khí hóa lỏng lớn hơn để nâng cao năng lực nhập khẩu LNG cho Việt Nam.

Khắc phục hậu quả chiến tranh

Mỹ và Việt Nam tiếp tục triển khai các bước quan trọng để khắc phục hậu quả chiến tranh, bao gồm thống kê số quân nhân Mỹ và Việt Nam bị mất tích trong chiến tranh, khắc phục bom mìn chưa nổ và tẩy rửa chất độc da cam. Tiếp tục công việc tẩy rửa thành công chất độc da cam tại Đà Nẵng, Mỹ và Việt Nam từ tháng 12/2019 đã tẩy rửa tiếp tại Sân bay Biên Hòa. Các sáng kiến này được tiến hành song song với nỗ lực của USAID

nhằm nâng cao năng lực của các đối tác Việt Nam trong việc nhận dạng hài cốt bị mất tích trong chiến tranh.

Các nỗ lực nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, bắt nguồn từ hỗ trợ mạnh mẽ của các nhân vật trong Quốc hội Mỹ như Thượng nghị sĩ Patrick Leahy và cố Thượng Nghị sĩ John McCain, có vai trò lớn trong việc huy động sự ủng hộ cho quan hệ đối tác Mỹ-Việt. Các nỗ lực đó đã nuôi dưỡng sự tin cậy lẫn nhau và thắt chặt mối quan hệ Mỹ-Việt hiện nay, đồng thời thúc đẩy những tiến bộ quan trọng đã đạt được trong quan hệ hai nước kể từ khi bình thường hóa.

Việt Nam và Bộ Tứ

So với các nước láng giềng Đông Nam Á, Việt Nam ủng hộ sự ra đời của “Bộ Tứ” gồm Mỹ, Nhật, Ấn Độ, Úc. Theo một khảo sát của CSIS (cuối năm 2019), đa số người Việt coi “Bộ Tứ” là một khuôn khổ tổ chức quan trọng nhất khu vực, vượt xa các tổ chức khác như ASEAN (mà Việt Nam vừa làm chủ tịch). Một khảo sát khác do Viện Chính sách Chiến lược Australia thực hiện (năm 2018) cho biết 77% người Việt ủng hộ “Bộ Tứ”, cao hơn bất kỳ nước nào khác ở khu vực.

Việt Nam ủng hộ “Bộ Tứ” không chỉ do quan hệ ngày càng gần với Mỹ, mà còn do hợp tác song phương ngày càng nhiều với ba nước thành viên khác của “Bộ Tứ”. Trong khi hầu hết các chiến lược gia của Việt Nam đều ủng hộ “Bộ Tứ”, tình cảm tích cực đó không nhất thiết biến thành sự ủng hộ hay sự tham gia tích cực vào mọi hoạt động của “Bộ Tứ”. Tuy lãnh đạo Hà Nội có thể tham gia các hoạt động chọn lọc của “Bộ Tứ Mở rộng”, nhưng các bước này được Hà Nội cân nhắc thận trọng để tránh làm ảnh hưởng tới quan hệ tế nhị Trung-Việt.

Đối tác ở Đông Nam Á

Quan hệ đối tác toàn diện Mỹ-Việt phát triển nhanh chóng là do nhận thức chung về mối đe dọa từ Trung Quốc, đặc biệt là do Trung Quốc đã vi phạm tại Biển Đông. Là một bên tranh chấp,

Việt Nam đã công bố Sách Trắng Quốc Phòng năm 2019, đề cập đến các hành động ứng xử đơn phương của Trung Quốc, dùng sức mạnh áp đặt, vi phạm luật quốc tế, quân sự hóa, thay đổi nguyên trạng, xâm phạm chủ quyền và quyền tài phán ở Biển Đông.

Lực lượng dân quân biển và hải giám của Trung Quốc đã ngăn cản Việt Nam khai thác tài nguyên thiên nhiên trong vùng đặc quyền kinh tế của mình. Dưới sức ép của Bắc Kinh, năm 2020 Việt Nam phải dừng kế hoạch khoan thăm dò của Rosneft tại lô dầu khí gần bãi Tư Chính, tiếp theo việc Trung Quốc quấy rối Rosneft tại lô dầu khí đó từ năm trước. Năm 2021, Rosneft phải bán lại cho Zarubezhneft quyền khai thác lô dầu khí đó và mọi quyền khác ngoài khơi Việt Nam. Trước đó, Việt Nam phải rút khỏi thỏa thuận thăm dò dầu khí với Repsol và Mubadala, do sức ép tương tự, phải đền bù hơn 1 tỷ đô la cho hai công ty nói trên.

Việt Nam đã đáp trả sức ép ngày càng tăng của Trung Quốc với lực lượng hải quân và không quân được hiện đại hóa và cải thiện vị thế ở khu vực. Việt Nam đã mua của Nga sáu tàu ngầm lớp Kilo cùng với các tàu hộ vệ lớp Gepard và máy bay chiến đấu Su-30 MK, để tăng cường răn đe đối với Trung Quốc. Trong khi đó, việc chuyển giao vũ khí của Mỹ còn rất khiêm tốn. Nhưng từ tháng 6/2021, Hà Nội đã nhận chiếc tàu tuần duyên lớp Hamilton thứ hai của Mỹ, và được phép mua máy bay huấn luyện T-6 của Mỹ. Việt Nam cũng tăng cường đáng kể lực lượng không quân, hải quân, pháo binh, và các thiết bị cảm ứng tại các căn cứ của mình ở Trường Sa, để có khả năng tự vệ trước sức mạnh của Trung Quốc.

Mỹ có vai trò then chốt nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận “tự do và rộng mở” tại Biển Đông, và khi cần Việt Nam sẽ là một “đối tác không thể thiếu” trong nỗ lực đó. Điều đó được thể hiện một phần qua sự kiện tàu sân bay USS Carl Vinson đến thăm cảng Đà Nẵng năm 2018. Sau chuyến thăm đầu tiên đó, USS

Theodore Roosevelt đến thăm Đà Nẵng năm 2020. Ngoài ý nghĩa tượng trưng để “bóng ma Việt Nam yên nghỉ”, các chuyến thăm này là biểu tượng cho vị trí tâm điểm của Việt Nam trong chiến lược hàng hải của Mỹ ở khu vực.

Thách thức về chính trị

Tuy xu hướng hợp tác an ninh Mỹ-Việt là tích cực, nhưng vẫn còn mấy vấn đề tồn đọng có thể làm hỏng cơ hội phát triển. Ví dụ, từ lâu Việt Nam đã mua sắm nhiều vũ khí của Nga. Sự phụ thuộc vào các hệ thống vũ khí của Nga làm Việt Nam khó bố trí các vũ khí mua của Mỹ vào hệ thống hiện hành. Hơn nữa, vũ khí của Mỹ thường có giá cao hơn, nên các nhà hoạch định chính sách quốc phòng ở Hà Nội vẫn có xu hướng chọn vũ khí của Nga.

Nhưng quan điểm cứng rắn hơn của Tổng thống Biden đối với Nga có thể đẩy Hà Nội vào thế khó xử, nếu chính quyền Mỹ áp đặt biện pháp trừng phạt theo luật CAATSA (Countering America's Adversaries Through Sanctions Act). Tuy luật này trừng phạt các nước mua khí tài quân sự của Nga, nhưng một số nước thường tìm kiếm miễn trừ để tránh bị trừng phạt. Chừng nào Việt Nam vẫn tiếp tục mua vũ khí của Nga và không có miễn trừ, thì đây là một đe dọa tiềm ẩn gây căng thẳng giữa Hà Nội và Washington. Vì vậy, hai bên phải cộng tác chặt chẽ hơn, cả công khai và kín đáo, để tránh cho Việt Nam bị trừng phạt, trong khi tìm kiếm giải pháp khác thực tế hơn và có lợi hơn là mua các hệ thống vũ khí của Nga.

Trong khi đó, mối lo ngại về nhân quyền vẫn là một thách thức. Các tổ chức bảo vệ nhân quyền thường chỉ trích Việt Nam không có tiến bộ về vấn đề này, như tăng cường hạn chế tự do ngôn luận, lập hội, tụ tập đông người, và tôn giáo. Trong khi Chính quyền Trump không coi nhân quyền là vấn đề được ưu tiên, thì chính quyền Biden coi trọng vấn đề này hơn. Lãnh đạo Hà Nội cần điều chỉnh theo thực tế mới khi bị soi kỹ hơn, trong khi Chính quyền Biden cần khéo léo, vừa lên án các vi phạm

nhân quyền khi cần, vừa trao đổi qua đường ngoại giao để tìm một giải pháp xây dựng với Việt Nam.

Đối tác chiến lược

Việt Nam và Mỹ đã nâng quan hệ hai nước lên thành *đối tác toàn diện* vào năm 2013, và tăng cường hợp tác trong các năm sau đó, với tin đồn sẽ nâng cấp quan hệ lên thành *đối tác chiến lược*. Nỗ lực nâng cấp quan hệ thời Trump đã bị hoãn do thách thức về kinh tế và chính trị. Ngoài những vấn đề đó, một số quan chức Việt Nam mô tả quan hệ Mỹ-Việt như *đối tác chiến lược*, nhờ vào bề sâu và bề dày trong hợp tác song phương. Nâng cấp quan hệ lên thành *đối tác chiến lược* phục vụ nguyện vọng của cả hai bên, báo hiệu “lòng tin cao hơn”, cung cấp một khuôn khổ tốt hơn cho việc thu xếp các hoạt động bảo vệ nhân quyền.

Khuyến nghị

Nói chung, việc khắc phục các thách thức và nắm bắt các cơ hội nói trên là một vấn đề cơ bản liên quan đến chiến lược lâu dài của các chính quyền Mỹ. Nhưng có một số biện pháp khá rõ ràng trong những tháng tới đây, có thể chứng tỏ là Mỹ nghiêm túc và sẵn sàng tăng cường cơ sở vững chắc cho quan hệ *đối tác song phương* giữa Mỹ và Việt Nam:

Một là Chính quyền Biden cần công khai tuyên bố ý định nâng cấp *đối tác toàn diện* Mỹ-Việt thành *đối tác chiến lược*, tốt nhất là Tổng thống Biden sẽ tuyên bố trong chuyến thăm Châu Á trùng với dịp họp cấp cao ASEAN. Tuyên bố này sẽ đánh dấu một cột mốc lớn, tạo động lực cho cả hai phía tìm giải pháp tích cực cho các vấn đề còn tồn đọng, như đối thoại về nhân quyền và tìm kiếm miễn trừ cho việc áp dụng luật CAATSA.

Hai là Washington cần thôi đe dọa trừng phạt Việt Nam qua điều tra của Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (theo Điều 301). Sau khi Bộ Tài chính đưa Việt Nam ra khỏi danh sách thao túng tiền tệ (tháng 4/2021), hai bên cần thương lượng để giải quyết nốt

các tranh chấp còn tồn đọng, tránh việc đe dọa trừng phạt như một đám mây đen.

Ba là Mỹ cần triển khai ngoại giao vaccine. Cuộc họp cấp cao “Bộ Tứ” (ngày 12/3/2021) đã tuyên bố sẽ viện trợ một tỷ liều vaccines cho khu vực Indo-Pacific. Tuy tuyên bố này được dư luận hoan nghênh, nhưng do đại dịch bùng phát mạnh tại Ấn Độ nên kế hoạch phân phối của COVAX bị chậm lại, gây tâm lý hoang mang về sáng kiến này. Tổng thống Biden tuyên bố đến cuối tháng 6/2021, Mỹ sẽ chuyển 80 triệu liều vaccine cho khu vực, như một bước hỗ trợ cho sáng kiến của “Bộ Tứ” thông qua COVAX. Việt Nam có tỷ lệ tiêm vaccine thấp nhất khu vực, nên trong mấy tháng tới sẽ được hưởng lợi từ kế hoạch này.

Bốn là Mỹ cần dừng kế hoạch trục xuất những người Việt tỵ nạn bị kết án ở Mỹ. Sau chiến tranh Việt Nam, nhiều trẻ em đã đến Mỹ, có thẻ xanh, nhưng đã phạm tội. Hệ thống pháp lý của Mỹ thừa sức đối phó với những người Việt phạm tội, mà không cần đến biện pháp trừng phạt đúp, bị trục xuất sau khi ngồi tù. Việc trục xuất họ về Việt Nam sẽ làm dư luận bất bình, coi hành động đó của Chính quyền Biden là vô nhân đạo, không cần thiết.

Năm là xúc tiến đàm phán đa phương với các nước ở khu vực, bao gồm Việt Nam, về một hiệp định thương mại số. Mỹ cần chứng tỏ là có yếu tố kinh tế trong tầm nhìn “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và rộng mở”. Vì chính trị nội bộ làm cho việc Mỹ tham gia CPTPP hay các hiệp định thương mại tự do song phương ở khu vực là bất khả thi, nên một hiệp định phỏng theo các điều khoản về thương mại số trong các hiệp định hiện có là một hướng quan trọng và khả thi.

Sáu là có một kế hoạch đa phương để theo dõi và phát hiện những tàu dân quân biển của Trung Quốc ở Biển Đông. Sau khi Philippines phát hiện hơn 200 tàu dân quân biển của Trung Quốc tập trung tại khu vực đá Ba Đầu ở Biển Đông vào tháng 3/2021, cả Manila và Hà Nội đã lập hồ sơ và công bố vị trí cùng

số đăng ký của các tàu dân quân biển đó. Mỹ và các đối tác có chung quan điểm như Nhật, Úc, Anh, Pháp... cần có sáng kiến đa phương để giúp Việt Nam và Philippines thu thập và công bố các số liệu này tại Biển Đông, để xây dựng một kho dữ liệu về các vi phạm, và trừng phạt Bắc Kinh về ngoại giao.

Tổng thống Biden chọn Trại David lịch sử để họp thượng đỉnh Mỹ-Nhật-Hàn có ý nghĩa gì?

18/08/2023

Reuters

Capture à partir de :[voatiengviet](https://voatiengviet.com)



Tổng thống Hoa Kỳ Dwight D. Eisenhower và Thủ tướng Liên Xô Nikita Khrushchev chụp ảnh tại Trại David, ở Thurmont, Maryland, ngày 25/9/1959.

Tổng thống Joe Biden sẽ đưa Trại David trở thành tâm điểm chú ý của quốc tế vào ngày 18/8 khi ông tiếp đón các nhà lãnh đạo của Nhật Bản và Hàn Quốc ở đó, một sự trở lại vinh quang cho một nơi nghỉ dưỡng trên núi đã trở nên không thể xóa nhòa trong lịch sử ngoại giao.

Một quan chức chính quyền cấp cao cho biết ông Biden đã chọn khu đất bình dị trên đồi ở Maryland cho hội nghị thượng đỉnh Mỹ-Nhật-Hàn đầu tiên vì Trại David thường được sử dụng để tượng trưng cho tình bạn mới hình thành hoặc khó có được.

“Chắc chắn trong trường hợp của hội nghị thượng đỉnh này, chúng tôi hình dung Trại David sẽ đánh dấu một khởi đầu mới cho tất cả chúng ta với tư cách là đối tác ba bên giữa Hoa Kỳ, Cộng hòa Triều Tiên (Hàn Quốc) và Nhật Bản. Vì vậy, chúng tôi nghĩ rằng tính biểu tượng ở đây rất mạnh mẽ và thực sự có thể không được tuyên bố quá mức,” quan chức này nói.

Các ông Biden, Fumio Kishida của Nhật Bản và Yoon Suk Yeol của Hàn Quốc dự kiến sẽ gặp nhau tại Laurel Lodge lịch sử. Bữa trưa làm việc của họ dự kiến sẽ diễn ra trong Cabin của Tổng thống, Aspen Lodge, và nếu thời tiết tốt, một cuộc họp báo buổi chiều sẽ diễn ra ngoài trời trong khung cảnh rừng cây.

Được xây dựng bởi Cơ quan Quản lý Tiến độ Công trình, chương trình cơ sở hạ tầng do Tổng thống Franklin Roosevelt tạo ra trong thời kỳ Đại suy thoái, trại đã là nơi tổ chức các cuộc điều giải hạ giảm căng thẳng quốc tế. Nổi tiếng nhất, Tổng thống Jimmy Carter đã làm trung gian cho Hiệp định Trại David vào năm 1978 giữa Tổng thống Ai Cập Anwar al-Sadat và Thủ tướng Israel Menachem Begin.

Nhà lãnh đạo nước ngoài đầu tiên đến thăm Trại David, khi đó được gọi là “Shangri-La”, là Thủ tướng Anh Winston Churchill, người đã ở đó để thảo luận về Thế chiến Thứ hai với Tổng thống Roosevelt. Các bức ảnh lưu trữ của Hoa Kỳ cho thấy họ đang ở gần một con suối, ông Roosevelt đang cầm một chiếc cần câu và ông Churchill đang cầm một điều xì gà.

Kể từ đó, nhiều nhà lãnh đạo nước ngoài đã được mời đến khu phức hợp rộng 180 mẫu ở Dãy núi Catoctin phía tây Maryland. Thủ tướng Liên Xô Nikita Krushchev đã đến thăm Tổng thống Dwight Eisenhower ở đó vào năm 1959, vài năm trước khi Cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba năm 1962 khiến căng thẳng trong Chiến tranh Lạnh sôi sục.

Năm 2000, Tổng thống Bill Clinton đã sử dụng Trại David để cố gắng lôi kéo Thủ tướng Israel Ehud Barak và Tổng thống Palestine Yasser Arafat tham gia một thỏa thuận hòa bình, nhưng kết thúc thất bại.

Sau này khi ông Arafat, người bị đổ lỗi cho sự bế tắc, gọi ông Clinton là “con người vĩ đại”, ông Clinton đã viết trong hồi ký về câu trả lời ngắn gọn của mình.

“Tôi không phải là một người vĩ đại. Tôi là kẻ thất bại, và ông đã biến tôi thành kẻ thất bại,” ông nói với Arafat.

Nơi các Tổng thống nghỉ ngơi

Trại David cũng là nơi các tổng thống nghỉ ngơi sau những mệt mỏi khắc nghiệt ở văn phòng và thoát khỏi sự tù túng của Tòa Bạch Ốc, dinh thự điều hành đầy đồ cổ mà ông Truman từng gọi là “Nhà tù Trắng Vĩ đại”.

Tổng thống Ronald Reagan đã đến Trại David 189 lần trong tám năm. Ngược lại, Tổng thống Donald Trump thích các khu nghỉ dưỡng chơi gôn của riêng mình và chỉ đến Trại David 15 lần trong 4 năm cầm quyền. Ông đã phải từ bỏ kế hoạch tổ chức hội nghị thượng đỉnh G7 ở đó vào năm 2020 vì đại dịch Covid-19. Ông Eisenhower, người đặt tên Trại David theo tên cha và cháu trai của mình, nướng bít tết cho gia đình và bạn bè. Tổng thống George W. Bush đạp xe leo núi. Ông Carter thích câu cá ở suối trên núi.

Có một lần Tổng thống George W. Bush tiếp đón nhà lãnh đạo Nga Vladimir Putin tại Trại David và giới thiệu ông Putin với chú chó Scotland của ông, Barney. Trong chuyến thăm Nga sau đó, ông Putin đã cho ông Bush xem chú chó Labrador đen to lớn của mình và nói rằng nó “to hơn, khỏe hơn, nhanh hơn Barney”, ông Bush nói.

Những điều dường như là đời thường ở Trại David đôi khi có thể trở thành tiêu đề lớn, như khi Tổng thống George H.W. Bush ra ngoài chạy bộ và bỗng dưng nhịp tim đập bất thường, khiến Tòa Bạch Ốc bị đặt vào tình trạng khủng hoảng.

“Marlin, xem liệu ông có thể cho tôi một kỳ nghỉ hai tuần sau vụ này không?” ông Bush đang hồi phục đã nói với thư ký báo chí Marlin Fitzwater sau đó.

Tầm quan trọng của 'Bộ Tứ' trong an ninh châu Á

07/12/2017



Nguồn: Brahma Chellaney, "[Asia's New Entente](#)", *Project Syndicate*, 03/11/2017.

Biên dịch: Lê Thành Đạt | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Tổng thống Mỹ Donald Trump đang có chuyến công du tới các nước châu Á trong bối cảnh tình hình an ninh khu vực đang diễn biến hết sức nóng bỏng. Ngoại trưởng Mỹ Rex Tillerson, người đã công nhận rằng “trọng tâm của thế giới đang dịch chuyển dần về trung tâm khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương”, đã kêu gọi các cường quốc dân chủ trong khu vực này cần tiếp tục theo đuổi một chính sách “can dự và hợp tác chặt chẽ hơn”. Những cường quốc này, bao gồm cả nước Mỹ của Donald Trump, cần lưu tâm đến lời kêu gọi này. Trên thực tế, chỉ có một liên minh các nền dân chủ mới có thể bảo đảm sự hình thành một trật tự dựa trên luật lệ và một sự cân bằng quyền lực ổn định tại khu vực năng động nhất thế giới về kinh tế này.

Trong những năm trở lại đây, đúng như Ngoại trưởng Mỹ Rex Tillerson đã thừa nhận, Trung Quốc đã có nhiều “hành động khiêu khích” như tại Biển Đông vốn thách thức luật pháp và các chuẩn tắc quốc tế. Và cách hành xử này của Trung Quốc vẫn

sẽ tiếp tục được thực hiện nếu không nói là leo thang. Tháng 10 vừa qua, Đại hội lần thứ 19 Đảng Cộng sản Trung Quốc trên thực tế đã trao vương miện hoàng đế cho Chủ tịch Tập Cận Bình, người đã theo đuổi một chính sách đối ngoại cứng rắn với mục tiêu đưa Trung Quốc trở thành một siêu cường toàn cầu.

Giống như trường hợp sự trỗi dậy nhanh chóng của Đức trước Thế Chiến I đã thúc đẩy sự hình thành liên minh Hiệp ước ba bên giữa 3 nước Pháp, Nga và Vương quốc Anh, hành vi ngày càng cứng rắn của Trung Quốc đang tạo ra động lực ngày càng lớn cho các nền dân chủ trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương hình thành một liên minh ngày càng mạnh mẽ hơn. Rốt cuộc, như những gì diễn ra ở Biển Đông thời gian gần đây cho thấy, không một quốc gia đơn lẻ nào có thể áp đặt đủ các phí tổn lên Trung Quốc để trừng phạt chủ nghĩa xét lại về lãnh hải và lãnh thổ của nước này, khoan nói đến việc buộc các nhà lãnh đạo nước này phải thay đổi chính sách.

Điều đó không có nghĩa là không có một quốc gia nào có khả năng thách thức Trung Quốc. Ngay trong mùa hè năm nay, Ấn Độ đã dũng cảm đối đầu với người hàng xóm đang dương oai diễm võ tại khu vực biên giới hai nước trong suốt 10 tuần. Trung Quốc đã sử dụng các dự án xây dựng, cải tạo nhằm thay đổi “nguyên trạng” ở khu vực cao nguyên Doklam xa xôi thuộc dãy Himalaya, giống như những gì Trung Quốc đã thường làm tại khu vực Biển Đông. Tuy nhiên, Ấn Độ đã can thiệp và ngăn chặn những hành động này của Trung Quốc. Nếu như chính quyền cựu Tổng thống Mỹ Barack Obama thể hiện quyết tâm tương tự như của Ấn Độ tại khu vực Biển Đông, có lẽ Trung Quốc đã không thể sở hữu 7 hòn đảo nhân tạo đã được quân sự hóa tại khu vực này.

Trong bất cứ trường hợp nào, việc bảo đảm một sự chuyển hướng trong chính sách đối ngoại Trung Quốc và duy trì sự ổn định trong quan hệ quyền lực giữa các nước trong khu vực

châu Á – Thái Bình Dương đòi hỏi không chỉ một mà nhiều quốc gia cùng tham gia giải quyết bất cứ vấn đề nào. Một nước Mỹ mong muốn áp dụng những công cụ mới, một Nhật Bản và Ấn Độ tự tin hơn và một nước Úc đầy khó chịu vì bị Trung Quốc can thiệp nội bộ, cần phải bắt tay nhau để kiềm chế hành vi của Trung Quốc.

Một tín hiệu khả quan đó là một “liên minh thân thiện” đã bắt đầu hình thành giữa các nền dân chủ lớn trong khu vực. Đặc biệt, quan hệ Mỹ – Ấn Độ đã trải qua những “biến đổi sâu sắc” như lời Ngoại trưởng Mỹ Rex Tillerson phát biểu, khi hai nước trở thành “đối tác toàn cầu với sự song trùng lợi ích chiến lược ngày càng lớn”. Mỹ hiện đang có nhiều cuộc diễn tập quân sự chung với Ấn Độ hơn so với bất kỳ quốc gia nào khác. Sự hợp tác như vậy là tiền đề hai nước hiện thực hóa tầm nhìn mà Ngoại trưởng Rex Tillerson đã chỉ ra, đó là “đóng vai trò là ngọn hải đăng phía Đông và phía Tây của khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương”.

Quan hệ của Ấn Độ với Nhật Bản cũng đang được thắt chặt và làm sâu sắc hơn. Cuộc Diễn tập Hải quân thường niên Malabar tại khu vực Ấn Độ Dương năm nay giữa Mỹ, Ấn Độ và Nhật Bản là cuộc diễn tập lớn nhất và quy mô nhất kể từ khi được hình thành cách đây 25 năm. Mục tiêu giả định của cuộc diễn tập là phối hợp tiêu diệt các tàu ngầm của địch, với hơn 7.000 quân nhân Mỹ tham gia, cùng sự góp mặt của các tàu sân bay đến từ Hải quân 3 nước, bao gồm: Tàu sân bay hạt nhân USS Nimitz của Mỹ, tàu sân bay trực thăng Izumo của Nhật, và tàu sân bay INS Vikramaditya của Ấn Độ.

Như Ngoại trưởng Tillerson đã chỉ ra, quan hệ hợp tác ba bên Mỹ – Ấn Độ – Nhật Bản đã và đang mang lại những lợi ích quan trọng. Tuy nhiên, ông cũng nhấn mạnh “vẫn còn chỗ cho các nước khác tham gia, kể cả Úc, nhằm phát huy các mục tiêu và sáng kiến chung”.

Cho tới nay, Australia vẫn tìm cách tránh phải lựa chọn giữa một bên là đồng minh an ninh của mình, tức Hoa Kỳ, và một bên là đối tác kinh tế chính, tức Trung Quốc. Bất chấp tuyên bố mới đây của Bộ trưởng Quốc phòng Úc Marise Payne rằng “Úc rất quan tâm đến quan hệ hợp tác 4 bên với Mỹ, Ấn Độ và Nhật Bản”, Chính phủ Úc dường như lại đang đi nước đôi. Ví dụ, trong khi Úc nỗ lực để quay trở lại cuộc tập trận chung Malabar sau khi đã rút khỏi cơ chế này cách đây 10 năm nhằm trấn an Trung Quốc, Úc lại chỉ muốn tham gia với tư cách là một “quan sát viên”.

Cách tiếp cận này của Úc sẽ không thể bền vững. Nếu Úc muốn thoát khỏi sự can thiệp từ phía Trung Quốc, Úc không chỉ cần phải thực hiện các biện pháp tự vệ nội bộ mới mà còn cần đóng một vai trò chủ động hơn trong việc bảo vệ các luật lệ và chuẩn tắc trên phạm vi quốc tế, cả ở trên bộ và trên biển.

Trong những năm tới, các sự kiện tại khu vực Ấn Độ Dương và Đông Á sẽ có tác động tiên quyết, ảnh hưởng đến cân bằng quyền lực tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Do đó, kiềm chế Trung Quốc đầu tiên đòi hỏi những nỗ lực nhằm hạn chế các hoạt động hàng hải của quốc gia này – ví dụ như các giải pháp nhằm bảo vệ các tuyến đường giao thông trên biển trọng yếu và nâng cao năng lực tình báo hàng hải. Điều này cũng đòi hỏi các sáng kiến địa-kinh tế nhằm đối phó với sự bành trướng ảnh hưởng mang tính áp đặt của Trung Quốc lên các nước nhỏ hơn trong khu vực. Do vậy, tất cả các cường quốc dân chủ châu Á cần phải cùng tham gia vào nỗ lực này.

Những lời kêu gọi hợp tác chặt chẽ hơn của Mỹ là một tín hiệu tốt cho tiến trình này, tuy nhiên Mỹ cũng cần tập trung nhiều hơn vào sự trỗi dậy và tham vọng toàn cầu của Trung Quốc thay vì chỉ quan tâm đến một nước Nga đang trong giai đoạn suy thoái. Hơn nữa, chiến thắng vượt trội của Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe, người theo đuổi ý tưởng về việc thiết lập một “tứ giác an ninh giữa các nền dân chủ” tại khu vực châu Á –

Thái Bình Dương, trong cuộc tổng tuyển cử mới đây tại Nhật Bản có thể sẽ giúp thúc đẩy tiến trình hợp tác này.

Chắc chắn là bất cứ một “liên minh thân thiện” nào giữa các nền dân chủ châu Á cũng sẽ không nằm dưới hình thức một liên minh chính thức. Thay vào đó, mục tiêu đối với các nền dân chủ này là đạt được một tầm nhìn chiến lược chung, dựa trên các giá trị chung. Rất cuộc, chính những lợi ích đó sẽ tạo nên sự khác biệt cho các quốc gia này: Như Ngoại trưởng Rex Tillerson đã thừa nhận, dù chuyến thăm Trung Quốc của Tổng thống Mỹ sắp tới sẽ là tâm điểm chú ý của dư luận quốc tế, nhưng quan hệ của Mỹ với một nước không dân chủ như Trung Quốc sẽ không thể giống với quan hệ của Mỹ với một nền dân chủ lớn.

Bằng việc theo đuổi hợp tác, các nền dân chủ Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương có thể thúc đẩy một trật tự dựa trên luật lệ và mang tính bao trùm, qua đó củng cố hòa bình, ổn định, thịnh vượng và tự do hàng hải trong khu vực. Đây là giải pháp duy nhất để ngăn chặn những nỗ lực của Trung Quốc nhằm trở thành một bá chủ của một trật tự khu vực phi tự do.

Brahma Chellaney, Giáo sư Nghiên cứu Chiến lược tại Trung tâm Nghiên cứu Chính sách (đặt tại New Delhi) và Nghiên cứu viên tại Học viện Robert Bosch tại Berlin, là tác giả của 9 cuốn sách, trong đó có Asian Juggernaut, Water: Asia's New Battleground, and Water, Peace, và War: Confronting the Global Water Crisis.

Việt Nam 'giữ vững quan điểm' về 'Bộ tứ' Mỹ, Nhật, Úc, Ấn Độ

21/11/2018

VOA Tiếng Việt

Capture à partir de :voatiengviet



Tổng thống Ấn Độ Ram Nath Kovind trong lễ đón chính thức ở Hà Nội hôm 20/11.

Giới quan sát cho rằng Việt Nam vẫn giữ vững quan điểm về chính sách “ba không”, sau khi Hà Nội lên tiếng phản đối liên minh quân sự ở khu vực, khi đề cập tới việc hình thành “Bộ tứ”, còn gọi là “Quad”, gồm Mỹ, Nhật, Úc và Ấn Độ, trong bối cảnh Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Tân Đại sứ Việt Nam ở Ấn Độ, ông Phạm Sanh Châu, mới đây trả lời báo chí địa phương rằng Việt Nam “không muốn bất kỳ liên minh quân sự nào vì nó không có lợi cho an ninh khu vực”, nhưng “hoan nghênh bất kỳ sáng kiến nào đóng góp vào hòa bình khu vực”.



Tân Đại sứ Việt Nam tại New Delhi, ông Phạm Sanh Châu và Tổng thống Ấn Độ Ram Nath Kovind.

Trả lời VOA tiếng Việt, ông David Brown, cựu quan chức ngoại giao Mỹ ở Sài Gòn, nói rằng phát biểu của đại sứ Châu “không cho thấy bất kỳ sự thay đổi nào của Việt Nam”.

“Nhiều năm qua, một điểm quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam, đó là muốn làm bạn với tất cả các nước, và vì thế, nước này sẽ không tham gia bất kỳ liên minh nào”, nhà nghiên cứu về tình hình Việt Nam nói về quan điểm “ba không” của Việt Nam là “không tham gia các liên minh quân sự,

không cho bất cứ nước nào đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam và không dựa vào nước này để chống nước kia”.

Ông Brown nói thêm: “Nhưng nguyên tắc đó không cản trở Việt Nam tham gia sự hợp tác không chính thức với một số các nước, trong đó có tất cả bốn nước thành viên của Quad, bất cứ khi nào Hà Nội thấy cơ hội củng cố khả năng bảo vệ đất nước khỏi sự xâm lược”.

Tin cho hay, Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe năm 2007 khởi xướng Đối thoại An ninh Bốn bên mà nhiều người hay gọi tắt là "Quad" giữa Mỹ, Nhật, Úc và Ấn Độ.

Trong khi có ý kiến cho rằng nhóm “Bộ tứ” này được hình thành nhằm kiềm tỏa sự trỗi dậy của Trung Quốc, ông Patrick Murphy, nhà ngoại giao cấp cao của Mỹ chuyên trách về các vấn đề Đông Á và Thái Bình Dương mới được từ Bưu điện Hoa Nam Buổi sáng trích lời nói rằng liên minh này không phải là một cơ chế “tập trung vào quân sự” mà là một diễn đàn đa phương nhằm chia sẻ các giá trị và nền tảng chung giữa bốn nước.



Tổng thống Ấn Độ Ram Nath Kovind và Chủ tịch nước, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng hôm 20/11.

Hiện chưa rõ ông Châu đưa ra nhận định trên trong cuộc phỏng vấn riêng với báo chí Ấn Độ hay tại cuộc họp báo chung ở New Delhi nhân chuyến thăm kéo dài hai ngày của Tổng thống Ấn Độ Ram Nath Kovind tới Việt Nam.

Thông tấn xã Việt Nam đưa tin về cuộc họp báo của ông Châu tại Ấn Độ ngày 15/11, nhưng không đề cập tới nội dung về “Bộ tứ” Mỹ, Nhật, Úc và Ấn Độ.



Tin cho hay, Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe năm 2007 khởi xướng "Quad".

Về hợp tác quốc phòng - an ninh giữa hai nước, ông Châu được trích lời đánh giá rằng đó là “trụ cột quan trọng, hiệu quả của quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện”.

Trong chuyến thăm quốc gia Đông Nam Á kết thúc hôm 20/11, ông Ram Nath Kovind cũng được trích lời nói rằng Việt Nam là “trụ cột trong chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ”.

Trong khi đó, Chủ tịch nước, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng nhắc lại tuyên bố của ông Châu rằng “quốc phòng, an ninh là một trụ cột quan trọng của quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước”.

Việt Nam đứng trước cơ hội tham gia Bộ tứ kim cương mở rộng

15/05/2020

VOA Tiếng Việt

Capture à partir de : voatiengviet



Công nhân may quần áo bảo hộ và khẩu trang ở nhà máy TNG tỉnh Thái Nguyên, 23/03/2020.

Hôm 14/5, Bộ Ngoại giao Việt Nam cho biết Việt Nam đã cùng Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc và New Zealand tiến hành điện đàm không chính thức nhằm đóng góp vào nỗ lực chung đẩy lùi dịch bệnh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho mở cửa và hồi phục nền kinh tế hậu Covid-19.

Trước đó, hãng tin Reuters cho biết Mỹ đang lên kế hoạch thành lập *Mạng lưới kinh tế thịnh vượng* bắt đầu bằng cách khởi động lại cuộc đối thoại nhóm *Bộ tứ kim cương* (Nhóm QUAD), gồm Mỹ, Úc, Nhật Bản, Ấn Độ và mời thêm 3 quốc gia khác là Việt Nam, Hàn Quốc và New Zealand, gọi là nhóm *Bộ tứ mở rộng* (QUAD Plus).

Theo lời Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo, mục đích của nhóm gồm 7 quốc gia hiện nay là “tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu”, đưa nền kinh tế toàn cầu “tiến lên phía trước” sau dịch bệnh Covid-19.

Cổng thông tin Bộ Ngoại giao Việt Nam hôm 14/5 dẫn lời người phát ngôn Lê Thị Thu Hằng nói: “Việt Nam tin rằng thông qua các cơ chế hợp tác, trao đổi, điện đàm với tinh thần xây dựng và có trách nhiệm, các quốc gia và cộng đồng thế giới sẽ cùng nhau sớm kiểm soát, đẩy lùi dịch bệnh đồng thời từng bước khôi phục phát triển kinh tế - xã hội”.

Tuy nhiên, bà Hằng không cho biết rõ thời gian diễn ra điện đàm và liệu Việt Nam có được nhận lời mời chính thức tham gia Quad Plus hay chưa.

Nhận định về cơ hội của Việt Nam khi được mời tham gia vào *Mạng lưới kinh tế thịnh vượng* do Hoa Kỳ lãnh đạo, giáo sư Võ Đại Lộc, nguyên Viện trưởng Viện kinh tế thế giới, nói với VOA:

“Tôi nghĩ đó là một cơ hội tốt để Việt Nam có thể tiếp nhận các chuỗi cung ứng. Trong vấn đề hiện nay với xung đột Mỹ-Trung đang căng thẳng hơn thì dường như chính phủ các nước muốn thúc đẩy mạnh hơn quan hệ này. Tuy nhiên, cũng không phải là dễ vì Việt Nam và các nước Đông Nam Á dù có một số lợi thế nhưng nhìn tổng thể thì rất khó so sánh với lợi thế của Trung Quốc.

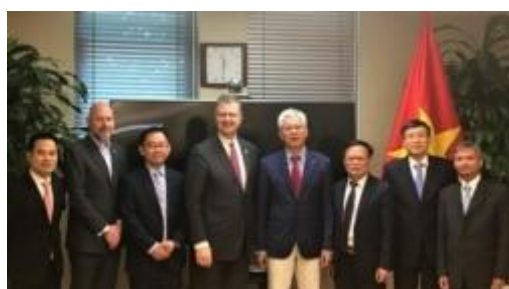
“Tôi thấy đã xuất hiện một số doanh nghiệp rời Trung Quốc sang Việt Nam nhưng chưa phải là nhiều. Việt Nam thì mong

muốn chuyển sang càng nhiều càng tốt, nhưng vấn đề là họ có chuyển đi được không”.

Báo Thanh Niên dẫn lời tiến sĩ Phùng Đức Tùng, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Mekong, nói: “Việt Nam phải nhìn thấy đây là cơ hội lớn để tham gia mạnh mẽ vào chuỗi cung ứng thế giới do lợi thế 64% dân số trong độ tuổi lao động, chi phí lao động lại thấp hơn Trung Quốc”.

Trang Vietnam Finance dẫn lời tiến sĩ Bùi Ngọc Sơn, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, nhận định: “Muốn phát triển, Việt Nam phải có vị trí cao, sâu, chắc chắn trong các chuỗi cung ứng của toàn cầu. Chỉ khi độc lập về kinh tế thì mọi chuyện mới đổi khác, nếu không thì ta vẫn sẽ phụ thuộc nước này hoặc nước kia và cuối cùng thì chơi với ai, ta cũng phải chịu thiệt”.

Reuters cho biết dù chưa rõ những quốc gia nào sẽ nằm trong *Mạng lưới kinh tế thịnh vượng*, song với việc chính quyền Mỹ đang hợp tác chặt chẽ với Việt Nam, Hàn Quốc, New Zealand, Úc, Ấn Độ và Nhật Bản thì đây sẽ là những quốc gia được Mỹ hướng đến nhằm tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu.



Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Daniel Kritenbrink và các thành viên trong Tổ tư vấn Kinh tế của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, ngày 15/05/2020. Photo Facebook US Embassy Hanoi.

Bộ Tư kim cương ra đời năm 2007 với 4 quốc gia thành viên Nhật Bản, Mỹ, Ấn Độ, Australia với mục đích là thiết lập một cơ chế kinh tế xuyên Thái Bình Dương với tham vọng trở thành hạt nhân của Diễn đàn kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) để đối phó với sự chi phối của khái niệm “Biên giới mềm” ngày càng tăng do Trung Quốc đề xướng.

Theo các chuyên gia quốc tế, việc tham gia *Bộ tứ Kim cương mở rộng* có thể là bài toán về quan hệ quốc tế khó cho Việt Nam, buộc giới lãnh đạo Hà Nội phải xem xét kỹ lưỡng để tạo điều kiện tốt nhất cho bứt phá kinh tế sau đại dịch Covid-19.

Chuyên gia phân tích chính sách Derek Grossman của tập đoàn Rand viết: “Việt Nam có thể là một thành viên mới tuyệt vời cho Quad Plus... Nhưng các nhà lãnh đạo Việt Nam cũng khó có thể đồng hành cùng Quad Plus trừ khi sự quyết đoán của Trung Quốc ở Biển Đông tăng lên đột ngột và buộc Hà Nội phải ra tay”.

“Chính sách quốc phòng 4 Không của Việt Nam - không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế - gây trở ngại đáng kể cho khả năng của Hà Nội tham gia vào một nhóm như thế nhằm chống lại Trung Quốc”.

Hôm 06/5, theo đề nghị của phía Hoa Kỳ, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc đã có cuộc điện đàm với Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump, và Ngoại trưởng Việt Nam Phạm Bình Minh điện đàm với Ngoại trưởng Mike Pompeo với kỳ vọng thúc đẩy hơn nữa quan hệ kinh tế - thương mại.

Hôm 15/5 Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam đã có cuộc gặp với các thành viên trong Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam.

“Đại sứ Hoa Kỳ Daniel Kritenbrink và Tổ tư vấn Kinh tế của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã gặp mặt để thảo luận về việc tăng cường quan hệ kinh tế song phương nhằm phát triển kinh tế hai nước và lan tỏa thịnh vượng”, Đại sứ quán Hoa Kỳ cho biết hôm 15/5.